

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THÙY LINH

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN
KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THÙY LINH

**VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN
KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

Mã số: 9229002

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS,TS Lê Thị Thanh Hà



2. TS. Phạm Anh Hùng



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Luận án là công trình nghiên cứu của tôi, dưới sự góp ý của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, phản biện độc lập và giáo viên hướng dẫn PGS.TS Lê Thị Thanh Hà và TS. Phạm Anh Hùng. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là quá trình khảo cứu những số liệu của nghiên cứu sinh và tài liệu thứ cấp đã được công bố liên quan đến đề tài luận án trong thời gian gần đây, có trích dẫn trung thực, rõ ràng theo quy định.

Tác giả



Nguyễn Thị Thùy Linh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	7
1.1. Tổng quan những công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án.....	7
1.2. Giá trị của những công trình đã tổng quan và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.....	29
Chương 2. VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN.....	35
2.1. Một số khái niệm cơ bản.....	35
2.2. Nội dung vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn	57
2.3. Một số yếu tố tác động đến vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam	66
Chương 3. VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA	78
3.1. Thực trạng vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay	78
3.2. Một số vấn đề đặt ra từ vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay	116
Chương 4. GIẢI PHÁP CƠ BẢN PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN 2045	124
4.1. Nhóm giải pháp về phát huy vai trò của nhà nước trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với phát triển kinh tế tuần hoàn.....	124
4.2. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của nhà nước trong thực hiện quy định của hệ thống pháp luật về phát triển kinh tế tuần hoàn	132
4.3. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của nhà nước trong đầu tư tài chính, khoa học - công nghệ và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai phát triển kinh tế tuần hoàn.....	141

KẾT LUẬN151

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO153

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BĐKH	:	Biến đổi khí hậu
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
CBXH	:	Công bằng xã hội
CNXH	:	Chủ nghĩa xã hội
ĐCSVN	:	Đảng Cộng sản Việt Nam
EU	:	Liên minh châu Âu
GDP	:	Tổng sản phẩm quốc nội
KH&CN	:	Khoa học và công nghệ
KTTH	:	Kinh tế tuần hoàn
MTTQ	:	Mặt trận Tổ quốc
Nxb	:	Nhà xuất bản
OECD	:	Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế
PTBV	:	Phát triển bền vững
QLNN	:	Quản lý nhà nước
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Khái quát một số văn bản chính sách phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam.....	86
Bảng 3.2. Số liệu minh họa	100
Bảng 3.3. Số liệu minh họa	101

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh thế giới đang đứng trước sức ép cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu (BĐKH) ngày càng nghiêm trọng, việc chuyển đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính “khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ” sang mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH) trở thành xu hướng tất yếu của phát triển bền vững (PTBV). Kinh tế tuần hoàn (KTTH) là mô hình phát triển dựa trên nguyên tắc giảm thiểu - tái sử dụng - tái chế, thay thế cho mô hình tuyến tính “khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ”. Mục tiêu của phát triển KTTH là kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải ra môi trường, đồng thời tạo ra giá trị kinh tế mới từ nguồn tài nguyên đã qua sử dụng. Áp dụng KTTH giúp doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao khả năng chống chịu chuỗi cung ứng, và mở rộng thị trường xuất khẩu. Do vậy, mô hình kinh tế này đang là xu hướng tất yếu của thời đại.

Việt Nam, với mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển hài hòa giữa kinh tế - xã hội - môi trường, đang tích cực tiếp cận mô hình này như một giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm phát thải và tạo động lực cho đổi mới sáng tạo. Văn kiện Đại hội XIV đã khẳng định trong kỷ nguyên mới, Việt Nam đẩy mạnh: “phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế số, gắn với khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số”. Trong tiến trình đó, Nhà nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng - vừa là chủ thể hoạch định thể chế, chính sách và định hướng phát triển, vừa là người điều phối, giám sát và kiến tạo môi trường thuận lợi để các chủ thể kinh tế cùng tham gia.

Những năm gần đây, Việt Nam đã bước đầu triển khai nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển KTTH, thể hiện rõ vai trò định hướng và quản lý của Nhà nước. Thành tựu nổi bật là việc ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 với chương riêng về KTTH, Quyết định số 687/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt *Đề án phát triển KTTH và nhiều chương trình hành động liên ngành*. Một số địa phương và doanh nghiệp lớn như Vinamilk, Heineken, Unilever, Coca-Cola Việt Nam đã tham gia mô hình tái chế, tái sử dụng, tiết kiệm năng lượng, ... góp phần hình thành

nền tảng ban đầu cho KTTH. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vai trò của Nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế: khung pháp lý chưa đồng bộ; chính sách khuyến khích chưa đủ mạnh; cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương còn rời rạc; công tác giám sát, đánh giá chưa hiệu quả; nguồn lực tài chính, nhân lực cho KTTH còn thiếu. Nhận thức xã hội và năng lực thực thi của doanh nghiệp, người dân vẫn hạn chế, dẫn tới việc chính sách khó đi vào cuộc sống. Nguyên nhân cơ bản của những hạn chế trên là do thiếu định hướng chiến lược thống nhất, chưa hình thành hệ thống công cụ kinh tế - pháp lý đồng bộ, và nguồn lực đầu tư cho KTTH còn dãn trải, manh mún.

Hiện nay, Việt Nam đang đứng trước yêu cầu cấp bách phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, tuần hoàn và phát thải thấp nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Tuy nhiên, quá trình triển khai KTTH vẫn còn ở giai đoạn khởi đầu, quy mô nhỏ, thiếu sự liên kết giữa các ngành và địa phương. Vấn đề nổi bật là vai trò của Nhà nước chưa khẳng định rõ tầm quan trọng của mình đối với yêu cầu phát triển KTTH. Trong kỷ nguyên mới, Nhà nước cần phát huy hơn nữa vai trò kiến tạo, điều tiết và dẫn dắt để KTTH trở thành động lực trung tâm của mô hình phát triển bền vững ở Việt Nam. Do đó, việc nghiên cứu, phân tích và làm rõ “*Vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay*” là hết sức cần thiết và mang ý nghĩa lý luận cũng như thực tiễn sâu sắc. Đây là lý do nghiên cứu lựa chọn đề tài: *Vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay* làm luận án tiến sĩ chuyên ngành CNDVBC và DVLS.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Luận án làm rõ cơ sở lý luận về vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt nam; phân tích, đánh giá thực trạng và chỉ ra một số vấn đề về vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH của Việt Nam hiện nay; từ đó luận án đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

2.2. Nhiệm vụ

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, khái quát giá trị của các công trình khoa học đối với luận án và xác định những nội dung luận án tiếp tục nghiên cứu;
- Luận án là rõ cơ sở lý luận về vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam;
- Luận án phân tích thực trạng và xác định một số vấn đề đặt ra từ thực trạng vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay.
- Đề xuất một số giải pháp cơ bản phát huy vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung nghiên cứu:* Luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực trạng vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam; nghiên cứu đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

- *Về không gian nghiên cứu:* vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

- *Về thời gian:* Luận án sử dụng các số liệu nghiên cứu giai đoạn thực hiện KTTH từ 2016 (Đại hội XII) đến nay, đưa ra các giải pháp đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án sử dụng cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, về nhà nước, về chức năng giai cấp và chức năng xã hội của nhà nước; về vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; về mối quan hệ giữa con người với tự

nhiên, môi trường; vai trò của môi trường đối với sự tồn tại và phát triển của con người, của xã hội.

Luận án sử dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa con người và môi trường; về nhà nước và vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội; các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về vấn đề quản lý, điều hành kinh tế, về chủ trương, giải pháp phát triển KTTH ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. Đồng thời, luận án cũng sử dụng cơ sở lý luận và phương pháp luận của các nhà kinh tế và tư tưởng khác cũng như các lý thuyết về vai trò của nhà nước trong quản lý, điều hành nền kinh tế nói chung, trong phát triển KTTH nói riêng.

4.2. Cơ sở chính trị

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kết luận của Đảng như: Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (2021): lần đầu tiên đưa KTTH vào định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, coi đây là một trong những giải pháp để đạt mục tiêu PTBV; Nghị quyết số 24-NQ/TW (2013) về chủ động ứng phó BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT. Đây là văn bản của Đảng đặt nền tảng cho việc chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh, tuần hoàn; Nghị quyết số 41-NQ/TW (2004) về BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa: nhấn mạnh yêu cầu gắn kết phát triển kinh tế với BVMT, là tiền đề cho tư duy tuần hoàn; các định hướng trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030: khẳng định phát triển KTTH là một trong những giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm phát thải và bảo vệ môi trường.

4.3. Cơ sở thực tiễn

Luận án sử dụng tài liệu, số liệu thứ cấp đã được công bố của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp, các nhà khoa học trong và ngoài nước về vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH, thực trạng phát triển KTTH, kiến nghị, giải pháp về phát triển KTTH.

4.4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; phương pháp cụ thể ngành và liên ngành: phân tích - tổng hợp; phương

pháp đọc và phân tích tài liệu; phương pháp quan sát, so sánh; phương pháp diễn dịch, quy nạp; khái quát hóa và trừu tượng hóa; lô gics và lịch sử.

Phương pháp logic và lịch sử: Phương pháp logic được sử dụng để phân tích, luận giải mối quan hệ biện chứng giữa vai trò của nhà nước và phát triển KTTH. Đồng thời, sử dụng phương pháp lịch sử để nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của KTTH qua các giai đoạn.

Phương pháp phân tích và tổng hợp: Thực hiện phân tích sâu sắc các tài liệu lý luận về vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH; các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH. Trên cơ sở đó, tổng hợp các kết quả phân tích để đề xuất những giải pháp phát huy vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH.

Phương pháp khái quát hóa và trừu tượng hóa: Được sử dụng để tổng hợp các nghiên cứu liên quan, xây dựng hệ thống các khái niệm công cụ và làm sáng tỏ khái niệm trung tâm của luận án. Quá trình này cũng giúp trừu tượng hóa các yếu tố tác động tới vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH, làm cơ sở khoa học để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khả thi.

Phương pháp so sánh: So sánh các dữ liệu thu thập qua các năm, giữa các doanh nghiệp khác nhau nhằm chỉ ra thực trạng vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH, nhận diện rõ thành tựu, hạn chế, vấn đề đặt ra làm cơ sở xác định các yếu tố ảnh hưởng và đưa ra các giải pháp phù hợp.

5. Đóng góp mới của luận án

Luận án luận giải sâu sắc thêm hệ thống các khái niệm cơ bản về vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam, làm cơ sở lý luận triển khai mục tiêu và nhiệm vụ của luận án. Phân tích thực trạng vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam giai đoạn 2016 đến nay với một số kết quả cơ bản đạt được, những hạn chế còn tồn tại, nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra. Đồng thời đề xuất một số giải pháp cơ bản, có tính khả thi nhằm phát huy vai trò Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án là sản phẩm khoa học nhằm cung cấp thêm cơ sở lý luận về vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH của Việt Nam hiện nay. Đây là nội dung còn khá mới mẻ ở Việt Nam nên chưa có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về vấn đề này. Do đó, những vấn đề về vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH của Việt Nam hiện nay có ý nghĩa lý luận nhất định đối với nhà khoa học, những người nghiên cứu về vấn đề này, đặc biệt là các nhà hoạch định chính sách có thể tham khảo làm cơ sở lý luận cho việc xây dựng các chính sách.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án hoàn thành sẽ là tài liệu tham khảo, cung cấp những giải pháp hữu ích để phát huy vai trò của nhà nước nói chung; vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH nói riêng. Thực hiện những giải pháp của luận án sẽ góp phần nâng cao vị thế và năng lực quản trị quốc gia của Việt Nam trong xu hướng PTBV toàn cầu; đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới phát triển bền vững và thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải, bảo vệ môi trường. Luận án cũng có thể là tài liệu tham khảo cho những ai quan tâm nghiên cứu vấn đề có liên quan.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án gồm 4 chương, 10 tiết, kết luận, các công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế và kinh tế tuần hoàn

- Về vai trò của nhà nước

Công trình: *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế ở Việt Nam* [11]. Công trình này tổng hợp những thông điệp chính từ các nghiên cứu chuyên đề do các viện thuộc Bộ Kế hoạch Đầu tư (MPI) thực hiện nhằm nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế tại Việt Nam. Những báo cáo chuyên đề được sử dụng làm đầu vào cho Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2016-2020 của Chính phủ và Báo cáo Việt Nam 2035. Các nhà hoạch định chính sách và chuyên gia kinh tế nhận thức được rằng nhà nước có vai trò nòng cốt trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh, với vai trò là một chủ thể và chức năng điều tiết, nhà nước tạo thuận lợi có hiệu quả, khắc phục sự thất bại của thị trường, tạo một sân chơi bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp và cá nhân và tạo thuận lợi cho việc cung cấp những dịch vụ và cơ sở hạ tầng công thiết yếu. Thành công trong tương lai của Việt Nam trong việc chuyển đổi mô hình kinh tế có thu nhập cao sẽ phụ thuộc vào việc nhà nước kiến tạo môi trường thể chế thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội tại Việt Nam một cách có hiệu quả.

Cuốn sách của Vũ Tuấn Anh (1994), *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế* [1]. Cuốn sách biên tập những bài viết trong nước và nước ngoài về vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế. Để phân tích kỹ vai trò của nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế, tác giả đưa ra nhiều bài viết liên qua đến vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế ở các quốc gia tiêu biểu như Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia, Indônêsi. Từ đó tác giả khái quát nhà nước có

vai trò hết sức to lớn, có tính quyết định trong phát triển kinh tế. Trên thế giới ngày nay, không có quốc gia nào không có sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế theo nhiều lý do khác nhau, đặc biệt trong những tình huống bất ổn. Vai trò đó hiện ngày càng trở nên tích cực hơn trong bối cảnh kinh tế đương đại.

Đối với các quốc gia đang phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như Việt Nam, thì vai trò của Nhà nước đối với kinh tế không chỉ xuất phát từ yêu cầu phổ biến của quá trình phát triển kinh tế thị trường, mà còn xuất phát từ *tính đặc thù* của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Để đường lối, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng “biến” thành hiện thực vận động của nền kinh tế, chúng phải được thể chế hóa thành hệ thống pháp luật, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và được triển khai bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước, dưới sự quản lý của Nhà nước do Đảng lãnh đạo.

Bài viết của tác giả Phạm Ngọc Quang (2009): *Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay* [85]. Bài viết cho rằng: phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong những vấn đề căn bản của triết lý phát triển ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, mặt trái của kinh tế thị trường sẽ làm hạn chế tính định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Do vậy, cần có sự điều tiết của nhà nước và vai trò điều tiết của Nhà nước đối với kinh tế thị trường là bảo đảm ổn định vĩ mô, định hướng phát triển, khắc phục khuyết tật của thị trường và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Bài viết của Lê Thị Thanh Hà (2011), *Vai trò của nhà nước Việt Nam trong việc bảo vệ môi trường*, [43]. Bài viết đã chỉ ra ngày nay nhà nước phải giải quyết hàng loạt các công việc mà bản thân mọi công dân không thể tự làm được như: xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, trường học, bệnh viện, công viên, đường xá, chống các dịch bệnh, chống chiến tranh hủy diệt và đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường. Vì vậy, *mọi nhà nước đều phải có nhiệm vụ tất yếu là bảo vệ môi trường*. Theo tác giả bài viết: Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong công tác bảo vệ môi trường: vừa là người kiến tạo chính sách, vừa là cơ quan quản lý, giám sát và thực thi để đảm bảo phát triển bền vững.

Lê Thị Thanh Hà và Hoàng Thu Trang (2012): *Vai trò điều tiết kinh tế của*

nhà nước đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay, [44]. Bài viết phân tích mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Luận giải vai trò điều tiết sự phát triển kinh tế của nhà nước và nên trách nhiệm của nhà nước trong việc điều tiết nền kinh tế gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Ha-Joon Chang (2003), *Globalization, economic development and the role of the state*, published by Zed Books Ltd, 2003, (Toàn cầu hóa, phát triển kinh tế và vai trò của nhà nước) của Ha-Joon Chang [134]. Cuốn sách có 3 phần, 9 chương trong đó có phần 1 là phần lý luận với 3 chương. Chương 1 tác giả đề cập đến những lý luận về sự can thiệp của nhà nước trong lịch sử. Đặc biệt tại chương 2, tác giả đề cập đến vai trò của nhà nước trong việc tạo lập và thay đổi cơ cấu nền kinh tế. Theo tác giả: Dù nền kinh tế thịnh vượng hay khủng hoảng thì vai trò của nhà nước đều có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phát triển kinh tế. Việc nhà nước can thiệp vào nền kinh tế là cần thiết bởi sự bất lực của thị trường. Khi thị trường thất bại trong việc tạo ra các điều kiện tối ưu cho sản xuất kinh doanh, thì nhà nước, với những quyền lực và trách nhiệm bảo vệ xã hội, sẽ thay thế để khắc phục những khiếm khuyết của thị trường bằng các biện pháp như thuế, quản lý quyền kinh doanh, quản lý giá cả... Với vai trò quản lý, nhà nước phải kiểm soát những xung đột nảy sinh trong quá trình thay đổi cơ cấu nền kinh tế, đồng thời cung cấp và thực hiện những giải pháp tái cơ cấu nền kinh tế nhằm ổn định kinh tế, ổn định xã hội.

Phạm Thị Thùy (2022), *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội*, [111]. Bài viết khẳng định: Nhà nước là chủ thể có vai trò to lớn trong việc hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Hoạt động của Nhà nước là vì lợi ích chung của toàn xã hội, của cả nền kinh tế, do đó, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng đến mục tiêu phát triển xã hội và mỗi chính sách xã hội cũng phải tạo động lực cho thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Dương Thị Thục Anh (2013), *Vấn đề thực hiện chức năng xã hội của nhà nước Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường hiện nay*, Luận án tiến sĩ triết học [2]. Luận án đã chỉ ra chức năng xã hội của nhà nước là thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, chăm sóc y tế, giáo dục, nhà ở và các dịch vụ công

cộng khác nhằm đảm bảo mọi người dân đều có điều kiện sống tốt nhất. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN hiện nay ở Việt Nam, nhà nước cần tăng cường thực hiện chức năng xã hội của nhà nước để giữ vững định hướng XHCN.

Hoàng Thị Thu Thủy (2021), *Vai trò của nhà nước đối với phát triển bền vững ở Tây Nguyên*, [112]. Bài viết khẳng định: Phát triển Tây Nguyên nhanh, bền vững là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước. Để phát triển Tây Nguyên nhanh, bền vững, cần phát huy vai trò của nhà nước. Bởi, nhà nước thực hiện sự kết hợp hài hòa, hợp lý giữa phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường để thực hiện mục tiêu PTBV đất nước; nhà nước tạo điều kiện để phát triển và điều tiết phân bổ các nguồn lực hợp lý, phục vụ cho sự phát triển liên tục, lâu bền; nhà nước thực hiện việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế đồng thời duy trì và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa; nhà nước tạo điều kiện để con người được phát triển toàn diện.

- Về kinh tế tuần hoàn

Martin Geissdoerfer, Paulo Savaget, Nancy Bocken, Erik Jan Hultink (2017): *The Circular Economy - A new sustainability paradigm? (Kinh tế tuần hoàn - Một mô hình bền vững mới?)* [139]. Bài viết khẳng định: Sự chuyển đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính kiểu cũ sang KTTH đã và đang diễn ra tại nhiều quốc gia trên thế giới, do nhu cầu cấp thiết về sử dụng hiệu quả tài nguyên và hướng tới bảo vệ môi trường. Đồng thời, tác giả bài viết cũng chỉ ra: KTTH (Circular Economy) là một mô hình kinh tế hướng tới việc tái sử dụng tối đa các nguồn tài nguyên, giảm thiểu chất thải và tác động tiêu cực đến môi trường. Thay vì theo mô hình kinh tế tuyến tính (linear economy) "sản xuất - tiêu thụ - thải bỏ" truyền thống, còn KTTH hướng tới một vòng đời sản phẩm khép kín, nơi mà mọi thứ đều có thể tái sử dụng hoặc tái chế.

Alan Murray, Keith Skene, Kathryn Haynes (2015): *The Circular Economy: An Interdisciplinary Exploration of the Concept and Application in a Global Context (Nền kinh tế tuần hoàn: Khám phá liên ngành về khái niệm và ứng dụng trong bối cảnh toàn cầu)* [128]. Bài viết này nghiên cứu các khái niệm và

nguồn gốc của nền KTTH, ý nghĩa của nó và các tiền đề của KTTH trong kinh tế học và sinh thái học; đồng thời thảo luận về cách thức KTTH đã được vận hành trong kinh doanh và chính sách. Theo đó, các tác giả đã gợi ý định nghĩa về nền KTTH là “một mô hình kinh tế trong đó việc lập kế hoạch, cung cấp nguồn lực, thu mua, sản xuất và tái chế được thiết kế và quản lý, cả về quy trình và đầu ra, để tối đa hóa chức năng của hệ sinh thái và phúc lợi của con người” [128].

Vasileios Rizos, Katja Tuokko, Arno Behrens (2017): *The Circular Economy: A review of definitions, processes and impacts (Nền kinh tế tuần hoàn: Tổng quan về các định nghĩa, quy trình và tác động)* [143]. Bài viết nghiên cứu nền KTTH trên một số khái niệm cũng như các khía cạnh khác nhau và tác động dự kiến của nó. Các tác giả cho rằng: KTTH là mô hình kinh tế bền vững, tối ưu hóa tài nguyên, giảm thiểu chất thải và thúc đẩy tái sử dụng, tái chế. Việc thúc đẩy hành động, chuyển sang mô hình KTTH, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, hạn chế phát thải ra môi trường là yêu cầu cấp bách và xu hướng tất yếu giúp các quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện tăng trưởng xanh.

Dinda S. (2020), *A circular economy approach for sustainable economic development, (Một cách tiếp cận kinh tế tuần hoàn cho phát triển kinh tế bền vững)* [131]. Trong bài viết này, tác giả tập trung vào cách tiếp cận nền KTTH dựa trên nguyên tắc tái chế tài nguyên. Nó là một giải pháp thay thế cho nền kinh tế tuyến tính hiện tại dựa trên nguyên tắc “lấy-làm-bỏ”, không bền vững cho tăng trưởng kinh tế do hạn chế về nguồn lực trên thế giới. Nghiên cứu này đặc biệt thiết lập một mô hình KTTH để phát triển bền vững trong khuôn khổ tăng trưởng kinh tế nội sinh kết hợp chất thải như nguồn dự trữ có giá trị cho quá trình sản xuất tiếp theo. Bài viết nhấn mạnh (a) lượng chất thải tích tụ, (b) động lực của chất thải trong hệ thống khép kín và (c) con đường tăng trưởng kinh tế.

Nguyễn Ngọc Toàn (2023): *Kinh tế tuần hoàn trong phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay* [116]. Cuốn sách đã khái quát quan niệm về KTTH trên thế giới và của một số nhà khoa học ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả chỉ ra khái niệm về KTTH: “Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất và tiêu dùng hướng đến sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên

nhiên, hạn chế phát thải; quản lý, tái chế, tái sử dụng chất thải làm đầu vào sản xuất và sử dụng tài nguyên có khả năng tái tạo” [116, tr.21]. Tác giả cũng so sánh phát triển mô hình KTTH và kinh tế tuyến tính; chỉ ra mối quan hệ KTTH với kinh tế xanh và phát triển bền vững. Những quan niệm nêu trên trong cuốn sách giúp luận án có thể tham khảo để đưa ra quan niệm của mình về KTTH.

Trần Kim Chung, Hoàng Văn Cương (2021): *Xu thế phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam trong tình hình mới* [22]. Bài viết chỉ ra KTTH là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, dịch vụ đặt ra mục tiêu kéo dài tuổi thọ của vật chất và loại bỏ tác động tiêu cực đến môi trường. Trên thế giới, KTTH được coi là mô hình kinh tế đáp ứng yêu cầu về giải quyết ô nhiễm môi trường, ứng phó với BĐKH gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Tại Việt Nam, việc ứng dụng KTTH gắn với phát triển bền vững, tăng trưởng xanh đang được quan tâm, đề cập nhiều hơn trong những năm gần đây.

Bùi Kim Thanh (2025): *Mô hình phát triển kinh tế tuần hoàn và khuyến nghị chính sách*, [100]. Bài viết chỉ ra KTTH đang là xu hướng phát triển trên thế giới. Nhiều mô hình KTTH đã được nghiên cứu và ứng dụng thành công ở nhiều quốc gia. Theo tác giả: “kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế hướng tới sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, tái chế chất thải, góp phần bảo vệ môi trường, đem lại hiệu quả kinh tế” [100]. Trên thế giới hiện nay, lựa chọn phát triển mô hình KTTH đang là xu thế phát triển tất yếu. Đây là cơ hội để các nước trên thế giới chung tay bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH, sớm đạt mục tiêu phát triển bền vững.

Ngoài ra, nói về KTTH còn khá nhiều các tác giả tiếp cận và nghiên cứu. Chẳng hạn, tác giả Trần Văn Hiếu (2022): *Kinh tế tuần hoàn - Chiến lược và giải pháp phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long*, [54]; Phan Thị Hà Linh (2022): *Kinh tế tuần hoàn và cơ chế pháp lý thúc đẩy kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam* [62]; Nguyễn Hoàng Nam (2022): *Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030* [77]; Nguyễn Nhân (2021): *Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng (77 - 2021)* [80]; Nguyễn Văn Phương (2022): *Pháp luật về quản lý chất thải hướng tới xây dựng mô hình kinh tế tuần*

hoàn tại Việt Nam [83]. Nguyễn Hồng Quân (2022): *Kinh tế tuần hoàn thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững, hài hòa với bảo vệ môi trường* [87]; Võ Hữu Phước (2023): *Phát triển kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển bền vững* [84]; Nguyễn Thị Phong Lan (2023): *Kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển bền vững ở Việt Nam* [58]; Nguyễn Thị Thanh Mai (2023): *Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khi chuyển dịch sang mô hình kinh tế tuần hoàn tại vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc* [72]. Các bài viết này chủ yếu tiếp cận KTTT dưới góc độ kinh tế và pháp luật. Tuy nhiên, những quan niệm về KTTH của các tác giả đã giúp nghiên cứu sinh có cái nhìn đa chiều hơn về KTTH.

Liệt kê những công trình nêu trên cho thấy, KHHT là vấn đề mới được nghiên cứu nhiều trong những năm gần đây nhưng đã được các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm. Về vai trò của nhà nước đã có nhiều nhà khoa học nghiên cứu về vấn đề này, nhất là vấn đề vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế, nhưng vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH thì tác giả luận án chưa được tiếp cận.

1.1.2. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay

- Về thực trạng vai trò của nhà nước

Lê Hữu Ái (2015): *Vai trò của Nhà nước trong định hướng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay* [3]. Bài viết chỉ ra thực trạng vai trò của nhà nước trong định hướng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam được thể hiện: Nhà nước đóng vai trò điều tiết, định hướng, lựa chọn mô hình kinh tế; nhà nước xây dựng và hoàn thiện chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế; Nhà nước hoàn thiện thể chế tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh giữa các thành phần kinh tế; Nhà nước cung cấp các nguồn lực và chỉ đạo sử dụng các nguồn lực của Nhà nước quản lý và thúc đẩy nền kinh tế; Nhà nước ban hành chính sách xã hội nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển.

Nguyễn Thị Yến (2022): *Giải pháp góp phần hoàn thiện bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay* [126]. Phân tích thực trạng bộ máy quản lý

Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam, tác giả cho rằng: Hiện nay, bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam có nhiều ưu điểm như: Bộ máy nhà nước về kinh tế ở nước ta được tổ chức từ Trung ương đến địa phương, phù hợp với hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước. Cơ cấu tổ chức bộ máy đã được sắp xếp lại, tương đối đồng bộ, bảo đảm tính thống nhất, phù hợp với tính chất, quy mô, phạm vi, đối tượng quản lý các ngành, lĩnh vực... Tuy nhiên, bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam cũng đang còn tồn tại nhiều hạn chế cần khắc phục, nhất là: Chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế còn chưa được quy định rõ ràng. Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế còn chồng chéo nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu.

Cuốn sách của Lê Thị Thanh Hà (2013): *Nhà nước Việt Nam với vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn* [46] đã khảo sát thực trạng vai trò của nhà nước với vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên các nội dung: Thực trạng xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường; Thực trạng việc xây dựng cơ sở pháp lý để bảo vệ môi trường; Thực trạng việc tổ chức bộ máy, triển khai nhiệm vụ và xây dựng đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ bảo vệ môi trường; Thực trạng việc huy động cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường và tổ chức giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

Bài viết của Lê Thị Thanh Hà: *Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay* [45]. Tác giả đã chỉ ra thực trạng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường: bên cạnh những thành công không thể phủ nhận, công tác quản lý môi trường của Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập và khó khăn. Vấn đề này bắt nguồn ngay từ sự chồng chéo, không rõ ràng, chưa đầy đủ và thiếu đồng bộ trong các quy định của văn bản pháp luật, dẫn đến hàng loạt các vấn đề phát sinh trong việc triển khai thực hiện các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường, làm cho ÔNMT liên tục gia tăng trong những năm qua. bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường chưa thống nhất, chưa đồng bộ dẫn đến hiệu lực thực thi các văn bản pháp luật thấp và đó là lý do môi trường nước ta vẫn bị xuống cấp nghiêm trọng trong những năm qua.

Nguyễn Thị Quý (2023): *Vai trò kinh tế của nhà nước trong kinh tế thị*

trường định hướng xã hội chủ nghĩa [94]. Bài viết đã chỉ ra thực trạng quản lý nhà nước về ở Việt Nam trên các khía cạnh: “(1) Kịp thời ban hành và từng bước đưa vào cuộc sống một hệ thống luật pháp khá đầy đủ theo hướng đổi mới, tạo khuôn khổ pháp lý cơ bản cho nền kinh tế vận hành và phát triển với tốc độ cao, trong một thời gian dài; (2) Huy động được nguồn lực tài chính khá lớn để chủ động đầu tư phát triển các lĩnh vực kết cấu hạ tầng cơ bản như giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc. (3) Chuyển đổi cách thức định hướng, hướng dẫn từ trực tiếp sang gián tiếp: Nhà nước chủ yếu quản lý kinh tế vĩ mô, tăng cường sử dụng các chính sách kinh tế như tài chính, tiền tệ... (4) Trong quá trình phát triển, Nhà nước thực hiện điều tiết thành công, đảm bảo các tiêu chí công bằng xã hội trong điều kiện trình độ phát triển kinh tế còn thấp” [94]. Bên cạnh đó, tác giả cũng chỉ ra một số hạn chế của Nhà nước trong điều tiết kinh tế là: quản lý nhà nước chưa ngang tầm; hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách chưa đồng bộ; quản lý tài chính trên các lĩnh vực chậm đổi mới; tổ chức bộ máy nhà nước còn nặng nề.

Phạm Thị Thùy (2022), *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội* [111] đã chỉ ra thực trạng Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam thời gian qua: Nhà nước ta đã chỉ đạo sát sao trong xây dựng, ban hành các chính sách kinh tế kịp thời và kiểm soát tốt các yếu tố của thị trường, từ đó giúp cho nền kinh tế vĩ mô của đất nước luôn giữ được sự phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng khá cao, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp. Nhờ những chính sách xã hội thiết thực và kịp thời của Chính phủ, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia đầu tiên về đích trước mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc về giảm nghèo. Tăng trưởng kinh tế chưa có tính ổn định cao, tăng trưởng nhanh nhưng chưa bền vững, dễ bị ảnh hưởng, tổn thương từ các yếu tố bên ngoài, đẩy lạm phát tăng cao. Tăng trưởng kinh tế nóng làm kéo theo những hệ lụy xã hội như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, gia tăng bất bình đẳng xã hội, các giá trị văn hóa đạo đức xã hội ngày càng đi xuống... Quản lý nhà nước về kinh tế nhiều nơi còn buông lỏng, làm xuất hiện trong xã hội ngày càng nhiều những biểu hiện làm giàu bất chính như tham nhũng, buôn lậu, làm ăn phi pháp, rửa tiền... gây ảnh hưởng xấu

đến tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội.

- Về thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn

Nguyễn Ngọc Toàn (2023): *Kinh tế tuần hoàn trong phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay* [116]. Cuốn sách đã chỉ ra thực trạng phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay trên các nội dung: thực trạng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải; thực trạng quản lý chất thải, tái sử dụng và tái chế chất thải; thực trạng phát triển năng lượng, vật liệu tái tạo và thực trạng phát triển các mô hình ứng dụng kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Tác giả cuốn sách cũng có đánh giá chung về thực trạng phát triển KTTH ở Việt Nam trên 2 nội dung: thành tựu và hạn chế.

Trần Kim Chung, Hoàng Văn Cương (2021): *Xu thế phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam trong tình hình mới* [22]. Đánh giá về thực tiễn phát triển nền KTTH ở Việt Nam, tác giả nhấn mạnh đến các nội dung: Một số mô hình KTTH đã được ứng dụng trong sản xuất kinh doanh, cả trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nhiều địa phương trên cả nước. Để phát triển KTTH, Chính phủ Việt Nam đã: thể hóa chủ trương của Đảng, xây dựng “những chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển kinh tế tuần hoàn, bao gồm: Luật bảo vệ môi trường 2005, 2015, Luật Khoáng sản 2010, Luật Tài nguyên nước năm 2012, Luật Đất đai 2013 và nhiều văn bản dưới luật. Dự thảo Luật bảo vệ môi trường sửa đổi năm 2020 đã chính thức đề cập đến khái niệm và các quy định về kinh tế tuần hoàn” [22]. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật Việt Nam về phát triển KTTH chưa được thống nhất và chưa có Luật riêng phát triển KTTH.

Nguyễn Đức Dũng: *Kinh tế tuần hoàn 4.0* [28]: Cuốn sách cung cấp cho độc giả thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn của một số mô hình như tập đoàn: Carlsberg, Nike, H&M... tại nhiều thị trường từ khâu thiết kế chuỗi cung ứng đến các mô hình kinh doanh. Những ví dụ thực tiễn từ nhiều khu vực thị trường đã triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn rất thành công như Carlsberg, Nike, H&M... giúp chúng ta nhận thức mới về phát triển và tăng trưởng không phụ thuộc vào tài nguyên hiếm, gây hại môi trường; thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng ít tác động tiêu cực đến môi trường; doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và cạnh tranh hơn, đặc biệt khi

họ phát huy được thế mạnh của công nghệ số, thời kỳ 4.0. Qua thực trạng phân tích về phát triển kinh tế tuần hoàn, cuốn sách cũng chỉ ra sự cần thiết phải đổi mới mô hình sản xuất. Bởi nền kinh tế hiện tại với mô hình khai thác-sản xuất-xả thải sẽ không bền vững trong một thế giới với 9 tỷ dân vào năm 2050, đặc biệt khi mức tiêu thụ ngày một gia tăng như hiện nay.

Phạm Tiến Mạnh, Ngô Thị Hằng (2021): *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế tuần hoàn và bài học cho Việt Nam* [63]. Bài viết phân tích thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn của một số nước như: Liên minh châu Âu (Đan Mạch, Thụy Điển), Mỹ, Trung Quốc. Từ đó, các tác giả gợi ý một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam: Định hướng, chiến lược rõ ràng về kinh tế tuần hoàn từ Chính phủ và các cơ quan quản lý cấp vĩ mô; xây dựng kênh hỗ trợ, tư vấn các doanh nghiệp trong việc chuyển đổi mô hình kinh tế tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn; khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi dần mô hình kinh doanh; định hướng và thúc đẩy dịch chuyển nhu cầu tiêu dùng sản phẩm tuyến tính sang sản phẩm tuần hoàn; tăng cường hợp tác quốc tế nhằm nâng cao hiểu biết và trao đổi kinh nghiệm xây dựng, phát triển KTTH.

Kiều Thanh Nga (2023): *Chuyển đổi năng lượng ở Châu Phi: tiếp cận từ kinh tế tuần hoàn* [78]. Bài viết chỉ ra mối quan hệ giữa kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi năng lượng. Đồng thời, phân tích thực trạng chuyển đổi năng lượng ở Châu Phi trong mối quan hệ với nền kinh tế tuần hoàn; Chẳng hạn: Nam Phi bắt đầu xây dựng Kế hoạch đầu tư chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) sau khi thông qua Tuyên bố chính trị JETP và hoàn thành 1 năm sau đó vào tháng 10/2022. Kế hoạch xác định nhu cầu đầu tư 98 tỷ USD vào phát triển năng lượng sạch và hỗ trợ quá trình chuyển đổi “công bằng” trong dài hạn; đầu tư vào cơ sở hạ tầng hydro xanh và sản xuất xe điện. Đây là cơ sở để rút ra những bài học tham chiếu cho Việt Nam hiện nay.

Vũ Hùng Cường (2022): *Kinh tế tuần hoàn: Một số lý luận cơ bản, kinh nghiệm của Trung Quốc và gợi mở đối với Việt Nam* [25]. Bài viết đã tập trung phân tích thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn ở Trung Quốc, với một số nội dung cơ bản: Hình thành vòng tuần hoàn kinh tế trong nước lành mạnh dựa vào thị trường nội địa rộng lớn. Đẩy mạnh cải cách cơ cấu theo hướng trọng cung, hoàn

thiện các chuỗi cung ứng, công nghiệp đáp ứng nhu cầu trong nước ngày càng lớn khi nền kinh tế bước vào ngưỡng thu nhập cao; Động lực thúc đẩy phát triển nền kinh tế tuần hoàn trở thành chiến lược phát triển; Triển khai kinh tế tuần hoàn ở các cấp độ: vi mô, trung gian và vĩ mô. Đây là những kinh nghiệm Việt Nam có thể học tập trong phát triển kinh tế tuần hoàn.

Lê Hải Đường, Đỗ Tiến Dũng (2022), *Kinh nghiệm xây dựng, hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn ở một số nước trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam* [42]. Bài viết đã chỉ ra thực trạng pháp luật về kinh tế tuần hoàn của một số nước trên thế giới như: các nước châu Âu đi đầu trong chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế tuần hoàn. Đến nay, EU đã ban hành nhiều văn bản khác nhau về kinh tế tuần hoàn; Đức: kinh tế tuần hoàn được thực hiện theo mô hình “từ trên xuống”; Hà Lan: chương trình “Kinh tế tuần hoàn tại Hà Lan vào năm 2050” đưa ra những tầm nhìn, định hướng lộ trình và cả các mục tiêu rất cụ thể của quốc gia này; Pháp: Lộ trình kinh tế tuần hoàn được xây dựng từ năm 2017, ban hành vào tháng 4/2018, với mục tiêu đến năm 2025 sẽ giảm một nửa lượng chất thải phải chôn lấp và tái chế 100% lượng rác thải nhựa; Thụy Điển: là một trong những quốc gia đi đầu trên thế giới về triển khai phát triển nền kinh tế tuần hoàn thông qua việc xử lý và tái chế rác thải đã áp dụng chính sách tái chế thống nhất trên toàn quốc; Canada, Hoa Kỳ: Rất nhiều mô hình được hình thành trên cơ sở cách tiếp cận dựa vào thị trường và nhà nước. Tại Châu Á có: Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan; Từ đó bài viết khẳng định: xây dựng, hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn là cần thiết nhằm tạo khuôn khổ pháp lý cụ thể, đầy đủ, hiệu quả cho việc thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

Trần Thanh Hùng (2022): *Thực hiện kinh tế tuần hoàn: Kinh nghiệm của Hàn Quốc* [55]. Bài viết tổng hợp và phân tích thực trạng thực hiện kinh tế tuần hoàn của Hàn Quốc: Hệ thống các chính sách liên quan đến kinh tế tuần hoàn của Hàn Quốc; luật khung về tuần hoàn tài nguyên và luật khung về tăng trưởng xanh. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam: Đặc biệt quan tâm đến những quy định mà Việt Nam chưa có (quy định về nhận biết tài nguyên có thể tái chế và quy định phí tiêu hủy rác thải); cần có tiêu chuẩn tái chế hoặc tiêu chuẩn về nguyên vật liệu thứ cấp; cần nghiên cứu kỹ và mở rộng dần lộ

trình việc áp dụng trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất; cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về quản lý chất thải; cần có quy định về kinh tế tuần hoàn trong từng lĩnh vực; cần có các chính sách triển khai kinh tế tuần hoàn trong nhiều lĩnh vực khác.

Julian Kirchherr Laura Piscicelli Ruben Bour (2018): *Barriers to the Circular Economy: Evidence From the European Union (EU)* (Rào cản đối với nền kinh tế tuần hoàn: Minh chứng từ Liên minh châu Âu) [136]. Trong công trình này, các tác giả đã nghiên cứu quy mô lớn đầu tiên về các rào cản của nền kinh tế tuần hoàn ở EU (208 người trả lời khảo sát, 47 cuộc phỏng vấn chuyên gia). Kết quả của nghiên cứu khẳng định rằng, các rào cản về văn hóa, đặc biệt là sự thiếu quan tâm và nhận thức của người tiêu dùng cũng như văn hóa doanh nghiệp, được các doanh nghiệp và các nhà hoạch định chính sách coi là rào cản chính của nền kinh tế tuần hoàn. Bên cạnh đó là sự thiếu hụt các biện pháp can thiệp đồng bộ của chính phủ để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn. Trong khi đó, không một rào cản công nghệ nào được xếp vào hàng rào cản kinh tế tuần hoàn cấp bách nhất - các tác giả nhấn mạnh.

Vũ Hùng Cường (2022): *Kinh tế tuần hoàn: Một số lý luận cơ bản, kinh nghiệm của Trung Quốc và gợi mở đối với Việt Nam* [25]. Bài viết đã chỉ ra thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn ở Trung Quốc khi cho rằng: Trung Quốc là quốc gia nhận thức đầy đủ nhất về việc triển khai và phát triển các khái niệm kinh tế tuần hoàn, đồng thời cũng là quốc gia duy nhất đã phát triển khái niệm kinh tế tuần hoàn và triển khai nó như một chiến lược phát triển trên quy mô lớn với đầy tham vọng. Năm 2003, Trung Quốc đã ban hành Luật Khuyến khích sản xuất sạch hơn nhằm giải quyết các vấn đề chính liên quan đến vấn đề ô nhiễm và việc sử dụng hiệu quả tài nguyên ở tất cả các công đoạn của quy trình sản xuất. Theo đó, luật này áp dụng bắt buộc đối với các doanh nghiệp gây ô nhiễm nặng để giảm thâm dụng năng lượng, sử dụng vật liệu và các yếu tố tiêu cực bên ngoài.

Nguyễn Thị Miên (2021): *Phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam: Một số vấn đề đặt ra và khuyến nghị* [73]. Trong bài viết này, tác giả phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt

Nam thông qua 1 số mô hình gắn với kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp như: Mô hình Vườn -Ao - Chuồng; Mô hình “lúa, tôm”; “lúa, cá”; Mô hình trồng lúa - trồng nấm - sản xuất phân hữu cơ - trồng cây ăn quả; Mô hình sản xuất phân hữu cơ từ chất thải nông nghiệp; Mô hình sản xuất tổng hợp bò - trùn quế - cỏ/ngô - gia súc, gia cầm - cá; Mô hình chăn nuôi an toàn sinh học 4F (Farm-Food-Feed-Fertilizer: trồng trọt - thực phẩm - chăn nuôi - phân bón); Mô hình “vòng tuần hoàn xanh” trong các trang trại bò sữa. Đây là những thông tin đề tài luận án có thể tham khảo và kế thừa.

Nguyễn Văn Phương (2022): *Pháp luật về quản lý chất thải hướng tới xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam* [83]. Phân tích thực trạng pháp luật về quản lý chất thải hướng tới xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, tác giả tập trung vào một số nội dung: Về nghĩa vụ quản lý chất thải của chủ thể sản sinh chất thải hướng tới xây dựng nền kinh tế tuần hoàn (nghĩa vụ trong thiết kế sản phẩm; nghĩa vụ giảm thiểu, thu gom, phân loại chất thải; nghĩa vụ tái chế, tái sử dụng chất thải, thu hồi năng lượng từ chất thải); về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong quản lý chất thải hướng tới xây dựng kinh tế tuần hoàn.

Kiều Thị Phương Hoa, Trần Thị An Tuệ (2023): *Hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn của Đức và một số gợi ý cho Việt Nam* [51]. Bài viết có khái quát thực trạng về hệ thống chính sách, pháp luật của Việt Nam về kinh tế tuần hoàn. Qua đó, tác giả nhận định: Các chính sách, quy phạm pháp luật đề cập đến kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam dù đã hình thành nhưng mới dừng lại ở mức độ ghi nhận một số nhận thức cơ bản về kinh tế tuần hoàn; các quy định điều chỉnh mô hình kinh tế tuần hoàn còn nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau, thiếu tính thống nhất và đồng bộ, chưa tạo được hành lang pháp lý vững chắc đảm bảo thúc đẩy thực hiện nền kinh tế tuần hoàn hoàn chỉnh và phổ biến.

Nguyễn Anh Tuấn (chủ biên) (2023): *Kinh tế tuần hoàn và những mô hình tiên phong*, [120]. Cuốn sách là tập hợp những bài viết, công trình nghiên cứu của các tác giả là các nhà quản lý, các chuyên gia có uy tín, lãnh đạo các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Từ việc tập hợp những phân tích về những vấn đề cơ bản của kinh tế tuần hoàn và thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, kinh

nghiệm của các nước, cuốn sách có bàn đến những giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn ở nước ta.

Trần Linh Huân, Lê Thị Châu Giang (2024): *Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam: Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện* [57]. Bài viết đánh giá “Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở ASEAN đưa quy định về áp dụng kinh tế tuần hoàn vào trong Luật Bảo vệ môi trường với quy định riêng về kinh tế tuần hoàn và nhiều quy định khác để thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn trong tất cả các ngành, lĩnh vực của đời sống. Quyết định số 687/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam” [57].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn và vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam chưa nhiều, các công trình khoa học gần đây chủ yếu nghiên cứu về thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn của một số nước trên thế giới và đề xuất kinh nghiệm với Việt Nam.

1.1.3. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp phát huy vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay

- Về giải pháp phát huy vai trò của nhà nước

World bank: *Vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế ở Việt Nam*, Chương trình nghị sự đề xuất nhằm xây dựng một nhà nước kiến tạo để thúc đẩy một nền kinh tế cạnh tranh và hiệu quả hơn [124]. Chương trình cho rằng, để phát huy vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay, Nhà nước sẽ đóng vai trò lãnh đạo trong việc định hướng phát triển quốc gia thông qua quản lý kinh tế vĩ mô, sự phát triển của các thể chế kinh tế thị trường, đảm bảo hiệu quả và hiệu suất trong cung cấp các dịch vụ công và cơ sở hạ tầng, và thông qua cấp phát ngân sách nhằm đảm bảo mọi người dân đều được bình đẳng trong việc tiếp cận các cơ hội kinh tế xã hội. Nhà nước cần xây dựng năng lực để nâng cao chất lượng quản lý nhà nước và đảm bảo đạt được các mục tiêu quản lý một cách hiệu quả nhất cho lợi ích quốc gia. Nhà nước sẽ xây dựng các thể chế hiệu quả và mang tính bao trùm đóng vai trò quan trọng để đạt được các kết quả kinh tế bình đẳng và bền vững. Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội huy động nguồn lực tư nhân để chi trả cho các dịch vụ công và cơ sở hạ tầng.

Bài viết của Đặng Đức Đàm, *Vai trò của nhà nước trong kinh tế thị trường ở Việt Nam* [32], cho rằng, Nhà nước có vai trò quan trọng nhất là quản lý, điều hành toàn bộ nền kinh tế bằng việc ban hành các quy định pháp luật và tổ chức thực hiện đúng đắn các quy định ấy. Vấn đề đặt ra hiện nay là xác định đúng những việc mà Chính phủ nhất thiết phải làm, những việc mà Chính phủ không nên làm, mà nên chuyển giao cho thị trường tự điều tiết hoặc giao cho các tổ chức xã hội thực hiện.

Nguyễn Hồng Sơn (2020): *Chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay* [98]. Theo tác giả để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước cần “chủ động tập trung cho kiến tạo phát triển, thông qua việc triển khai chức năng quản lý vĩ mô của mình về kinh tế, chủ yếu là: (i) tạo lập khung khổ pháp luật về kinh tế, bảo đảm môi trường và điều kiện thuận lợi để phục vụ người dân, doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; (ii) quản lý, điều hành nền kinh tế, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, linh hoạt, chủ động giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng về kinh tế - xã hội - môi trường, dẫn dắt và hỗ trợ phát triển thông qua chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chương trình kinh tế - xã hội, bảo đảm cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; (iii) tăng cường thanh tra, giám sát, kiểm soát, bảo đảm các hoạt động kinh tế diễn ra theo quy định pháp luật” [98].

Nguyễn Phước Tài (2022): *Vai trò của Nhà nước trong hình thành và điều tiết kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* [99]. Một trong những giải pháp quan trọng nhất phát huy vai trò của nhà nước trong hình thành và điều tiết nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là Nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Đây là chức năng quan trọng của kinh tế nhà nước, đồng thời cũng là điểm đặc trưng khác biệt, tiến bộ của kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam. Việc xác lập vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước là vấn đề có tính nguyên tắc và là sự khác biệt cơ bản giữa kinh tế thị trường định hướng XHCN với kinh tế thị trường tư bản.

Nguyễn Thị Yến (2022): *Giải pháp góp phần hoàn thiện bộ máy quản lý Nhà*

nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay [126]. Tiếp tục hoàn thiện, triển khai tổ chức thực hiện pháp luật liên quan tới tổ chức bộ máy nhà nước nói chung, bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế nói riêng như Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt... Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế khác. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế xây dựng chính quyền địa phương theo hướng phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; chủ động thí điểm ở những nơi có đủ điều kiện. Điều chỉnh cơ cấu chính quyền địa phương cho phù hợp với những thay đổi chức năng, nhiệm vụ.

Đặng Ngọc Như Quỳnh (2022), *Một số giải pháp nâng cao vai trò quản lý của nhà nước về kinh tế - xã hội ở Việt Nam* [95], Giải pháp đầu tiên là nhà nước phải quán triệt, vận dụng, phát triển trên nền tảng quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về chính sách xã hội, quản lý, phát triển xã hội; giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực tổ chức quản lý điều hành của nhà nước, phát huy vai trò và năng lực làm chủ xã hội của nhân dân trong quá trình quản lý xã hội. Hai là, gắn kết chặt chẽ giữa chính sách tăng trưởng kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống, làm cho người dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của sự nghiệp đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là, phát huy các nguồn lực của nhà nước, cộng đồng và người dân trong thực hiện chính sách xã hội. Bốn là, cần nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, kế thừa có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia tiên bộ trên thế giới để xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chính sách xã hội.

Trần Công Dũ (2023), *Một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* [26]. Tác giả cho rằng, Một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay là: “Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước; Chú trọng đến công tác quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước; Tiếp tục triển khai và hoàn thiện công tác cải cách hành chính” [26]. Trong cơ chế

thị trường hiện nay, một mặt Nhà nước cần tôn trọng sự vận động mang tính quy luật của thị trường, nhưng mặt khác, Nhà nước vẫn có vai trò và khả năng can thiệp, bổ sung, định hướng đối với sự vận động của thị trường để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế.

- Về giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn

Nguyễn Thế Chinh (2020): “Nghiên cứu, đánh giá, đề xuất các mô hình phát triển nền kinh tế tuần hoàn phù hợp với Việt Nam trong bối cảnh thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu”, Đề tài khoa học cấp Bộ [15]. Trên cơ sở hệ thống hóa được cơ sở lý luận của kinh tế tuần hoàn trong bối cảnh thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu, tổng hợp được kinh nghiệm quốc tế và cách tiếp cận phát triển kinh tế tuần hoàn, phân tích được hiện trạng của một số mô hình kinh tế tuần hoàn đã có tại Việt Nam, đề tài đề xuất được quan điểm, cách tiếp cận phù hợp và một số giải pháp phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam theo mô hình kinh tế tuần hoàn phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch 5 năm 2021-2025.

Trần Kim Chung, Hoàng Văn Cương (2021): *Xu thế phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam trong tình hình mới* [22]. Trên cơ sở phân tích những cơ hội và thách thức, bài viết đã đưa ra hệ thống giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam: “Nhóm giải pháp chung (phát huy sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị; giải pháp về cơ chế; về ứng dụng khoa học, công nghệ) và các giải pháp cụ thể (cần có hành lang pháp lý rõ ràng; triển khai nghiên cứu sâu rộng về phát triển kinh tế tuần hoàn; từ các địa phương thí điểm đến việc triển khai nhân rộng; tạo cơ chế để hình thành động lực thị trường dựa trên các tiêu chí của hiệu quả đầu tư; tăng cường trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quốc tế; cần tiến hành có lộ trình...)” [22]. Đồng thời, bài viết cũng đề xuất một số kiến nghị: về phía cơ quan quản lý; phía cộng đồng doanh nghiệp; phía người dân.

Phạm Tiến Mạnh, Ngô Thị Hằng (2021): *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế tuần hoàn và bài học cho Việt Nam* [63]. Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm của một số nước trong phát triển KTTH: Liên minh châu Âu (Đan Mạch, Thụy Điển), Mỹ, Trung Quốc, các tác giả gợi ý một số bài học kinh nghiệm cho Việt

Nam: Định hướng, chiến lược rõ ràng về KTTH từ Chính phủ và các cơ quan quản lý cấp vĩ mô; xây dựng kênh hỗ trợ, tư vấn các doanh nghiệp trong việc chuyển đổi mô hình kinh tế tuyến tính sang KTTH; khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi dần mô hình kinh doanh; định hướng và thúc đẩy dịch chuyển nhu cầu tiêu dùng sản phẩm tuyến tính sang sản phẩm tuần hoàn; tăng cường hợp tác quốc tế nhằm nâng cao hiểu biết và trao đổi kinh nghiệm xây dựng, phát triển KTTH.

Lại Văn Mạnh, Nguyễn Trọng Hạnh, Nguyễn Thị Thanh Huyền (2021), *Kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật để phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam: Nhìn nhận từ những biểu hiện rào cản trên thực tiễn* [71]. Trên cơ sở phân tích các rào cản thực tiễn trong việc phát triển KTTH ở Việt Nam, bao gồm: pháp luật còn chồng chéo, thiếu khung chính sách tổng thể, tiêu chí đánh giá chưa rõ ràng và thiếu sự phối hợp liên ngành, tác giả đề xuất hoàn thiện pháp luật theo hướng đồng bộ, thống nhất, thúc đẩy thử nghiệm mô hình KTTH và tăng cường vai trò điều phối của Nhà nước.

Nguyễn Thị Miên (2021): *Phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam: Một số vấn đề đặt ra và khuyến nghị* [73]. Trên cơ sở phân tích thực trạng và một số vấn đề đặt ra, tác giả đề xuất một số khuyến nghị góp phần phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam: Nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, các doanh nghiệp và nông dân về kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp; tạo động lực để các địa phương, doanh nghiệp, người nông dân đầu tư vào nông nghiệp tuần hoàn; nâng cao năng lực tái chế, tái sử dụng phụ, phế phẩm nông nghiệp; xây dựng hành lang pháp lý và tiêu chuẩn hóa KTTH trong nông nghiệp.

Nguyễn Nhâm (2021): *Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng* [80], bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng: Xây dựng một hành lang pháp lý rõ ràng; triển khai nghiên cứu sâu rộng hơn về kinh tế tuần hoàn; triển khai nhân rộng; tăng cường trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quốc tế; có lộ trình, ưu tiên dựa trên nhu cầu thị trường và đòi hỏi của xã hội; tổng kết, đánh giá những mô hình đã hình thành.

Vũ Hùng Cường (2022): *Kinh tế tuần hoàn: Một số lý luận cơ bản, kinh nghiệm của Trung Quốc và gợi mở đối với Việt Nam* [25]. Tác giả đã gợi mở những giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam: “Cần quán triệt quan điểm, đẩy mạnh tuyên truyền về kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển bền vững; Xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế chính sách, quy định đối với việc chuyển đổi mô hình kinh tế tuần hoàn của doanh nghiệp; quy định đối với việc người tiêu dùng tham gia vào nền kinh tế tuần hoàn; xây dựng cơ chế, hạ tầng liên kết giữa các ngành công nghiệp cơ bản và ngành công nghiệp hỗ trợ, phát triển mạnh thị trường công nghệ kinh tế tuần hoàn; xây dựng cơ chế, hạ tầng hợp tác giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng; Xây dựng bộ chỉ số đo lường nền kinh tế tuần hoàn” [25].

Trần Văn Hiếu (2022): *Kinh tế tuần hoàn - Chiến lược và giải pháp phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long* [54]. Bài viết bàn về giải pháp khuyến nghị thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn ở ĐBSCL thời gian tới. Trong đó tác giả nhấn mạnh đến các nội dung: nâng cao hơn nữa nhận thức của các doanh nghiệp và người dân trong đổi mới mô hình phát triển kinh tế tuần hoàn; xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển nền công nghiệp tái chế ở ĐBSCL...

Nguyễn Hoàng Nam (2022): *Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030* [77]. Bài viết đề xuất những giải pháp phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030: Hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách; xây dựng lộ trình kinh tế tuần hoàn; mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu; phát triển công nghệ.

Nguyễn Văn Phương (2022): *Pháp luật về quản lý chất thải hướng tới xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam* [83]. Trên cơ sở phân tích một số vấn đề lý luận và thực trạng, bài viết đề xuất một số giải pháp đối với các chủ thể là cơ quan quản lý nhà nước các cấp (cấp bộ, cấp tỉnh) và các giải pháp về cơ chế...

Nguyễn Hồng Quân (2022): *Kinh tế tuần hoàn thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững, hài hòa với bảo vệ môi trường* [87]. Trong bài viết này, các tác giả đã đề xuất định hướng phát triển kinh tế bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn tại Việt

Nam: Đổi mới tư duy và nhận thức; phát triển bền vững dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ; đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Viện Chiến lược Chính sách Nguyên và Môi trường (2022): Kỷ yếu hội thảo khoa học “Thúc đẩy đổi mới sáng tạo hướng đến hiện thực hóa kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam”, [122]. Kỷ yếu đã tập hợp các bài viết của những nhà khoa học và nhà hoạt động thực tiễn về các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế tuần hoàn; các mô hình phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay và kinh nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn ở các nước trên thế giới.

Trần Ngọc Chính (2023): *Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn* [16]. Từ việc phân tích quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn hóa gắn với kinh tế tuần hoàn trên thế giới, từ các tổ chức quốc tế khác nhau: Liên hiệp quốc, các tiêu chuẩn ISO, tác giả đưa ra hàm ý cho Việt Nam trong việc xây dựng hệ thống tiêu chí gắn với kinh tế tuần hoàn.

Kiều Thị Phương Hoa, Trần Thị An Tuệ (2023): *Hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn của Đức và một số gợi ý cho Việt Nam* [51]. Trong bài viết này, các tác giả cũng phân tích một cách hệ thống thực trạng pháp luật và đề xuất hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam: “Về nguyên tắc lập pháp; về cách thức xây dựng hệ thống pháp luật về kinh tế tuần hoàn; quy định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện kinh tế tuần hoàn; ban hành quy định về mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất và nhà phân phối; chú trọng công tác lập kế hoạch về kinh tế tuần hoàn” [51].

Bùi Quang Trung và Phạm Hữu Năm (2023): *Một số giải pháp thúc đẩy phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam* [58]. Trong bài viết này, tác giả đưa ra hệ thống giải pháp góp phần phát triển KTTH ở Việt Nam: “hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ cho phát triển nền KTTH; xây dựng mô hình tăng trưởng kinh tế chiều sâu, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu vào, áp dụng khoa học công nghệ vào các ngành, đặc biệt là xử lý rác thải để tái tạo nguyên liệu mới; điều chỉnh quy hoạch năng lượng, giảm dần sự phụ thuộc vào các dạng năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch, thủy điện; kiểm soát, thu hút có chọn lọc dự án đầu tư trên cơ sở xem xét các yếu tố về quy mô sản xuất, công nghệ sản xuất, kỹ thuật môi trường và vị trí

thực hiện dự án; thực hiện kinh tế tuần hoàn cần gắn liền với phát triển công nghệ, kinh tế số và Cách mạng công nghiệp 4.0; xây dựng Chiến lược truyền thông về KTTH nhằm nâng cao nhận thức của các nhà sản xuất và công chúng về trách nhiệm của họ đối với các sản phẩm trong suốt vòng đời của chúng” [58].

Nguyễn Thị Thanh Mai (2023): *Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khi chuyển dịch sang mô hình kinh tế tuần hoàn tại vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc* [72]. Trên cơ sở phân tích về những cơ hội và thách thức, tác giả đề xuất một số khuyến nghị, giải pháp đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi chuyển dịch sang mô hình kinh tế tuần hoàn tại vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc: “Hỗ trợ đào tạo và nâng cao năng lực quản lý của các doanh nghiệp; thúc đẩy sự phát triển của chuỗi cung ứng địa phương; đầu tư vào kết cấu hạ tầng; thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp; đưa ra các chính sách hỗ trợ; sử dụng mô hình liên kết giữa 3 chủ thể “Doanh nghiệp - Khởi học thuật - Chính phủ” [72].

Bùi Thị Mai Hoài (2024): *Kinh tế tuần hoàn và vai trò dẫn đường của Nhà nước* [53]. Bài viết đã gợi ý một số nội dung nhằm thể hiện vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn, như: “Nhà nước là “người định hướng” bằng công cụ chính sách thuế - phí, chi tiêu công, truyền thông - giáo dục để tác động hành vi sản xuất và tiêu dùng theo hướng bền vững; Gợi ý cần lồng ghép mục tiêu kinh tế tuần hoàn vào luật, quy hoạch, và hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs)” [53].

Nguyễn Thị Ngọc Hoa (2025), *Giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn hướng đến chuyển đổi xanh* [50]. Bài viết cho rằng: để phát triển KTTH hướng đến chuyển đổi xanh cần: “đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về kinh tế tuần hoàn, yêu cầu, chủ trương và định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và người dân” [50]; tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật và các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường, quản lý và tái sử dụng, tái chế chất thải cho phát triển kinh tế tuần hoàn” [50]; “thúc đẩy hợp tác, liên kết cộng sinh công nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; phát triển thị trường tái sử dụng sản phẩm thải bỏ, tái chế chất thải; khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất, kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường” [50].

Những khảo cứu nêu trên cho thấy, giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn có khá nhiều, nhưng vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn còn ít các công trình nghiên cứu. Tuy nhiên, trong khi nêu giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn, các tác giả có nhắc tới vai trò của nhà nước là một trong những giải pháp quan trọng phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

1.2. GIÁ TRỊ CỦA NHỮNG CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Giá trị của những công trình đã được tổng quan

Các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài nêu trên đã giải quyết được nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đề tài. Một số nội dung cơ bản là:

Thứ nhất, các công trình đã đề cập đến một số vấn đề lý luận chung như: nhà nước; nhà nước có vai trò “vừa là “kiến trúc sư” xây dựng thể chế, chính sách, pháp luật vừa là “nhạc trưởng” điều phối các nguồn lực, đồng thời, cũng là “trọng tài” trong việc kiểm tra, giám sát và bảo đảm sự tuân thủ pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân”. Một số công trình đã đi sâu nghiên cứu nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của nhà nước đối với việc phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường. Một số công trình đã chỉ ra vai trò quyết định của kinh tế đối với sự tồn tại, phát triển của nhà nước. Đồng thời một số công trình chỉ ra vai trò tác động lại của nhà nước đối với phát triển kinh tế. Thực chất, theo quan niệm của triết học Mác - Lênin đây là mối quan hệ biện chứng với nhau. Nhiều công trình đã đề cập đến các quan niệm của các học giả trong và ngoài nước về khái niệm, đặc điểm, nội dung, nguyên tắc, vai trò nhà nước; vai trò của nhà nước trong điều tiết nền kinh tế nói chung, nền kinh tế thị trường và chuyển đổi mô hình kinh tế trong bối cảnh khan hiếm tài nguyên hiện nay.

Nhìn chung các công trình nghiên cứu về vai trò của nhà nước đều cho rằng, nhà nước vừa là chủ thể ban hành hệ thống Hiến pháp và pháp luật để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; Nhà nước xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch và bộ máy thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã

hội của mình; Nhà nước kiểm tra, giám sát, tổng kết, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu, kế hoạch thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định.

Các công trình khoa học trong và ngoài nước đã chỉ ra một số vấn đề cơ bản của kinh tế tuần hoàn như: quan niệm; đặc điểm; tầm quan trọng của kinh tế tuần hoàn; tính tất yếu phải phát triển kinh tế tuần hoàn nói chung và yêu cầu phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay; nội dung cơ bản của kinh tế tuần hoàn; một số nhân tố ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay. Việc đề cập đến các nội dung này của các công trình cơ bản là có sự thống nhất. Bên cạnh đó, có một số ít công trình đã đề cập đến vai trò cũng như mối quan hệ của nhà nước đối với sự phát triển của nền kinh tế nói chung. Đây là nguồn tư liệu hữu ích để tác giả tham khảo trong việc xây dựng những nội dung lý luận chung có liên quan đến đề tài luận án.

Thứ hai, một số công trình đã khái quát thực trạng vai trò của nhà nước trong các lĩnh vực. Đặc biệt là thực trạng vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế; vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Về cơ bản, các công trình đều khẳng định vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế thời kỳ đổi mới ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Sau 40 năm đổi mới, hệ thống Hiến pháp và pháp luật của nhà nước Việt Nam đã dần hoàn thiện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội từ thực tiễn đất nước. Nhà nước Việt Nam đã tạo lập khung khổ pháp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra hiệu quả.

Vai trò của nhà nước đối với sự phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN cũng thể hiện ở việc nhà nước góp phần đắc lực vào việc tạo môi trường cho thị trường phát triển, như tạo lập kết cấu hạ tầng kinh tế cho sản xuất, lưu thông hàng hóa; tạo lập sự phân công lao động theo ngành, nghề, vùng kinh tế qua việc nhà nước tiến hành quy hoạch phát triển kinh tế theo lợi thế từng vùng, ngành và nhu cầu chung của xã hội... Là chủ thể trực tiếp sở hữu hoặc quản lý, khai thác những cơ quan truyền thông mạnh nhất của quốc gia, nhà nước góp phần cung cấp thông tin thị trường cho các chủ thể kinh tế để các chủ thể này chủ động lựa chọn

phương án sản xuất kinh doanh, đối tác kinh tế, thời điểm thực hiện các giao dịch kinh tế, cách thức sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhất trong điều kiện cụ thể của mình...

Đồng thời, các công trình đã chỉ ra thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay. Các công trình đã khảo sát thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn trên các lĩnh vực cụ thể. Chẳng hạn, phát triển kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, tiêu dùng, dịch vụ. Các công trình cũng đã chỉ ra thực trạng các văn bản pháp lý nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn.

Một số công trình phân tích sâu sắc về thời cơ và thách thức của Việt Nam trong phát triển kinh tế tuần hoàn; chỉ ra việc tất yếu phải phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số; từ đó xác định những vấn đề đặt ra, nhất là trong hoạt động quản lý nhà nước. Đây là nguồn tư liệu tham khảo để tác giả phân tích và đánh giá thực trạng vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, một số công trình đã có những giải pháp, khuyến nghị có tính khả thi trong phát huy hiệu quả vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội; giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn nói chung, và giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn ở các lĩnh vực và địa phương cụ thể. Một trong những giải pháp mà các công trình thường đề cập đến trong phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay có vai trò của nhà nước. Giải pháp mang tính đột phá nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phát triển kinh tế tuần hoàn là cần gấp rút hoàn thiện và ban hành Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn. Chính phủ, các Bộ, ngành, các địa phương cần có những hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng kinh tế tuần hoàn trong các ngành sản xuất, kinh doanh; lộ trình để thực hiện kinh tế tuần hoàn từ vi mô đến vĩ mô, trong đó, doanh nghiệp là động lực trung tâm.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra tiếp tục nghiên cứu của luận án

Qua các công trình nghiên cứu có liên quan được đề cập ở trên cho thấy, vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế tuần hoàn là vô cùng quan trọng, nhưng vấn đề này chưa được nghiên cứu nhiều ở Việt Nam trong những năm qua. Do chủ trương phát triển kinh tế tuần hoàn của Việt Nam gần đây mới được Đảng, Nhà

nước quan tâm và chỉ đạo thực hiện. Nói cách khác, chưa có nhiều công trình nghiên cứu về vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam được tiếp cận dưới góc nhìn triết học. Vì vậy, luận án tập trung nghiên cứu một số nội dung cơ bản sau:

Về mặt lý luận: luận án sẽ làm rõ cơ sở lý luận về vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH; mối quan hệ giữa nhà nước với phát triển KTTH; tầm quan trọng của phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay; nội dung cơ bản vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH; một số yếu tố tác động tới vai trò của nhà nước trong phát triển KTTH ở Việt Nam. Những nội dung luận án tập trung nghiên cứu không chỉ khái quát, làm rõ một số vấn đề lý luận của đề tài luận án mà đây còn là những đóng góp, tiếp cận dưới góc độ chuyên ngành triết học so với các công trình đã công bố.

Về mặt thực trạng: luận án không nghiên cứu thực trạng phát triển KTTH ở Việt Nam thời gian qua mà tập trung nghiên cứu thực trạng vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam thời gian vừa qua. Thực trạng vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam thời gian qua được khảo sát trên các nội dung: Nhà nước cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng thành luật và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế tuần hoàn; Nhà nước thực thi các chính sách pháp luật, chiến lược, kế hoạch liên quan tới phát triển KTTH; Nhà nước đầu tư tài chính, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực thi chính sách pháp luật, chiến lược, kế hoạch của nhà nước đối với phát triển KTTH. Luận án chỉ ra những thành tựu, hạn chế; nguyên nhân của thành tựu, hạn chế và một số vấn đề đặt ra từ thực trạng của nhà nước trong việc thực hiện vai trò của mình đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay.

Về giải pháp: trên cơ sở tiếp thu, kế thừa kết quả nghiên cứu có liên quan đến vấn đề giải pháp của đề tài luận án đã được các công trình khoa học tổng quan đề cập. Đồng thời, dựa trên cơ sở lý luận đã phân tích làm rõ và căn cứ vào thực trạng của đề tài luận án, nhất là những hạn chế và vấn đề đặt ra từ thực trạng vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay, luận án đề xuất một số giải pháp cơ bản phát huy vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn của

Việt Nam trong thời gian tới.

Nhóm giải pháp tập trung vào một số hạn chế và vấn đề đặt ra, đó là: Nhóm giải pháp về hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH hiện nay; Nhóm giải pháp về tổ chức triển khai, thực thi hệ thống chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH hiện nay; Phát huy vai trò của Nhà nước trong đầu tư các nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính, nguồn lực khoa học - công nghệ và kiểm tra, đánh giá chính sách phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay. Nhóm giải pháp đưa ra bảo đảm lô gic, chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất với khung lý luận, thực trạng và vấn đề đặt ra đã được phân tích, làm rõ trong chương 2 và chương 3 của luận án.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Tổng quan các công trình khoa học cho thấy, gần đây có nhiều công trình nghiên cứu lý luận về vai trò của nhà nước, vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế, vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò của nhà nước trong bảo vệ môi trường... Các công trình cũng chỉ ra kinh tế tuần hoàn, đặc trưng của kinh tế tuần hoàn, tính tất yếu phải phát triển kinh tế tuần hoàn trong bối cảnh tài nguyên bị cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm nặng nề và biến đổi khí hậu ngày càng hiện hữu.

Một số công trình khoa học đã khái quát thực trạng vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội; vai trò của nhà nước trong bảo vệ môi trường. Thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời, có công trình đã phân tích sâu sắc về thời cơ và thách thức của Việt Nam trong phát triển kinh tế tuần hoàn; chỉ ra việc tất yếu phải phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số. Có công trình đã đề cập đến những giải pháp, khuyến nghị tương đối khả thi trong phát huy hiệu quả vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế tuần hoàn nói chung, ở các lĩnh vực và địa bàn cụ thể, trong đó có những giải pháp có liên quan đến phát huy vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Đó là nguồn tư liệu hữu ích để tác giả luận án tiếp tục nghiên cứu sâu sắc và toàn diện hơn về những vấn đề lý luận, thực trạng và giải pháp về vai trò

của Nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, khảo lược các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án cũng cho thấy, chưa có nhiều công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa nhà nước và kinh tế tuần hoàn, vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn. Vì vậy, đây là vấn đề đặt ra đề tài luận án tiếp tục nghiên cứu và giải đáp.

Chương 2

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM- MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

2.1.1. Kinh tế tuần hoàn và phát triển kinh tế tuần hoàn

2.1.1.1. *Kinh tế tuần hoàn*

Thuật ngữ KTTH được đưa ra từ những năm 60 và 70 của thế kỷ XX bởi một số nhà kinh tế môi trường và kinh tế sinh thái. Hiện nay, nhiều học giả quốc tế cho rằng, KTTH được các tác giả David W. Pearce và R.Kerry Turner sử dụng lần đầu năm 1990 (trong cuốn sách “Kinh tế Tài nguyên và Môi trường”) . Cuốn sách của các ông đã phân tích sơ đồ về sự liên kết nội tại giữa kinh tế và môi trường, tìm ra phương pháp cân bằng vật liệu và đi đến nhận định rằng, kinh tế tuần hoàn diễn ra trong một vòng chu chuyển, “mọi thứ đều là đầu vào đối với thứ khác” [130, tr.39]. Khái niệm này sau đó tiếp tục được các học giả mở rộng và phát triển để phù hợp với bối cảnh mới.

Ở các nước phương Tây, có rất nhiều nhà khoa học đã có nhiều quan niệm khác nhau về KTTH. Preston (2012) cho rằng, “kinh tế tuần hoàn là một cách tiếp cận chuyển đổi chức năng của các nguồn lực trong nền kinh tế. Chất thải từ các nhà máy sẽ trở thành nguyên liệu đầu vào có giá trị cho một quy trình khác - và sản phẩm đã qua sử dụng có thể được sửa chữa, tái sử dụng hoặc nâng cấp thay vì vứt bỏ” [142]. Liên minh Châu Âu (EU) cho rằng: kinh tế tuần hoàn là nền kinh tế mà ở đó giá trị của sản phẩm, vật liệu và tài nguyên được duy trì lâu nhất có thể và sự phát thải được giảm thiểu [143]. Ngoài ra, diễn đàn Kinh tế Thế giới cho rằng: kinh tế tuần hoàn là một hệ thống công nghiệp được phục hồi hoặc tái tạo theo ý định và thiết kế. Nó thay thế khái niệm cuối đời bằng việc phục hồi, chuyển sang sử dụng năng lượng tái tạo, loại bỏ việc sử dụng các hóa chất độc hại làm mất khả năng tái sử dụng và quay trở lại sinh quyển, nhằm mục đích loại bỏ chất thải thông qua thiết kế ưu việt của vật liệu, sản phẩm, hệ thống và mô hình kinh doanh [132].

Mặc dù các định nghĩa tiếp cận KTTH dưới nhiều góc độ, tuy nhiên có thể thấy các định nghĩa này đều liên quan đến 3 nội hàm cơ bản của nền KTTH, gồm: (1) Thiết kế sản phẩm và quy trình sản xuất nhằm giảm thiểu hoặc loại bỏ chất thải ngay từ đầu; (2) Thực hiện việc tái sử dụng, sửa chữa, và tái chế để sản phẩm và nguyên liệu được sử dụng tối đa nhất có thể (3) Sản xuất, trao đổi và sử dụng sản phẩm không chỉ khai thác tài nguyên mà còn giữ gìn và bảo vệ môi trường.

Trong nước cũng có nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra những quan niệm khác nhau về kinh tế tuần hoàn. Tác giả Trần Kim Chung [22] cho rằng: “kinh tế tuần hoàn là một chu trình sản xuất khép kín, các chất thải được quay trở lại, trở thành nguyên liệu cho sản xuất, từ đó giảm mọi tác động tiêu cực đến môi trường, hệ sinh thái và sức khỏe của con người” [22]. Tác giả Nguyễn Đình Đáp [40] đã cho rằng: “Nền kinh tế tuần hoàn là một chu trình sản xuất khép kín, các chất thải được quay trở lại, trở thành nguyên liệu cho sản xuất, từ đó giảm mọi tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe con người” [40]. Theo các học giả Vũ Thị Uyên, Nguyễn Phương Mai [121], “kinh tế tuần hoàn là một chu trình sản xuất khép kín, các tài nguyên, chất thải của quá trình sản xuất trước được tận dụng lại hoặc tái sử dụng, các dòng phế liệu được biến thành đầu vào để tiếp tục sản xuất” [121]. Điểm chung trong quan niệm của các nhà khoa học về KTTH là: KTTH như một xu thế tất yếu để đạt phát triển bền vững, gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh và không đánh đổi môi trường lấy lợi ích kinh tế. Họ nhấn mạnh rằng KTTH không chỉ là lý thuyết mà cần được áp dụng thực tiễn trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là khai khoáng, sản xuất và tiêu dùng.

Theo Khoản 1 Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: “Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường” [88]. Tác giả luận án chủ yếu sử dụng khái niệm này trong luận án của mình. Khái quát một số quan niệm về KTTH của một số công trình nêu trên cho thấy, đã có rất nhiều quan niệm về KTTH và được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, nhưng về cơ bản các quan niệm trên đều chỉ ra nội hàm của KTTH: là mô hình kinh tế giảm khai

thác tài nguyên; hạn chế sử dụng tài nguyên; tăng cường sử dụng phế thải của chu trình trước, làm nguyên liệu cho chu trình sau; giảm thiểu tác động xấu tới môi trường và gây ô nhiễm trong sản xuất, trao đổi và tiêu dùng.

Từ những quan niệm trên, cùng với cách tiếp cận của mình, tác giả cho rằng: *Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế vận hành theo một chu trình khép kín, trong đó các hoạt động sản xuất, trao đổi, tiêu dùng và dịch vụ hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên, kéo dài tuổi thọ của sản phẩm, giảm thiểu chất thải phát sinh gây ô nhiễm và tác động xấu đến môi trường.*

Giữa KTTH và môi trường tự nhiên có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong đó KTTH là mô hình kinh tế dựa trên việc tái sử dụng tài nguyên, giảm thiểu chất thải và BVMT. KTTH gắn liền với tăng trưởng bền vững và kinh tế xanh, kinh tế số tạo ra sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ hệ sinh thái. Bằng cách giảm phát thải CO₂ và sử dụng năng lượng tái tạo, mô hình KTTH hỗ trợ các quốc gia trong việc thực hiện cam kết giảm khí nhà kính.

** Đặc trưng cơ bản của kinh tế tuần hoàn*

Thứ nhất, KTTH là nền kinh tế được thiết kế và vận hành theo một chu trình khép kín. Cụ thể, chất thải đầu ra của chu trình này là nguyên liệu đầu vào cho một hoặc một số chu trình khác. Với KTTH, việc giảm chất thải ra môi trường không chỉ gắn liền với những phương thức truyền thống như mô hình 3R (reuse - tái sử dụng, reduce - tiết giảm, recycle - tái chế), mà còn hướng đến mục tiêu là thiết kế lại chất thải. Khi các thành phần sinh học và kỹ thuật của một sản phẩm được thiết kế tương thích với một vòng tuần hoàn sản xuất, dần dần chất thải sẽ không còn bị thải ra môi trường như trong nền kinh tế tuyến tính mà trở thành “đầu vào” cho một quy trình khác. Các sản phẩm trong nền KTTH phải có sự tính toán trước, sao cho thuận tiện trong việc tháo rời và dễ dàng tái sản xuất.

Thứ hai, KTTH được áp dụng bao trùm với đa dạng các lĩnh vực, bao trùm các khâu hoạt động trên thị trường, từ thiết kế, sản xuất đến tiêu dùng và dịch vụ. Thiết kế trong KTTH bao hàm những thiết kế chủ động, sáng tạo để thiết kế chất thải, sử dụng chất thải như một nguồn nguyên liệu mới, bảo tồn và mở rộng những gì đã có, hợp tác để tạo ra giá trị chung. Đối với sản xuất, KTTH được áp dụng bằng

cách đề ra và sử dụng các biện pháp sản xuất sạch, có kiểm tra, giám sát và có hệ thống hoạt động giảm phát thải, thực hiện cả tuần hoàn các nguyên vật liệu ngay trong khâu sản xuất. KTTH còn được ứng dụng đối với lĩnh vực tiêu dùng thông qua việc cung cấp dịch vụ tốt hơn của các nhà cung cấp, nhưng cũng tăng cường trách nhiệm của người tiêu dùng đối với môi trường sinh thái.

Thứ ba, KTTH mang lại những lợi ích cơ bản qua việc tận dụng tối đa các nguồn lực, bao gồm: “Giảm khai thác, tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu; bảo vệ môi trường, giảm tác động xấu đến môi trường; thúc đẩy phát triển kinh tế” [88]. Trong mô hình kinh tế tuyến tính, sự phát triển kinh tế thường tập trung vào việc sản xuất và tiêu thụ một cách không đồng đều, không cân đối; do đó, các nguồn tài nguyên sẽ bị sử dụng một cách lãng phí và gây ra sự suy tàn của môi trường, đồng thời dẫn đến sự bất ổn kinh tế. Ngược lại, KTTH tập trung vào việc cân đối giữa sản xuất và tiêu thụ, đầu tư và tái tạo tài nguyên. Việc đưa mô hình KTTH vào áp dụng trong thực tiễn sẽ tạo ra những lợi ích to lớn cho sự phát triển kinh tế bền vững của một quốc gia, giảm thiểu lượng chất thải, tăng cường sử dụng nguồn tài nguyên và tạo ra sự phát triển ổn định cho kinh tế. Đồng thời, KTTH có mối liên hệ với nhiều mục tiêu phát triển bền vững (SDG) đã được các quốc gia thông qua vào năm 2015, bao gồm các mục tiêu, như không đói nghèo, tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm, các thành phố và cộng đồng bền vững, thúc đẩy công nghiệp hóa, tăng trưởng bao trùm và bền vững...

** Nội dung của kinh tế tuần hoàn*

Kinh tế tuần hoàn (KTTH) có nội dung cốt lõi xoay quanh việc thiết kế lại hệ thống sản xuất - tiêu dùng để tài nguyên được sử dụng hiệu quả, chất thải được giảm thiểu và giá trị được duy trì lâu dài trong vòng đời sản phẩm. Đối với Việt Nam hiện nay, KTTH không chỉ là một mô hình kinh tế mà còn là tư duy phát triển mới, đặt trọng tâm vào tái tạo và phục hồi thay vì khai thác và tiêu hao. Nó hướng đến một nền kinh tế xanh, bền vững và có khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu và khủng hoảng tài nguyên.

Từ những phân tích trên, có thể khái quát những nội dung cốt lõi của KTTH bao gồm: (1) Thiết kế sản phẩm theo vòng đời khép kín. Sản phẩm được thiết kế để

để tái chế, tái sử dụng, sửa chữa. Vật liệu sản phẩm ưu tiên loại có thể quay vòng nhiều lần, hạn chế dùng nguyên liệu độc hại; (2) Giảm thiểu chất thải dựa trên nguyên tắc 3R (Reduce - Reuse - Recycle) là nền tảng. Tức là, chất thải không còn là “rác” mà trở thành nguồn tài nguyên thứ cấp; (3) Tối ưu hóa sử dụng tài nguyên. Khai thác tài nguyên thiên nhiên ở mức hợp lý. Đồng thời, tăng cường năng lượng tái tạo thay cho nhiên liệu hóa thạch. Tận dụng tối đa phụ phẩm, phế liệu trong sản xuất để tạo ra sản phẩm mới; (4) Duy trì giá trị sản phẩm và vật liệu trên cơ sở kéo dài vòng đời sản phẩm qua bảo dưỡng, nâng cấp, chia sẻ. Thúc đẩy mô hình dịch vụ thay cho sở hữu (ví dụ: thuê xe thay vì mua xe); (5) Liên kết chuỗi giá trị. KTTH không chỉ diễn ra trong một doanh nghiệp mà cần sự phối hợp toàn chuỗi: từ nhà sản xuất, người tiêu dùng đến hệ thống thu hồi - tái chế. Hình thành hệ sinh thái tuần hoàn thay cho mô hình tuyến tính “khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ”.

** Mục tiêu quan trọng của KTTH*

Mục tiêu của KTTH là giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên bằng cách duy trì vòng tuần hoàn khép kín; giảm ô nhiễm môi trường thông qua việc hạn chế rác thải và khí thải; thúc đẩy PTBV gắn với các mục tiêu toàn cầu (SDGs); thích ứng với BĐKH bằng cách giảm phát thải khí nhà kính.

** Ý nghĩa của KTTH đối với kinh tế - xã hội - môi trường*

Về kinh tế, KTTH giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, mở ra thị trường mới từ sản phẩm tái chế.

Về xã hội, KTTH góp phần tạo việc làm xanh, giải quyết việc làm, nâng cao nhận thức cộng đồng về tiêu dùng bền vững.

Về môi trường, KTTH giúp giảm khai thác tài nguyên, bảo vệ hệ sinh thái, giảm ô nhiễm các thành phần cấu tạo nên môi trường.

2.1.1.2. Phát triển kinh tế tuần hoàn

Phát triển là quá trình vận động từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Phát triển theo quan niệm của triết học Mác - Lênin không chỉ thay đổi về lượng mà còn có sự thay đổi về chất. Theo nghĩa này, phát triển KTTH là sự vận động, biến đổi các yếu tố cấu thành kinh tế tuần hoàn về lượng dẫn đến thay đổi chất của các yếu tố cấu thành KTTH theo hướng gia tăng

quy mô, giá trị, hiệu quả kinh tế và mức độ đóng góp của kinh tế tuần hoàn vào tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu chất thải và bảo vệ môi trường.

Phát triển KTTH là tổng hợp hoạt động của các chủ thể nhằm mở rộng quy mô, giá trị, hiệu quả kinh tế và mức độ đóng góp vào việc sử dụng tiết kiệm, hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên, vật liệu tài nguyên không tái tạo, kéo dài tuổi thọ của sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh, giảm thiểu ô nhiễm và tác động xấu đến môi trường. Qua đó, tạo động lực cho đổi mới sáng tạo và cải thiện năng suất lao động, đạt được thịnh vượng, phồn vinh, giàu mạnh về kinh tế, bền vững về môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hiệu quả kinh tế cao và công bằng, tiến bộ về xã hội. Nói cách khác, phát triển kinh tế tuần hoàn chính là làm cho các mô hình kinh tế phát triển xanh hơn, giảm dấu chân carbon, đạt mục tiêu netzero, phát triển bền vững ở phạm vi rộng hơn, quy mô lớn hơn, có tác động tích cực hơn về tiết kiệm, bảo vệ tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường.

** Chủ thể phát triển kinh tế tuần hoàn*

Có nhiều chủ thể tham gia phát triển kinh tế tuần hoàn, bao gồm: Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, nhà khoa học, người tiêu dùng và đặc biệt là người dân.

- Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò chỉ đạo, ban hành chủ trương, nghị quyết phát triển KTTH. Trong bối cảnh yêu cầu phải PTBV và buộc phải BVMT như hiện nay, Đảng giữ vai trò là lực lượng lãnh đạo toàn diện, tạo nền tảng chính trị, pháp lý và tổ chức cho việc triển khai mô hình KTTH. Đảng đề ra các chủ trương, định hướng lớn về phát triển KTTH trong các văn kiện Đại hội Đảng, Nghị quyết Trung ương, đặc biệt là các văn kiện liên quan đến chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Bên cạnh đó, Đảng lãnh đạo xây dựng hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách: Chỉ đạo Quốc hội, Chính phủ cụ thể hóa các chủ trương của Đảng thành luật pháp, cơ chế ưu đãi, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển mô hình KTTH.

Ngoài ra, Đảng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc phát triển KTTH. Đảng thông qua hệ thống tổ chức đảng các cấp để triển khai các chương trình hành động, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện KTTH; Gương mẫu trong hành

động, thúc đẩy các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân thực hiện chuyển đổi sang mô hình KTTH. Đồng thời, Đảng lãnh đạo công tác truyền thông, giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về KTTH.

- Nhà nước đóng vai trò then chốt trong việc cụ thể hóa chủ trương của Đảng thành hệ thống pháp luật, thúc đẩy và phát triển KTTH thông qua nhiều chức năng khác nhau như hoạch định chính sách, ban hành pháp luật, đầu tư hạ tầng, tài chính và điều tiết thị trường. Cụ thể:

Thứ nhất, Nhà nước hoạch định chiến lược và chính sách thông qua việc xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển KTTH gắn với PTBV. Nhà nước xây dựng các mục tiêu về tái chế, tái sử dụng, giảm thiểu chất thải vào trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở thực trạng môi trường và các cam kết quyết tế. Đồng thời Nhà nước định hướng các ngành công nghiệp theo mô hình sản xuất sạch hơn, tiêu dùng bền vững.

Thứ hai, Nhà nước ban hành và thực thi hệ thống pháp luật về phát triển KTTH thông qua xây dựng khung pháp lý hỗ trợ triển khai KTTH như: luật bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, luật chất thải, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất Nhà nước thiết lập các tiêu chuẩn kỹ thuật về sản phẩm thân thiện môi trường, bao bì tái chế...; Nhà nước tăng cường kiểm tra, giám sát, xử phạt vi phạm liên quan đến ô nhiễm, lãng phí tài nguyên.

Thứ ba, Nhà nước cung cấp tài chính và khuyến khích đầu tư phát triển KTTH thông qua chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng cho doanh nghiệp áp dụng mô hình KTTH; Hỗ trợ vốn cho dự án xử lý chất thải, năng lượng tái tạo, công nghệ xanh; Thành lập các quỹ phát triển xanh, quỹ đổi mới sáng tạo.

Thứ tư, Nhà nước đầu tư phát triển hạ tầng phát triển KTTH. Phát triển hệ thống thu gom, phân loại, xử lý rác thải; Đầu tư hạ tầng tái chế, logistics xanh, các khu công nghiệp sinh thái.; Hỗ trợ chuyển đổi năng lượng (từ than, dầu sang điện, năng lượng tái tạo...).

Thứ năm, thúc đẩy giáo dục, truyền thông và nâng cao nhận thức: Tổ chức các chiến dịch truyền thông về tiêu dùng xanh, giảm rác thải nhựa, tiết kiệm tài nguyên; Đưa giáo dục môi trường, KTTH vào chương trình học của các trường đại

học; Khuyến khích cộng đồng, doanh nghiệp tham gia vào các sáng kiến phát triển KTTH.

Thứ sáu, hợp tác quốc tế và thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo. Tham gia các hiệp định, chương trình quốc tế về phát triển bền vững; Hợp tác chuyển giao công nghệ, chia sẻ mô hình tốt với các nước tiên tiến; Tài trợ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tuần hoàn.

Như vậy, kinh tế tuần hoàn không thể phát triển nếu thiếu vai trò chủ động, định hướng, điều tiết và hỗ trợ các nguồn lực từ Nhà nước. Vì vậy, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo và dẫn dắt, tạo điều kiện để doanh nghiệp, người dân và các tổ chức xã hội cùng tham gia vào quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn.

- *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội* đóng vai trò quan trọng trong việc huy động sức mạnh toàn dân, thay đổi nhận thức cộng đồng và giám sát thực hiện chính sách, từ đó góp phần thúc đẩy KTTH phát triển một cách bền vững.

- *Vai trò của doanh nghiệp* đối với phát triển KTTH được thể hiện ở chỗ: Đổi mới mô hình sản xuất - kinh doanh; Đầu tư công nghệ xanh và sáng tạo; Thúc đẩy chuỗi giá trị bền vững; Tuyên truyền làm thay đổi hành vi người tiêu dùng; Thực hiện trách nhiệm xã hội và trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất xanh, sạch; Tạo động lực lan tỏa trong xã hội lối sống thân thiện với môi trường; Hợp tác với Nhà nước và các tổ chức xã hội phát triển kinh tế tuần hoàn.

- *Người dân* là một trong những chủ thể trung tâm của KTTH, họ là chủ thể phát triển và tiêu dùng sản phẩm của KTTH. Hành vi tiêu dùng, sinh hoạt và ý thức của người dân tác động trực tiếp đến lượng tài nguyên sử dụng, chất thải phát sinh cũng như hiệu quả tái chế, tái sử dụng trong xã hội. Vai trò của người dân trong phát triển KTTH thể hiện qua các khía cạnh như: Tiêu dùng có trách nhiệm; Phân loại và xử lý rác thải tại nguồn; Tái sử dụng và tái chế trong sinh hoạt; Tham gia vào các phong trào cộng đồng; Giám sát và đồng hành cùng chính quyền, doanh nghiệp; Nâng cao ý thức và giáo dục con em về lối sống xanh, bền vững.

- Nhà khoa học có vai trò vô cùng năng động trong nghiên cứu, triển khai và phát triển KTTH. Bởi họ là nhà nghiên cứu, tham gia vào phát triển KTTH thông

qua hoạt động nghiên cứu khoa học, xây dựng, thí nghiệm các mô hình kinh tế giảm phát thải và giảm khai thác tài nguyên; chuyển giao công nghệ, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn vào thực tiễn địa phương, lĩnh vực. Thiếu các nhà khoa học sẽ làm giảm tính khả thi của xây dựng và phát triển mô hình KTTH khi thiếu các công nghệ xanh, sạch, tiết kiệm tài nguyên, có giá thành hợp lý cho mô hình KTTH.

Trong các chủ thể phát triển KTTH Nhà nước đóng vai trò quan trọng nhất. Bằng các công cụ pháp luật, chính sách và thực lực kinh tế của Nhà nước, bằng các biện pháp tuyên truyền, vận động, khuyến khích, hỗ trợ, ... Nhà nước có thể tạo động lực cho doanh nghiệp, người tiêu dùng tham gia và đẩy mạnh ứng dụng kinh tế tuần hoàn.

** Nội dung phát triển kinh tế tuần hoàn*

Điều 142 của Luật Bảo vệ môi trường (năm 2020) đã quy định riêng về kinh tế tuần hoàn. “Kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường” [88]. Điều này nhấn mạnh mục tiêu giảm thiểu tác động môi trường và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên.

Tại khoản 11 Điều 5 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 nhấn mạnh việc tích hợp, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong quá trình xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT - XH. Điều này cho thấy sự cam kết của Nhà nước trong việc hỗ trợ và tăng cường các hoạt động kinh tế tuần hoàn thông qua chính sách.

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường cung cấp hướng dẫn chi tiết về tiêu chí, lộ trình, cách thức áp dụng, phân công trách nhiệm và các cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH, bổ sung chi tiết và hướng dẫn thực hiện cho các điều của Luật Bảo vệ môi trường, gồm cả Điều 138, 139 và 140. Điều này cho thấy sự cụ thể hóa trong quy định pháp luật nhằm tạo động lực và hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân trong việc chuyển đổi và áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn.

Ngoài ra, Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam đã được thông qua tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 7/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đã khẳng định “chủ động phát triển kinh tế tuần hoàn là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDG)” [88]. Bên cạnh đó, nhiều công cụ chính sách quan trọng có vai trò điều chỉnh hành vi của người sản xuất, tiêu dùng trong nền kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường sẽ góp phần thúc đẩy thực hiện kinh tế tuần hoàn một cách toàn diện, hiệu lực và hiệu quả đã được ban hành và triển khai. Đặc biệt, để cụ thể hóa nhiệm vụ được giao về xây dựng lộ trình thực hiện kinh tế tuần hoàn Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và giao Bộ TN&MT (cũ) ngay là Bộ NN và MT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH.

Từ những căn cứ nêu trên, luận án xác định nội dung cơ bản của phát triển kinh tế tuần hoàn:

Thứ nhất, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên.

- Con người sống và tồn tại được là do quá trình lao động của con người kết hợp với môi trường tự nhiên. Môi trường tự nhiên đã cung cấp cho con người những thứ thiết yếu của cuộc sống (như không khí, ánh sáng, nước, không gian sống...) và những nguyên vật liệu cần thiết cho quá trình lao động. C.Mác khẳng định: “Công nhân không thể tạo ra cái gì khác nếu không có *giới tự nhiên*, nếu không có *thế giới hữu hình bên ngoài*. Đó là vật liệu, trong đó lao động của anh ta triển khai, từ đó và nhờ đó, lao động của anh ta sản xuất ra sản phẩm” [69]. Điều đó cho thấy, trong phát triển kinh tế con người phải khai thác tài nguyên thiên nhiên để trở thành nguyên liệu sản xuất, trở thành đối tượng lao động, công cụ lao động, phương tiện lao động của quá trình sản xuất. Tuy nhiên, khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên làm cạn kiệt và suy thoái các hệ sinh thái quan trọng. Khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên hiện nay đã trở thành một trong những thách thức lớn nhất mà nhân loại phải đối mặt. Áp lực liên tục mà các hoạt động hàng ngày của chúng ta gây ra cho môi trường đã gây ra sự mất cân bằng sinh thái không chỉ ảnh

hưởng đến đa dạng sinh học mà còn ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của dân số hiện tại và tương lai. Hiện tượng này, bao gồm việc khai thác tài nguyên thiên nhiên với tốc độ nhanh hơn tốc độ tái tạo của hành tinh, ảnh hưởng đến cả tài nguyên tái tạo và không tái tạo và đi kèm với những hậu quả sâu sắc về môi trường, xã hội và kinh tế.

Trong cơ chế thị trường nhu cầu lợi nhuận của con người tăng cao đã bất chấp “lời nguyện của tự nhiên” mà lao vào khai thác, vơ vét tài nguyên thiên nhiên đến cạn kiệt. Những tác động tiêu cực đó của con người lên môi trường đã làm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái nghiêm trọng và nhiều nơi đã mất cân bằng sinh thái. Điều này kéo theo những thảm họa môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, hạn hán, lũ lụt bất thường... đang xảy ra thường xuyên hơn, với cường độ ngày càng mạnh hơn cả ở nước ta và trên thế giới. Các nhà y học thế giới cho rằng 80% các loại bệnh tật hiện nay của con người đều liên quan đến ô nhiễm môi trường. Trong vòng 30 năm qua, có khoảng 40 loại bệnh mới phát sinh và đều có nguồn gốc từ ô nhiễm môi trường. Nổi bật trong số các loại bệnh do ô nhiễm môi trường là nhóm bệnh về đường hô hấp, viêm phổi, viêm phế quản, cúm, tiêu chảy, sốt xuất huyết. Nguy hiểm nhất là bệnh ung thư, quái thai, biến đổi gen ... do ô nhiễm môi trường gây ra.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên. Kể từ năm 2015, Việt Nam đã chuyển từ nước xuất khẩu năng lượng sang nhập siêu về năng lượng và ngày càng phụ thuộc vào nguồn năng lượng hóa thạch nhập khẩu. Bởi vậy, sử dụng điện, năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo cung ứng điện, bảo tồn nguồn tài nguyên năng lượng quốc gia, bảo vệ môi trường và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu. Nhiều chuyên gia nhận định rằng, cải thiện chất lượng sử dụng năng lượng theo hướng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn tài nguyên năng lượng là giải pháp quan trọng trong chính sách an ninh năng lượng quốc gia. Ngày 11 tháng 2 năm 2020, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 55 - NQ/TW về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là chủ trương lớn của Đảng nhằm định hướng dài hạn chiến lược an ninh năng lượng nói chung, sự phát triển bền vững, ổn định của ngành năng lượng Việt Nam nói riêng.

Thứ hai, quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải.

- Quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải là “việc thu gom, vận chuyển, xử lý, tái chế, loại bỏ hay thăm tra các vật liệu chất thải. Quản lý chất thải thường liên quan đến những vật chất do hoạt động của con người sản xuất ra, đồng thời đóng vai trò giảm bớt ảnh hưởng của chúng đến sức khỏe con người, cảnh quan môi trường sống hay không gian sinh tồn của mọi đối tượng trên thế giới. Quản lý chất thải, tái sử dụng, tái chế chất thải cũng góp phần phục hồi các nguồn tài nguyên lẫn trong chất thải. Quản lý chất thải có thể bao gồm chất rắn, chất lỏng, chất khí hoặc chất thải phóng xạ, mỗi loại được quản lý bằng những phương pháp và lĩnh vực chuyên môn khác nhau” [105].

Tái sử dụng là sử dụng lại các sản phẩm hoặc bộ phận của chúng mà không cần trải qua quá trình tái chế phức tạp. Qua đó giảm nhu cầu về nguyên liệu mới, tiết kiệm chi phí và năng lượng, kéo dài tuổi thọ của sản phẩm. Xử lý chất thải bao gồm các phương pháp như chôn lấp, đốt rác, và công nghệ xử lý sinh học. Quan trọng là việc xử lý phải đảm bảo không gây hại cho môi trường. Giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và duy trì sự bền vững của hệ sinh thái.

Tái chế (recycling) là “hoạt động xử lý các loại rác thải, chất thải sinh hoạt, chất thải nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, kinh doanh, vận chuyển, y tế, hoặc công nghiệp, để những vật liệu này có thể được sử dụng lại thay vì bỏ đi trở thành rác thải. Quá trình này thường bao gồm việc thu gom, phân loại, làm sạch và chế biến vật liệu để hình thành sản phẩm mới có giá trị sử dụng”[77]. Khi nói về KTTH không thể không nhắc tới tái chế, bởi đây là quá trình quay trở lại của rác thải, thành đầu vào của quá trình sản xuất khác. Tái chế cũng là chiến lược mà nhiều quốc gia lựa chọn để phát triển KTTH và PTBV.

Ba là, sử dụng năng lượng sạch, vật liệu tái tạo

“Năng lượng sạch là nguồn năng lượng không gây ô nhiễm và có thể tái tạo, giúp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững” [69]. Chính vì thế, phát triển KTTH phải hướng tới nền kinh tế sử dụng năng lượng sạch, vật liệu tái tạo nhằm phát triển bền vững. Theo quan niệm của trường phái hiệu quả sinh thái, KTTH phải hướng

tới mục tiêu sử dụng năng lượng, vật liệu, quy trình sản xuất có tính chất tái tạo với chất thải bằng không hoặc chất thải có tác động tích cực tới môi trường. Theo đó, nội dung chính của KTTH là tái tạo: mọi quá trình sản xuất đều đặt mục tiêu tái tạo. Sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu có khả năng tái tạo đáp ứng được yêu cầu này của KTTH.

Sử dụng các loại năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng nước, năng lượng sinh khối, ... bổ sung và thay thế các loại năng lượng hóa thạch, năng lượng không hoặc khó tái tạo. Các nguồn năng lượng tái tạo có trữ lượng vô cùng lớn và với trình độ khoa học công nghệ hiện nay có thể khai thác được nguồn năng lượng này phục vụ cho sản xuất và đời sống. Năng lượng sạch, năng lượng tái tạo đang trở thành xu hướng tất yếu trong bối cảnh biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng. Việc sử dụng năng lượng sạch không chỉ giúp bảo vệ hành tinh mà còn mang lại nhiều lợi ích kinh tế và xã hội. Đặc biệt, các nhà máy điện sinh khối sử dụng mùn cưa, bã mía, rơm rạ để tạo ra điện, vừa giúp xử lý rác thải nông nghiệp vừa giảm ô nhiễm. Tại các vùng nông thôn, nhiều hộ gia đình đã tận dụng hầm biogas từ phân động vật và rác hữu cơ để tạo khí gas phục vụ nấu ăn, giúp giảm đáng kể chi phí nhiên liệu và hạn chế phát thải khí CO₂ ra môi trường.

** Phương thức phát triển kinh tế tuần hoàn*

Phát triển KTTH chính là xây dựng một nền kinh tế bền vững, ít phụ thuộc vào khai thác tài nguyên thô, giảm chất thải và hướng tới tăng trưởng xanh. Nó không chỉ là giải pháp môi trường mà còn là chiến lược phát triển dài hạn cho các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Do vậy có nhiều phương thức phát triển KTTH. Tuy nhiên, trong giới hạn nghiên cứu của mình, luận án khái quát một số phương thức cơ bản sau:

Một là, phương thức trong phát triển KTTH

(1) Thay đổi tư duy thiết kế mới sản phẩm và quy trình sản xuất được thiết kế ngay từ đầu để giảm tiêu hao tài nguyên và dễ dàng quay vòng. Ưu tiên vật liệu thân thiện môi trường, có khả năng tái chế: (2) Tối ưu hóa vòng đời sản phẩm trên cơ sở kéo dài thời gian sử dụng thông qua sửa chữa, nâng cấp, chia sẻ. Thay đổi từ

mô hình sở hữu sang mô hình dịch vụ (ví dụ: thuê, chia sẻ xe thay vì mua); (3) Tái tạo và phục hồi chất thải trở thành nguồn nguyên liệu đầu vào cho chu trình sản xuất mới. Tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo thay cho nhiên liệu hóa thạch; (4). Liên kết chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp, người tiêu dùng và hệ thống tái chế cùng tham gia tạo thành hệ sinh thái tuần hoàn, phối hợp giữa chính sách, công nghệ và hành vi xã hội.

Hai là, tuyên truyền, vận động doanh nghiệp và nhân dân chuyển đổi tư duy sản xuất và tiêu dùng. Phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển KTTH, nâng cao nhận thức của người dân về tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu chất thải, tiêu dùng xanh, vận động người dân thay đổi hành vi, thói quen có hại cho môi trường; Phối hợp hành động giữa các tổ chức thành viên: Huy động sức mạnh của các đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ...) trong các chương trình BVMT, tiết kiệm tài nguyên, thay đổi lối sống, thay đổi hành vi tiêu dùng; Tổ chức các phong trào thi đua như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Khu dân cư bảo vệ môi trường”, gắn với nội dung kinh tế tuần hoàn; Giám sát, phản biện xã hội: Theo dõi việc triển khai các chính sách liên quan đến kinh tế tuần hoàn ở địa phương; Góp ý, phản biện với cơ quan Nhà nước trong xây dựng chính sách PTBV và tuần hoàn; Đảm bảo sự minh bạch, công bằng trong quá trình thực hiện các dự án liên quan đến môi trường.

Tuyên truyền về phát triển KTTH có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức như: ti vi, mạng xã hội, tạp chí, đài phát thanh truyền hình, qua các phóng sự, bài báo, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, đài tiếng nói, các đề tài khoa học, sách thường thức, các buổi sinh hoạt chi bộ, hội thảo, tọa đàm, các lớp bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kiến thức, lồng ghép nội dung kinh tế tuần hoàn vào các chương trình chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế, đào tạo, bồi dưỡng chuyển mục đích sử dụng tài nguyên, các tài liệu, tờ rơi, tranh ảnh, áp phích, các cuộc thi tìm hiểu kinh tế tuần hoàn các cấp.

Ba là, định hướng, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi mô hình phát triển KTTH. Định hướng và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi sang mô hình KTTH tập trung vào xây dựng khung pháp lý, ưu đãi tài chính, hỗ trợ công nghệ -

đổi mới sáng tạo, và thúc đẩy hợp tác chuỗi giá trị. Đây là nền tảng để doanh nghiệp vừa đảm bảo lợi ích kinh tế, vừa đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững. Định hướng doanh nghiệp tập trung vào tận dụng tối đa nguyên liệu đã qua sử dụng, hạn chế chất thải và phát triển mô hình KTTH như *Kế hoạch hành động quốc gia về KTTH đến năm 2035*, hướng tới hệ thống sản xuất - tiêu dùng bền vững, giảm phát thải và tạo việc làm xanh. Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới mô hình kinh doanh, chuyển từ mô hình tuyến tính sang tuần hoàn: sản phẩm - dịch vụ được thiết kế để tái sử dụng, sửa chữa, tái chế. Thúc đẩy mô hình Product-as-a-Service (dịch vụ sản phẩm), kinh tế chia sẻ, và chuỗi giá trị khép kín.

Hỗ trợ doanh nghiệp vốn vay ưu đãi cho dự án tuần hoàn. Giảm thuế cho doanh nghiệp đầu tư công nghệ tái chế, năng lượng sạch. Khuyến khích đổi mới sáng tạo, tạo động lực cho nghiên cứu, phát triển sản phẩm xanh. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực tái chế, năng lượng tái tạo. Đào tạo và nâng cao năng lực cho doanh nghiệp chuyển đổi xanh. Tổ chức chương trình đào tạo về KTTH cho doanh nghiệp. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ và tư vấn kỹ thuật. Liên kết doanh nghiệp với chính quyền và tổ chức quốc tế để tận dụng nguồn lực. Xây dựng các khu công nghiệp sinh thái, nơi chất thải của doanh nghiệp này trở thành nguyên liệu cho doanh nghiệp khác.

Bốn là, thay đổi hành vi tiêu dùng của người dân đóng vai trò then chốt. Người dân cần hình thành thói quen tiêu dùng xanh, ưu tiên sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường, có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng. Việc hạn chế sử dụng đồ nhựa dùng một lần, phân loại rác tại nguồn, và lựa chọn dịch vụ chia sẻ thay vì sở hữu cá nhân sẽ giúp giảm lượng chất thải, kéo dài vòng đời sản phẩm và tiết kiệm tài nguyên. Đồng thời, sự chuyển đổi trong hành vi tiêu dùng còn tạo áp lực tích cực buộc doanh nghiệp phải đổi mới mô hình sản xuất theo hướng tuần hoàn, từ đó hình thành một hệ sinh thái kinh tế bền vững, vừa BVMT vừa nâng cao chất lượng cuộc sống.

2.1.2. Vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn

2.1.2.1. Vai trò của nhà nước

*** Vai trò**

Vai trò là một khái niệm chỉ nhiệm vụ và chức năng của một cá nhân/nhóm/tổ chức trong một hệ thống hoặc một tình huống cụ thể. Nói đến vai trò

là nói đến hành vi và trách nhiệm mà một cá nhân/nhóm/tổ chức hoặc đối tượng nào đó được giao và phải thực hiện. Do vậy, vai trò theo nghĩa chung nhất được hiểu là: “chức năng, tác dụng của cái gì hoặc của ai trong sự vận động, phát triển của nhóm, tập thể nói chung” [127, tr.1788]; “là người giữ chức vụ gì trong xã hội, trong vở kịch” [114, tr.1073]; “là tác dụng, chức năng trong một tổ chức” [115, tr.280]; “là chức vụ, địa vị, tác dụng” [6, tr.899]. Qua đây có thể khẳng định, “vai trò” của cá nhân/nhóm/tổ chức xã hội nào đó, người ta thường đề cập đến chức năng, nhiệm vụ, hành vi họ. Tiếp cận dưới góc độ xã hội học, vai trò được hiểu là: những mong đợi, đòi hỏi của xã hội với cá nhân/nhóm xã hội về hành vi ứng xử và hành động trên cơ sở vị thế xã hội của họ. Trong luận án này, vai trò được tiếp cận dưới góc độ triết học và được hiểu là chức năng, nhiệm vụ của cá nhân/nhóm/tổ chức xã hội.

** Nhà nước*

Theo pháp luật, Nhà nước là tổ chức xã hội đặc biệt của quyền lực chính trị, được thành lập để thực hiện quyền lực của giai cấp thống trị và quản lý toàn bộ hoạt động xã hội trong phạm vi lãnh thổ quốc gia. Theo Luật Việt Nam, Nhà nước là tổ chức chính trị trung ương của một quốc gia, có chủ quyền quốc gia, quyền ban hành pháp luật, quản lý thu thuế và thiết lập quyền lực công cộng. Nhà nước hiểu theo nghĩa chung nhất “là một tổ chức xã hội đặc biệt của quyền lực chính trị được giai cấp thống trị thành lập nhằm thực hiện quyền lực của mình” [43, tr.40]. “Nhà nước là bộ máy do lực lượng nắm quyền thống trị (kinh tế - chính trị - xã hội) thành lập nên nhằm mục đích điều khiển, chỉ huy toàn bộ hoạt động của xã hội trong một quốc gia” [43, tr.41]. Theo quan niệm của Triết học Mác - Lênin, nhà nước xuất hiện khi xã hội có sự phân chia giai cấp và cần một tổ chức đứng ra điều hòa mâu thuẫn, duy trì trật tự. Nhà nước vừa mang bản chất giai cấp (bảo vệ lợi ích của lực lượng nắm quyền) vừa có chức năng xã hội (quản lý, điều hành, bảo đảm trật tự xã hội và công bằng xã hội). Do vậy, tiếp cận dưới góc độ triết học: Nhà nước là một tổ chức quyền lực chính trị đặc biệt của xã hội, ra đời khi xã hội có sự phân chia giai cấp và mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa bằng các hình thức tự quản cộng đồng. Luận án cho rằng: *Nhà nước là công cụ của giai cấp thống trị để duy trì trật tự xã hội, bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền, đồng thời thực hiện những chức*

năng chung nhằm bảo đảm sự tồn tại và phát triển của xã hội. Nhà nước gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

** Vai trò của Nhà nước*

Theo khoa học chính trị - pháp lý, Nhà nước có vai trò là chủ thể quản lý tối cao trong xã hội, có quyền ban hành pháp luật, điều tiết các quan hệ xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia và bảo đảm công bằng xã hội. Theo triết học Mác - Lênin, vai trò của Nhà nước là công cụ quyền lực chính trị đặc biệt để giai cấp cầm quyền thực hiện sự thống trị, đồng thời tổ chức và quản lý xã hội vì lợi ích chung. Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam giữ vai trò trung tâm trong việc định hướng, quản lý và bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước theo mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

** Biểu hiện vai trò của Nhà nước gồm:*

- Quản lý xã hội và duy trì trật tự xã hội thông qua ban hành hệ thống pháp luật, quy định chuẩn mực hành vi xã hội của cá nhân/nhóm xã hội. Đồng thời, nhà nước có cơ quan quyền lực đặc biệt là bộ máy cưỡng chế để bảo đảm mọi công dân tuân thủ.

- Bảo vệ lợi ích quốc gia và chủ quyền trên cơ sở quản lý lãnh thổ, dân cư và tài nguyên. Quản lý và bảo vệ biên giới đất liền, vùng biển, vùng trời. Nhà nước duy trì lực lượng vũ trang để phòng thủ, ngăn chặn xâm lược từ bên ngoài. Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Thiết lập quan hệ ngoại giao, ký kết hiệp định quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia. Giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình, bảo đảm chủ quyền quốc gia.

- Điều tiết và phát triển kinh tế. Nhà nước định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn. Quản lý thuế, ngân sách, đầu tư công, sử dụng công cụ tài chính - tiền tệ (ngân sách, thuế, lãi suất, tín dụng) để ổn định kinh tế. Ban hành luật pháp, chính sách kinh tế để bảo đảm cạnh tranh lành mạnh. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Ngăn chặn độc quyền, gian lận thương mại, bảo vệ thị trường trong nước. Hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Bảo đảm công bằng xã hội. Nhà nước thực hiện chính sách an sinh xã hội, y

tế, giáo dục. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Hướng nền kinh tế theo mục tiêu tăng trưởng bền vững, gắn với công bằng xã hội.

- Đối ngoại và hợp tác quốc tế. Nhà nước thiết lập quan hệ ngoại giao, ký kết hiệp định quốc tế. Tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh khu vực.

Trong bối cảnh hiện nay, việc nhà nước phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề về cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, BĐKH là tất yếu khách quan. Đặc biệt với kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng, thì việc phát huy chức năng xã hội của nhà nước để lựa chọn mô hình phát triển kinh tế. Vì vậy, với chức năng, nhiệm vụ của mình, nhà nước điều tiết nền kinh tế và giải quyết các vấn đề môi trường bằng việc lựa chọn mô hình phát triển kinh tế không bị ảnh hưởng đến thế hệ tương lai và bền vững. Phát triển mô hình KTTH đáp ứng được cả hai yêu cầu: tăng trưởng kinh tế bền vững và BVMT. Nói cách khác, việc nhà nước Việt Nam chủ trương phát triển mô hình KTTH sẽ giải quyết được cả hai mối quan hệ cơ bản của mình là phát triển kinh tế và BVMT.

Nhà nước là chủ thể tối cao trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia và chủ quyền, vừa bằng sức mạnh nội lực (quốc phòng, an ninh, pháp luật) vừa bằng ngoại giao và hợp tác quốc tế. Theo đó, có thể hiểu Nhà nước có *vai trò là thực hiện chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình trong định hướng, điều tiết, hỗ trợ và giám sát các hoạt động kinh tế - xã hội nhằm phát triển kinh tế, duy trì trật tự xã hội, bảo vệ quyền lợi của người dân, đảm bảo an ninh quốc gia vì mục tiêu phát triển bền vững.*

Vai trò của Nhà nước phản ánh bản chất và chức năng của mình trong đời sống xã hội, đó là chức năng chính trị thống trị và chức năng xã hội. Hai chức năng này có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong đó chức năng thống trị chính trị quyết định chức năng nhà nước. Nhưng nhà nước còn mang tính xã hội, thực hiện các chức năng xã hội nhằm duy trì trật tự, ổn định và phát triển cộng đồng. Như Ph. Ăngghen khẳng định: “ở khắp nơi, chức năng xã hội là cơ sở của sự thống trị chính trị; và sự thống trị chính trị cũng chỉ kéo dài chừng nào nó còn thực hiện chức năng xã hội đó của nó” [65, tr.253]. Vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH được thể hiện rõ qua hai khía cạnh: chức năng giai cấp và chức năng xã hội. Nhà nước

ban hành chính sách, pháp luật để định hướng nền kinh tế theo mục tiêu của giai cấp lãnh đạo (ở Việt Nam là giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản). Đồng thời, Nhà nước xây dựng hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp và người dân tham gia vào mô hình tuần hoàn. Thực hiện các chương trình tái chế, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải để bảo đảm sự phát triển bền vững cho toàn xã hội. Nhà nước hỗ trợ các nhóm yếu thế, tạo việc làm xanh, nâng cao nhận thức cộng đồng về tiêu dùng bền vững.

2.1.2.2. Vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn là tất yếu khách quan

Từ những phân tích và lập luận nêu trên về vai trò của Nhà nước, về nội hàm của phát triển KTTH, có thể hiểu: *Vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn là tổng thể những chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn mà Nhà nước thực hiện nhằm định hướng, điều tiết, hỗ trợ và giám sát các hoạt động kinh tế - xã hội theo hướng tái tạo tài nguyên, giảm thiểu chất thải, nâng cao hiệu quả sử dụng vật chất và năng lượng, qua đó thúc đẩy tăng trưởng bền vững và bảo vệ môi trường.*

Vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH là tất yếu, khách quan:

Thứ nhất, xuất phát từ chức năng điều tiết kinh tế của nhà nước.

Lịch sử của loài người kể từ khi xuất hiện giai cấp và nhà nước đến nay cho thấy, dù trực tiếp hay gián tiếp, nhà nước đều tác động đến kinh tế. Nhà nước ra đời từ sự phát triển của kinh tế, do sự phát triển của kinh tế quy định. Theo C. Mác: “Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của một xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị và những hình thái ý thức xã hội nhất định tương ứng với cơ sở hiện thực đó” [64, tr.15]. Điều đó cho thấy, kinh tế, nếu hiểu theo nghĩa là toàn bộ các quan hệ sản xuất hợp thành kết cấu kinh tế - xã hội của một giai đoạn lịch sử thì nó là cơ sở ra đời kiến trúc thượng tầng tương ứng gồm nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể xã hội... và khi “Cơ sở kinh tế thay đổi thì toàn bộ cái kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng” [64, tr.15]. Tức là khi kinh tế thay đổi thì nhà nước và các yếu tố cấu thành kiến trúc thượng tầng cũng thay đổi theo. Tuy nhiên, triết học Mác - Lênin cũng luôn nhấn mạnh tính độc lập tương đối và sự tác

động trở lại của kiến trúc thượng tầng, của chính trị, của nhà nước đối với cơ sở hạ tầng (nền kinh tế của xã hội) như C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định: “Sự vận động kinh tế nói chung và nhìn tổng thể sẽ tiện mở đường cho mình, nhưng nó cũng sẽ chịu sự tác động ngược lại của sự vận động chính trị mà chính nó tạo ra và có tính độc lập tương đối” [68, tr.678]. Đồng thời, “Sự vận động kinh tế chịu ảnh hưởng một bên là sự vận động quyền lực nhà nước, còn một bên là của lực lượng đối lập sinh ra đồng thời với quyền lực ấy” [68, tr.678]. Sau này V.I.Lênin đã tiếp tục khẳng định, “chính trị chủ yếu là xây dựng nhà nước về mặt kinh tế” [59, tr.483]. Kinh tế phát triển là do chính trị tiến bộ. Ngược lại, chính trị quan liêu, trì trệ, kém hiệu quả sẽ dẫn đến kinh tế khủng hoảng. Hoặc kinh tế sa sút, khủng hoảng chính trị cũng sẽ ảnh hưởng, thậm chí có thể khủng hoảng theo. Bởi: “chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế” [59, tr.349], “là kinh tế cô đọng lại” [61, tr.147] và “bạo lực (tức là quyền lực nhà nước) cũng là một sức mạnh kinh tế” [68]. Nói gọn lại, nhà nước là sản phẩm phát triển của lực lượng sản xuất, của kinh tế, nó ra đời nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế và toàn bộ các lợi ích khác của giai cấp thống trị trên lĩnh vực kinh tế. Cho nên, nhà nước không chỉ do kinh tế, mà còn là, và chủ yếu vì *kinh tế*, nhà nước bảo vệ và phát triển nền tảng kinh tế - nền tảng mà trên đó giai cấp đại diện cho quan hệ sản xuất có được vị trí thống trị. Từ đó có thể nói, sự tác động lại của nhà nước tới kinh tế cũng mang tính tất yếu khách quan không kém gì tính tất yếu kinh tế dẫn tới sự ra đời của nhà nước. Vì vậy, với chức năng và vai trò của mình, nhà nước hoạch định chính sách phát triển và quản lý kinh tế trong những giai đoạn phát triển nhất định của xã hội.

Thứ hai, xuất phát từ tính tất yếu thực hiện vai trò của nhà nước trong bảo vệ môi trường

Để phát triển kinh tế, tất yếu con người phải sử dụng tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Chỉ có môi trường mới là nơi cung cấp nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất và phát triển như các nhà kinh điển đã khẳng định: “giới tự nhiên là cái cung cấp những vật liệu cho lao động”, còn lao động biến những vật liệu đó “thành của cải” [65, tr.641]. Đồng thời, chỉ có trong không gian của môi trường, con người mới có thể tiến hành sản xuất. Do vậy, để tiến hành sản xuất và phát triển kinh tế,

con người phải giữ gìn, bảo vệ các yếu tố cấu thành môi trường sao cho cân bằng trong chừng mực tiếp tục cung cấp nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất và môi trường sống của con người như Ph.Ăng ghen đã từng cảnh báo: “chúng ta cũng không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù chúng ta. Thật thế, mỗi một thắng lợi, trước hết là đem lại cho chúng ta kết quả mà chúng ta hằng mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, lượt thứ ba, thì nó lại gây ra những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được, những tác dụng thường hay phá hủy tất cả những kết quả đầu tiên của nó” [65, tr.654]. Do vậy, muốn sống và tồn tại, không có con đường nào khác ngoài việc con người phải quay về sống hài hòa với thiên nhiên, phát triển kinh tế luôn phải gắn liền với việc bảo vệ môi trường.

Với nhiệm vụ phát triển kinh tế của mình và vai trò to lớn của môi trường đối với quá trình sản xuất, để nền sản xuất không rơi vào khủng hoảng, tất yếu nhà nước phải có trách nhiệm lồng ghép mục tiêu, kế hoạch giữ gìn, cải tạo, bảo vệ môi trường trên từng dự án phát triển kinh tế. Nói cách khác, chỉ có nhà nước mới có thể điều chỉnh mối quan hệ giữa con người và môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Không thể tách mục tiêu bảo vệ môi trường ra khỏi mục tiêu phát triển kinh tế. Sự kết hợp giữa mục tiêu kinh tế và mục tiêu bảo vệ môi trường là yêu cầu tất yếu, khách quan của mọi nhà nước. bảo vệ môi trường cũng chính là duy trì những điều kiện để kinh tế có thể phát triển bền vững và lâu dài. Đó là vai trò của nhà nước không chỉ đối với kinh tế mà cả giải quyết các vấn đề xã hội và đặc biệt là bảo vệ môi trường - một trong những yếu tố cấu thành của lực lượng sản xuất. Một thực tế không thể phủ nhận rằng, không dễ dàng kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng một cách hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Vì vậy, càng cần sự can thiệp, điều tiết kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường của nhà nước thông qua việc phát triển kinh tế tuần hoàn.

Thứ ba, xuất phát từ bản chất nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển, 2011) đã khẳng định đặc trưng, phương hướng xây dựng CNXH ở

Việt Nam, trong đó có nội dung “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” [35]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là: “Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển; bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách kết hợp với sử dụng lực lượng vật chất của Nhà nước để định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước, bảo đảm cân đối vĩ mô nền kinh tế, điều tiết thu nhập; kiểm tra, kiểm soát, thanh tramọi hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật” [33, tr.102]. Trong Văn kiện Đại hội XI của Đảng đã nêu: “Nhà nước quản lý điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường” [34]. Đại hội XII của Đảng cũng đã khẳng định: “Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển” [37]. Đại hội XIII của Đảng cũng tiếp tục nhấn mạnh: “Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn, định mức và lực lượng kinh tế nhà nước phù hợp với các yêu cầu và quy luật của kinh tế thị trường” [38, tr.131]. Đồng thời: “Nhà nước có chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế” [38, tr.134]. Những quan điểm chỉ đạo của Đảng nêu trên cho thấy, nhà nước Việt Nam cần thực hiện vai trò của mình đối với phát triển KTTH. Ngoài ra, phát triển KTTH đòi hỏi ngay từ đầu phải có đầu tư lớn vào kết cấu hạ tầng thu gom, phân loại và tái chế rác thải. Quá trình này đòi hỏi phải sử dụng nhiều nguồn lực, trong đó đặc biệt cần nhiều nguồn lực tài chính. Vì thế, chỉ có Nhà nước mới có đủ quyền lực nhằm sử dụng tổng hợp các công cụ tài chính để triển khai phát triển kinh tế tuần hoàn.

Hơn nữa, những yếu tố mới, mang tính quy trình chặt chẽ của KTTH so với kinh tế tuyến tính truyền thống đòi hỏi phải có hành lang pháp lý phục vụ cho phát

triển KTTH, như: quy định những gì được khai thác, tài nguyên nào không được khai thác, trách nhiệm cụ thể của nhà sản xuất trong việc sử dụng tài nguyên không tái tạo, quyền lợi của nhà phân phối trong việc tái chế rác; Quản lý sản xuất và tiêu dùng theo vòng đời, xây dựng và áp dụng chặt chẽ các bộ tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm, chất lượng nguyên liệu đầu vào, quy định chính sách cụ thể như ưu đãi tín dụng, miễn giảm thuế, quy hoạch hỗ trợ mặt bằng cho ngành tái chế rác ở xa khu dân cư... nhằm khuyến khích, hỗ trợ phát triển các mô hình kinh doanh một cách hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của quốc gia và điều kiện của từng ngành nghề, từng doanh nghiệp... Điều này tất yếu đòi hỏi thực hiện và phát huy vai trò của nhà nước.

Nhà nước là một bộ máy quyền lực, có hệ thống pháp luật và hệ thống các cơ quan thực hiện sự cưỡng chế và chỉ có các cơ quan này mới có quyền nhân danh nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước. Vì vậy, chỉ có nhà nước mới có đủ quyền và sức mạnh bạo lực mang tính cưỡng chế nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển KTTH thông qua kiểm tra, giám sát, tổ chức bộ máy cưỡng chế để bảo đảm tuân thủ mục tiêu BVMT, PTBV.

Mặt khác, để phát triển KTTH có hiệu quả cần có sự liên kết, hợp tác quốc tế mạnh mẽ. Nhà nước là chủ thể hiệu quả nhất, có thẩm quyền cao nhất đứng ra mở rộng hợp tác quốc tế, quan hệ quốc tế trong lĩnh vực này. Đây vừa là công cụ quản lý vừa là nghĩa vụ của mỗi quốc gia đối với cộng đồng thế giới, làm tốt công tác phối hợp này sẽ đạt được hiệu quả trong quản lý và phát triển quốc gia và toàn cầu, góp phần thực hiện những mục tiêu PTBV toàn cầu.

Từ những lập luận trên cho thấy vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH là chủ đạo và tất yếu khách quan trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam.

2.2. NỘI DUNG VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN

2.2.1. Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn

Vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH được thể hiện tập trung nhất ở việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phát triển KTTH; hoạch định chiến

lược, đề ra kế hoạch và quy hoạch về phát triển KTTH. Bởi, chúng vừa là cơ sở để nghiên cứu và triển khai phát triển KTTH vừa là định hướng, vừa là những công cụ, phương tiện giúp nhà nước quản lý phát triển KTTH có hiệu quả.

Trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN thì vai trò xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách phát triển KTTH càng cần thiết hơn bao giờ hết. Quá trình hoạch định chiến lược, đề ra kế hoạch và quy hoạch về phát triển KTTH, nhà nước điều chỉnh, quản lý và duy trì sự cân bằng các lợi ích, đặc biệt là lợi ích phát triển kinh tế phải gắn liền với mục tiêu KTTH và BVMT trong mỗi giai đoạn lịch sử. Hệ thống pháp luật và các chính sách liên quan tới các nội dung của KTTH bao gồm:

- Hệ thống các luật và chính sách liên quan đến quản lý chất thải, từ phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải. Muốn tái chế, tái sử dụng chất thải, chất thải cần phải được phân loại và thu gom phù hợp. Các quy định, chính sách liên quan đến quản lý chất thải sẽ là cơ sở để quản lý và thúc đẩy, nâng cao chất lượng phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải.

Các chính sách, pháp luật này, ngoài quy định về quy trình, cách thức quản lý chất thải cũng cần quy định các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Các tiêu chuẩn và quy định về xử lý chất thải, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm được tái chế, tái sử dụng nhằm đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, các chất thải được thải ra môi trường (không được tái chế, tái sử dụng hoặc không thể tái chế, tái sử dụng), xử lý các chất thải độc hại, các chất thải khó hay chậm phân hủy, ...

- + Chế tài đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải. Để thúc đẩy việc quản lý chất thải hợp lý theo hướng coi chất thải là tài nguyên, sử dụng hiệu quả chất thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường từ chất thải, cần xây dựng và hoàn thiện các quy định và chế tài đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- + Thu hút đầu tư vào các khâu trong quản lý chất thải. Sự tham gia của các doanh nghiệp vào quá trình thu gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải là rất cần thiết nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư, công nghệ. Tuy nhiên, để các

doanh nghiệp có thể tham gia vào lĩnh vực này, cần có hành lang pháp lý rõ ràng và các chính sách ưu đãi cần thiết để thu hút đầu tư.

+ Quy hoạch các trung tâm thu gom, phân loại và xử lý chất thải phù hợp với khối lượng chất thải, sự phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Hệ thống pháp luật liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, tiết kiệm, giảm lãng phí. Để thúc đẩy KTTH, bên cạnh việc xử lý chất thải thì cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy định, chính sách về khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chống lãng phí tài nguyên, khuyến khích tiết kiệm tài nguyên và đây cũng là trách nhiệm của nhà nước. Cần tăng cường và nâng cao các tiêu chuẩn về môi trường và chất thải nhằm buộc các doanh nghiệp phải áp dụng các biện pháp nhằm sử dụng tối đa tài nguyên, vật liệu, năng lượng. Do mỗi lĩnh vực lại có đặc điểm sử dụng năng lượng, nguyên liệu, vật liệu riêng nên cần có các quy định trong pháp luật về các lĩnh vực liên quan như giao thông vận tải, xây dựng, khoa học công nghệ.

- Hệ thống pháp luật, chính sách về phát triển và sử dụng các loại năng lượng và vật liệu tái tạo. Năng lượng và vật liệu tái tạo là một trong các nội dung của KTTH và để thúc đẩy sự phát triển và ứng dụng của năng lượng tái tạo, vật liệu tái tạo cần có hệ thống pháp luật và chính sách. Đây là lĩnh vực còn khá mới mẻ và đang phát triển nhanh. Do đó, cần phải nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế cho lĩnh vực này, đặc biệt là các chính sách ưu đãi, hỗ trợ việc nghiên cứu, phát triển, sử dụng năng lượng và vật liệu tái tạo. Năng lượng và vật liệu tái tạo, trong nhiều trường hợp, có giá thành sản xuất cao, giá bán cao hơn so với năng lượng hóa thạch, các loại vật liệu không tái tạo nên nên không có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ thì có thể chúng chưa được chấp nhận hoặc kém khả năng cạnh tranh.

- Hệ thống các chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn

Ngoài hệ thống pháp luật phát triển KTTH, để mô hình kinh tế này có thể vận hành ở Việt Nam, cần hệ thống chính sách khác như: Chiến lược, kế hoạch, đề án, dự án, xây dựng mô hình phát triển KTTH.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 được thông qua tại

Đại hội XIII đã khẳng định: “Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc có ảnh hưởng lớn đến phương thức tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới. Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới” [38, Tr.207]. Đây là cơ sở để nhà nước xây dựng hệ thống pháp luật về phát triển kinh tế tuần hoàn.

Ngày 01 tháng 10 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050”. Chiến lược khẳng định rõ ràng, “tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu” [111]. Để thực hiện xanh hóa các ngành kinh tế, Chiến lược hướng đến việc “chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao Chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường” [111]. Thực hiện các mục tiêu của Chiến lược đáp ứng một phần yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án số 687/QĐ-TTg về “Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam” với những nội dung chủ yếu sau: “Chủ động phát triển kinh tế tuần hoàn là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG); góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh” [108]; Mục tiêu tổng quát: “Phát triển kinh tế tuần hoàn nhằm tạo động lực

cho đổi mới sáng tạo và cải thiện năng suất lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường hiệu quả, tính gắn kết tuần hoàn giữa các doanh nghiệp và ngành kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu của doanh nghiệp và chuỗi cung ứng trước các cú sốc từ bên ngoài, nhằm góp phần đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu” [108]. Những kế hoạch phát triển KTTH này của Chính phủ Việt Nam là cơ sở, kế hoạch để phát triển KTTH ở Việt Nam.

2.2.2. Nhà nước tổ chức thực hiện quy định pháp luật, chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn

Con người là một thực thể xã hội và hoạt động là phương thức tồn tại của con người. Sự hoạt động của con người không phải ngẫu nhiên, không phải bất kỳ, mà nó theo một trật tự nhất định để duy trì một trạng thái nhất định, một tổ chức nhất định. Vì vậy, để phát triển KTTH đạt hiệu quả cao, nhà nước cần phải tổ chức thực hiện quy định pháp luật, chính sách phát triển KTTH. Để thực hiện đầy đủ và có hiệu quả những nội dung phát triển KTTH hệ thống cơ quan quản lý nhà nước phải được xây dựng từ Trung ương đến địa phương bao gồm hai nhóm: hệ thống cơ quan nhà nước có thẩm quyền chung và hệ thống cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyên môn. Đồng thời, phải triển khai một số nội dung sau:

Một là, thành lập bộ máy Nhà nước triển khai mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế tuần hoàn.

Để phát triển KTTH đạt hiệu quả cao, nhà nước cần phải tổ chức thành hệ thống các cơ quan có nhiệm vụ tổ chức triển khai, thực hiện mục tiêu phát triển KTTH. Để thực hiện đầy đủ và có hiệu quả những nội dung phát triển KTTH, Nhà nước phải xây dựng hệ thống cơ quan quản lý phát triển KTTH từ Trung ương đến địa phương bao gồm hai nhóm: hệ thống cơ quan nhà nước có thẩm quyền chung và hệ thống cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyên môn.

Cơ quan quản lý có thẩm quyền chung là Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang bộ. Chính phủ có nhiệm vụ và quyền hạn là thống nhất phát triển kinh tế tuần

hoàn trong phạm vi cả nước; Bảo đảm việc thi hành pháp luật, trong đó có hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển kinh tế tuần hoàn; Tuyên truyền giáo dục pháp luật, thi hành những biện pháp phát triển kinh tế tuần hoàn, thi hành chính sách quản lý, bảo vệ, cải tạo, tái sinh và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ở Việt Nam là: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ NN&MT, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Y tế. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện phát triển KTTH theo hai phương thức: trực tiếp thực hiện phát triển KTTH và phối hợp với Bộ NN &MT để tiến hành hoạt động quản lý. Ngoài các cơ quan cấp Bộ và ngang Bộ trên còn có ủy ban nhân dân các cấp cũng tham gia quản lý và phát triển KTTH.

Cơ quan có thẩm quyền chuyên môn là cơ quan quản lý nhà nước về KTTH có nhiệm vụ chủ yếu là thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về phát triển KTTH hoặc giúp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chung thực hiện công tác quản lý nhà nước về phát triển KTTH. Ở Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền chuyên môn gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Công thương; Bộ Xây dựng và Giao thông...

Dựa trên nguyên tắc phân công trách nhiệm nêu trên, cả hai nhóm hệ thống cơ quan nhà nước có thẩm quyền chung và hệ thống cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyên môn phải cộng tác chặt chẽ với nhau để thực hiện việc triển khai nhiệm vụ và phát triển mô hình KTTH có hiệu quả.

Khi bàn về công tác tổ chức, phải khẳng định ngay rằng đội ngũ cán bộ giữ vai trò quyết định. Như các nhà kinh điển Mác - Lênin đã chỉ ra, công cụ lao động, thể chế chính trị dù có tiên tiến đến đâu, tự nó không thay đổi được xã hội. Xã hội muốn phát triển hay không đều do con người quyết định. Năm 1922, V.I Lênin đã viết: “Nghiên cứu con người, tìm những cán bộ có bản lĩnh. Hiện nay đó là then chốt; nếu không thế thì tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định sẽ chỉ là mớ giấy lộn” [87, tr.449]. Ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã khẳng định: “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” [115, tr.269]. Mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ cách mạng cần có một đội ngũ cán bộ thích ứng, có phẩm chất, năng lực đáp ứng được sự đòi hỏi của nhiệm vụ từng

giai đoạn, từng thời kỳ. Để phát triển kinh tế tuần hoàn thành công, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ đi tuyên truyền cho các doanh nghiệp, người dân chuyển đổi kinh tế, phát triển kinh tế tuần hoàn là khâu then chốt, là nguyên nhân của mọi nguyên nhân. Kinh nghiệm thực tế cũng đã chứng minh, độ chính xác của chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, hệ thống pháp luật phát triển KTTH đều tùy thuộc cuối cùng ở chất lượng của công tác cán bộ triển khai, vào hệ thống pháp luật và vào đội ngũ các nhà khoa học đổi mới, sáng tạo mô hình phát triển kinh tế tuần hoàn.

Hai là, Nhà nước định hướng, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tham gia vào mô hình phát triển KTTH. Đây là một nhiệm vụ vừa mang tính giai cấp (bảo vệ lợi ích quốc gia, định hướng phát triển theo đường lối chính trị) vừa mang tính xã hội (bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống nhân dân).

Vai trò định hướng của Nhà nước được thể hiện, định hướng phát triển ngành nghề trên cơ sở khuyến khích các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, sản xuất sạch, nông nghiệp tuần hoàn. Với vai trò khuyến khích, Nhà nước ban hành chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế, hỗ trợ vốn vay cho doanh nghiệp áp dụng mô hình tuần hoàn. Khuyến khích đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện cho nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tái chế, tiết kiệm năng lượng. Với vai trò hỗ trợ, Nhà nước đầu tư hạ tầng, xây dựng hệ thống thu gom, phân loại, xử lý rác thải, cơ sở tái chế. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận vốn, công nghệ, thị trường. Nhà nước thúc đẩy hợp tác quốc tế bằng biện pháp tham gia các hiệp định, chương trình toàn cầu về KTTH, chia sẻ kinh nghiệm và nguồn lực.

Ba là, Nhà nước tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn xã hội về phát triển KTTH và tiêu dùng bền vững. Để triển khai nội dung phát triển KTTH cần có nhận thức đầy đủ và đúng đắn về KTTH. Do KTTH là mô hình kinh tế mới, nên để phát triển KTTH, nhà nước cần có chiến lược tuyên truyền và triển khai chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lợi ích của KTTH tới doanh nghiệp, hộ gia đình, người dân. Từ đó, tạo đồng thuận, ủng hộ chủ trương phát triển KTTH của Đảng, Nhà nước thông qua hành vi, hoạt động của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

Mặt khác Nhà nước tổ chức tuyên truyền để các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam,

thành phần kinh tế hộ gia đình và mọi người dân nắm được pháp luật, chính sách, tầm quan trọng của chuyển đổi mô hình kinh tế tuần hoàn trên cơ sở hệ thống pháp luật và chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn của nhà nước quy định như: luật BVMT; Luật Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Luật Đất đai; quy định về quản lý chất thải, phân loại rác thải tại nhà; Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo... để các thành phần kinh tế, doanh nghiệp, người dân tuân theo. Tuyên truyền để mọi thành phần kinh tế, mọi doanh nghiệp và người dân nắm được các chính sách hỗ trợ, ưu đãi khi chuyển đổi mô hình phát triển KTTH. Tuyên truyền, khuyến khích các nhà khoa học đổi mới sáng tạo, tích cực nghiên cứu mô hình chuyển đổi sang KTTH. Đặc biệt, phát huy vai trò của báo chí trong tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển KTTH tới mọi người dân.

Vai trò của tuyên truyền trong phát triển KTTH góp phần thay đổi hành vi sản xuất - tiêu dùng. Doanh nghiệp được khuyến khích áp dụng công nghệ sạch, thiết kế sản phẩm dễ tái chế. Người dân thay đổi thói quen phân loại rác tại nguồn, hạn chế dùng nhựa dùng một lần. Tuyên truyền tạo sức ép xã hội và động lực để hành vi này trở thành chuẩn mực.

2.2.3. Nhà nước đầu tư tài chính, khoa học - công nghệ và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai phát triển kinh tế tuần hoàn

Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc đầu tư tài chính và khoa học - công nghệ để thúc đẩy phát triển KTTH. Đây là một nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo nền tảng vật chất, pháp lý và tri thức cho quá trình chuyển đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính sang mô hình tuần hoàn, bền vững. Đầu tư tài chính nhằm thay đổi mô hình sản xuất theo hướng tuần hoàn sẽ rất tốn kém. Vì vậy, chỉ có Nhà nước mới đủ nguồn lực để giải quyết vấn đề này. Chẳng hạn, Nhà nước dành nguồn vốn cho các dự án xử lý rác thải, tái chế, năng lượng tái tạo, hạ tầng xanh. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn vay lãi suất thấp để đầu tư công nghệ tuần hoàn. Tạo cơ chế đối tác công - tư (PPP) để huy động nguồn lực xã hội cho các dự án tuần hoàn. Thành lập các quỹ tài chính để tài trợ nghiên cứu, khởi nghiệp trong lĩnh vực tái chế, sản xuất sạch.

Trong phát triển khoa học - công nghệ tuần hoàn, Nhà nước tài trợ cho các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp để phát triển công nghệ tái chế, năng

lượng sạch, vật liệu sinh học. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ tiên tiến từ quốc tế, đồng thời thúc đẩy nội địa hóa công nghệ. Nhà nước xây dựng cơ chế cho phép ứng dụng công nghệ số trong phát triển KTTH. Nhà nước khuyến khích sử dụng trí tuệ nhân tạo, blockchain, IoT để quản lý chuỗi cung ứng tuần hoàn, phân loại rác thải thông minh. Nhà nước đầu tư vào giáo dục, nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động để đáp ứng yêu cầu của phát triển KTTH.

Nhà nước có vai trò trọng yếu trong việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực thi pháp luật, chính sách phát triển KTTH. Đây là khâu đảm bảo cho các chủ trương, chiến lược không chỉ dừng lại trên giấy tờ mà đi vào thực tiễn, tạo hiệu quả thực sự cho xã hội và môi trường. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực thi pháp luật và chính sách phát triển KTTH là phương thức đặc biệt quan trọng giúp phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện và xử lý những hạn chế, yếu kém trong vai trò và hoạt động quản lý nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ công tác kiểm tra, giám sát là nhằm mục đích: "...biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời" [74, tr.636]. Người viết: "Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích" [74, tr.522] và "Có thể nói rằng: chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra" [74, tr.250]; "Có kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực và lực lượng to tát của nhân dân, mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời" [74, tr.520 - 521]. Nhà nước thực hiện vai trò thanh tra, giám sát các chủ thể tham gia trực tiếp phát triển kinh tế tuần hoàn nhằm phát hiện những hạn chế về chủ trương, chính sách pháp luật... để kịp thời điều chỉnh, bổ sung. Nền KTTH gắn chặt với BVMT, do đó cần có cơ chế kiểm soát chặt chẽ từ phía Nhà nước để tránh tình trạng doanh nghiệp lợi dụng "xanh hóa" như một chiêu bài quảng bá nhưng thực chất vẫn gây ô nhiễm. Thông qua hệ thống thanh tra môi trường, cơ quan quản lý cần kiểm soát chặt việc thu gom, tái chế, xử lý chất thải; đồng thời, công khai minh bạch thông tin để người dân tham gia giám sát.

Với vai trò đánh giá, Nhà nước đánh giá hiệu quả chính sách phát triển KTTH, xem xét mức độ đạt được mục tiêu như giảm rác thải nhựa, tiết kiệm năng lượng, tăng tỷ lệ tái chế. Nhà nước tổ chức đánh giá tác động xã hội - môi trường, trên cơ sở đó phân tích lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường từ các mô hình tuần hoàn. Từ đó, Nhà nước có thể điều chỉnh chính sách, dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát của mình. Sau đó Nhà nước sửa đổi, bổ sung quy định về phát triển KTTH để phù hợp với thực tiễn. Vì vậy, Nhà nước không chỉ ban hành chính sách mà còn phải kiểm tra - giám sát - đánh giá việc thực hiện, để bảo đảm KTTH trở thành động lực thực sự cho PTBV.

2.3. MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM

2.3.1. Bối cảnh thời đại và phát triển kinh tế - xã hội trong nước

2.3.1.1. Bối cảnh thời đại và kinh nghiệm quốc tế

** Bối cảnh thời đại*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, BĐKH và khan hiếm tài nguyên, vai trò của Nhà nước trong phát triển KTTH ngày càng quan trọng. Bởi BĐKH và ô nhiễm môi trường đang ảnh hưởng nặng nề tới quá trình phát triển của Việt Nam và thế giới đang đối mặt với khủng hoảng môi trường, tài nguyên suy kiệt, khí hậu biến đổi nhanh chóng. Trong bối cảnh đó, xu hướng toàn cầu và KTTH trở thành mô hình phát triển phổ biến, thay thế dần kinh tế tuyến tính “khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ”. Đồng thời, trước áp lực hội nhập quốc tế như các hiệp định thương mại, tiêu chuẩn quốc tế về môi trường và phát triển bền vững buộc Việt Nam phải thích ứng. Hiện nay, thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ số, AI, IoT, blockchain... mở ra cơ hội quản lý vòng đời sản phẩm, tái chế và tối ưu chuỗi cung ứng. Những yếu tố này tạo điều kiện để phát triển KTTH, đây là cơ hội nhưng đồng thời cũng là thách thức đối với Việt Nam.

Phát triển KTTH giúp giảm áp lực môi trường, với vai trò của mình, Nhà nước định hình chính sách giúp giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên. Nhà nước thúc đẩy đổi mới sáng tạo bởi với vai trò dẫn dắt của Nhà nước sẽ tạo động lực cho doanh nghiệp đầu tư công nghệ xanh. Chính sách tuần hoàn không chỉ vì môi

trường mà còn tạo việc làm mới, nâng cao chất lượng sống. Kinh tế tuần hoàn giúp Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu. Có thể thấy, bối cảnh thời đại (khủng hoảng môi trường, hội nhập quốc tế, công nghệ 4.0) đã làm vai trò của Nhà nước trở nên không thể thiếu trong việc dẫn dắt, điều tiết và hỗ trợ phát triển KTTH.

Những thách thức và cơ hội của thời đại vừa tạo thuận lợi vừa gây nên những khó khăn trong việc thực hiện vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở nước ta. Điều này đòi hỏi Nhà nước cần xây dựng hệ thống chính sách, luật pháp cũng như sử dụng những biện pháp tổ chức, quản lý quá trình này trên cơ sở phát huy được những lợi thế của thời đại mang lại cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh đặc thù của nước ta về trình độ nhân lực, phong tục tập quán, thói quen tư duy... để phát huy tốt ngoại lực, đẩy nhanh phát triển nền kinh tế tuần hoàn.

** Kinh nghiệm quốc tế*

Những năm gần đây, để hạn chế tình trạng lãng phí nguồn nguyên liệu từ mô hình kinh tế tuyến tính, giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường, nhiều nước trên thế giới đã chuyển sang mô hình phát triển KTTH. Những mô hình này thành công đã tác động mạnh mẽ tới phát triển KTTH của Việt Nam.

Hà Lan đặt mục tiêu trở thành nền kinh tế 100% tuần hoàn vào năm 2050 [52]. Điểm nổi bật trong chiến lược phát triển KTTH ở Hà Lan là sự chủ động của nhà nước trong việc *đặt hàng các sản phẩm tái chế*, tạo thị trường đầu ra ổn định và dẫn dắt doanh nghiệp thay đổi. Bộ Kinh tế của Hà Lan từ năm 2008 đã có các chính sách thúc đẩy hình thành các thị trường cho tuần hoàn vật liệu, tiêu biểu như quy định về tiêu dùng công đối với các sản phẩm tái chế và dịch vụ tuần hoàn.

Thụy Điển làm cho KTTH trở nên gần gũi bằng cách *giảm thuế VAT cho các dịch vụ sửa chữa đồ dùng*, khuyến khích người dân sửa thay vì vứt. Kể từ năm 2011, phần lớn rác thải của quốc gia này đã được xử lý, còn lại chưa đến 1% rác thải từ hộ gia đình của Thụy Điển được chuyển đến bãi đổ rác. Thụy Điển phấn đấu đến năm 2040 không sử dụng nguyên liệu hóa thạch, hướng tới một xã hội không rác thải [52]. Nhờ vậy, Thụy Điển đã trở thành một trong số ít các nước duy trì sự cân bằng trong quá trình tiến hành công nghiệp hóa đất nước, với tỷ lệ tăng trưởng

kinh tế đang tiếp tục tăng lên cùng mức phát thải giảm đi. Theo tính toán, mức phát thải khí nhà kính tính theo đầu người của Thụy Điển là ở mức thấp nhất trong Liên minh châu Âu (EU) và các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD).

Trung Quốc đã ban hành Luật Kinh tế tuần hoàn từ năm 2008, do vậy họ đã phát triển hơn 100 *khu công nghiệp sinh thái* - giúp giảm chi phí, giảm ô nhiễm và tăng hiệu quả tái sử dụng [52]. Trong kế hoạch phát triển KTTH, Trung Quốc rất chú trọng đến quy mô áp dụng thông qua hệ thống quản trị đa cấp. Vì vậy, Trung Quốc là quốc gia hiếm hoi thực hiện KTTH dưới 3 cấp độ: vi mô, trung gian và vĩ mô. Ngoài ra, chính sách phát triển KTTH tại Trung Quốc được định hướng riêng cho từng vùng, tức là tích hợp các nguyên tắc KTTH vào quy hoạch sử dụng đất. Việc triển khai KTTH đã mang lại những thay đổi đáng kể cho Trung Quốc. Trong lĩnh vực thương mại điện tử, Trung Quốc trở thành thị trường lớn nhất thế giới.

Pháp là nước đầu tiên *cấm doanh nghiệp tiêu hủy hàng tồn kho chưa bán*, buộc phải hiến tặng hoặc tái sử dụng. Thủ đô Paris đề ra mục tiêu giảm 50% lượng rác thải trước năm 2025, tận dụng tối đa phế phẩm phế liệu để làm ra những sản phẩm mới. Chính phủ nước này dự kiến trong 7 năm tới sẽ có thêm 300 nghìn việc làm được tạo ra nhờ mô hình sản xuất mới này [52].

Nhật Bản ra quy định, người dân phân loại đến 45 loại rác, trong khi doanh nghiệp tái sử dụng linh kiện ô tô, pin, thiết bị điện tử đến mức tối đa. Kể từ năm 1991, Nhật Bản đã bắt đầu xây dựng các quy định pháp lý nhằm đưa nước này trở thành một “xã hội dựa trên việc tái chế”, hiểu rộng là xã hội tuần hoàn với kinh tế tuần hoàn là một bộ phận. Đến năm 2015, năng suất tài nguyên của Nhật Bản đã được cải thiện 58% và lượng thải bỏ cuối cùng giảm 74%. Có thể nói, Nhật Bản đã mở rộng triết lý “tái tạo và khôi phục” rất xa, không những chỉ trong nền kinh tế mà còn mở rộng ra toàn xã hội, với trình độ công nghệ rất cao [118].

Liên minh châu Âu EU ban hành Kế hoạch hành động KTTH (Circular Economy Action Plan) từ năm 2015, cập nhật 2020. Trọng tâm của kế hoạch là thiết kế sản phẩm bền vững, giảm rác thải nhựa, thúc đẩy tái chế và trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR). Kết quả đạt được là tỷ lệ tái chế rác thải đô thị đạt trên

45%, nhiều quốc gia thành viên như Đức, Pháp đi đầu trong công nghệ tái chế [113].

Kinh nghiệm phát triển KTTH của một số quốc gia trên thế giới thành công là bài học kinh nghiệm của Việt Nam nói chung và vai trò của Nhà nước nói riêng trong lựa chọn mô hình và điều tiết nền kinh tế theo hướng ngày càng bền vững.

2.3.1.2. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội trong nước

Một là, điều kiện tự nhiên

Phát triển kinh tế phụ thuộc nhiều vào các điều kiện tự nhiên. Điều kiện tự nhiên của mỗi quốc gia, mỗi địa phương, ảnh hưởng lớn đến yêu cầu và khả năng phát triển của kinh tế tuần hoàn. C.Mác đã từng khẳng định: “Công nhân không thể tạo ra cái gì khác nếu không có *giới tự nhiên*, nếu không có *thế giới hữu hình bên ngoài*. Đó là vật liệu, trong đó lao động của anh ta triển khai, từ đó và nhờ đó, lao động của anh ta sản xuất ra sản phẩm” [69, tr.130]. Đặc biệt ở nước ta hiện nay vẫn còn hơn 70% dân số sống chủ yếu dựa vào khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường (nông, lâm, ngư nghiệp, khai thác mỏ...), cuộc sống của họ gắn bó chặt chẽ với thiên nhiên, việc họ tiếp tục khai thác tài nguyên thiên nhiên để mưu sinh là rất khó ngăn cấm. Trình độ dân trí ở nhiều vùng còn thấp kém, thói quen khai thác trực tiếp tài nguyên môi trường để mưu sinh đã ăn sâu trong tiềm thức của nhiều người dân. Theo đó, tài nguyên thiên nhiên là điều kiện, là cơ sở để phát triển kinh tế nói chung và kinh tế tuần hoàn nói riêng.

Việt Nam là quốc gia có điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng, là một trong những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế. Nhưng bên cạnh đó, khí hậu Việt Nam khắc nghiệt, biến đổi khí hậu đang hiện hữu ngày càng rõ nét, thiên nhiên khắc nghiệt cũng là một đòi hỏi cần chuyển đổi mô hình kinh tế tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững trong tương lai.

Hai là, điều kiện kinh tế - xã hội

Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn công nghiệp hóa, nhu cầu nguyên liệu và năng lượng tăng cao. Điều này dẫn đến lượng chất thải lớn từ sản xuất và tiêu dùng, tạo áp lực buộc phải chuyển sang mô hình tuần hoàn để giảm thiểu ô nhiễm. Tốc độ tăng trưởng GDP khá ổn định, nhưng chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên và lao

động giá rẻ. Trong khi Việt Nam đã tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA, CPTPP, EVFTA) yêu cầu sản phẩm phải đáp ứng tiêu chuẩn môi trường, thúc đẩy Việt Nam áp dụng kinh tế tuần hoàn để giữ lợi thế cạnh tranh. Doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu nhỏ và vừa chiếm hơn 90% nhưng năng lực tài chính, công nghệ còn hạn chế. Doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò trong các ngành trọng yếu (năng lượng, hạ tầng) nhưng hiệu quả chưa cao. Điều này khiến Nhà nước phải đóng vai trò hỗ trợ vốn, công nghệ, và khuyến khích hợp tác công - tư để triển khai mô hình tuần hoàn.

Việt Nam là quốc gia chịu tác động mạnh của BĐKH, đồng bằng sông Cửu Long và ven biển đối mặt nguy cơ ngập mặn, nước biển dâng. Tài nguyên thiên nhiên (than, dầu, khoáng sản) đang suy giảm, buộc nền kinh tế phải tìm giải pháp tiết kiệm và tái sử dụng. Đầu tư cho công nghệ xanh, tái chế còn hạn chế. Việt Nam phụ thuộc nhiều vào vốn vay và hỗ trợ quốc tế, nên việc phát triển kinh tế tuần hoàn cần chính sách ưu đãi tín dụng xanh, thu hút FDI vào lĩnh vực tái chế và năng lượng tái tạo. Điều này chỉ có Nhà nước mới giải pháp được vấn đề này. Có thể thấy, điều kiện kinh tế hiện nay vừa tạo áp lực vừa mở ra cơ hội để Việt Nam phát triển KTTH. Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc định hướng, hỗ trợ và điều tiết để biến thách thức thành động lực.

Nhận thức cộng đồng về môi trường và ý thức BVMT đang tăng nhờ truyền thông, giáo dục và các chiến dịch xanh. Đây là điểm thuận lợi để phát triển KTTH. Tuy nhiên, thói quen tiêu dùng tuyến tính (mua - dùng - bỏ) vẫn phổ biến, gây khó khăn cho việc áp dụng mô hình tuần hoàn. Giáo dục về PTBV mới được đưa vào chương trình học, mức độ lan tỏa chưa đồng đều nên vừa thuận lợi, vừa khó khăn trong phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay.

Người dân ở đô thị có xu hướng tiếp cận nhanh hơn với khái niệm tái chế, phân loại rác, trong khi ở nông thôn còn hạn chế. Bên cạnh đó, Việt Nam có lực lượng lao động trẻ, dồi dào, dễ thích ứng với công nghệ mới. Song, phần lớn lao động tập trung ở khu vực sản xuất truyền thống, chưa quen với mô hình tuần hoàn, do vậy cần đào tạo lại. Ngoài ra, quá trình đô thị hóa nhanh tạo ra lượng rác thải khổng lồ, đặc biệt là nhựa và rác thải điện tử. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội

để triển khai các mô hình tái chế, phân loại rác tại nguồn. Người dân có xu hướng chuộng hàng giá rẻ, dùng một lần, ít quan tâm đến vòng đời sản phẩm. Xu hướng tiêu dùng xanh, sử dụng sản phẩm tái chế, năng lượng sạch mới chỉ xuất hiện ở một bộ phận nhỏ. Đây cũng là những thuận lợi và khó khăn trong phát triển KTTH.

Áp lực xã hội về môi trường ở Việt Nam hiện nay buộc Nhà nước và doanh nghiệp phải chuyển đổi mô hình kinh tế. Trong đó, nâng cao nhận thức cộng đồng là điều kiện tiên quyết để KTTH thành công. Khi xã hội chấp nhận mô hình tuần hoàn, sẽ hình thành ngành nghề mới như tái chế, thiết kế xanh, logistics tuần hoàn. Nếu không thay đổi hành vi xã hội, kinh tế tuần hoàn khó đạt hiệu quả thực chất, vì vậy cần hình thành thói quen tiêu dùng xanh. Như vậy, điều kiện xã hội vừa là động lực vừa là rào cản cho phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Để thành công, cần kết hợp giáo dục - truyền thông - chính sách khuyến khích tiêu dùng xanh nhằm thay đổi hành vi xã hội theo hướng bền vững.

2.3.2. Hệ thống pháp luật, chính sách và thể chế quản lý kinh tế tuần hoàn

Hệ thống pháp luật, chính sách và thể chế quản lý giữ vai trò *xương sống* trong phát triển KTTH, vì chúng tạo hành lang pháp lý, định hướng chiến lược, và cơ chế thực thi để doanh nghiệp, cộng đồng cùng tham gia vào mô hình tăng trưởng xanh và bền vững. Do đó, hệ thống pháp luật cần tạo khung pháp lý rõ ràng. Luật Bảo vệ môi trường 2020 lần đầu tiên đưa khái niệm kinh tế tuần hoàn vào quy định, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR). Các quy định pháp luật buộc doanh nghiệp phải phân loại rác, tái chế, giảm phát thải, thay vì chỉ khuyến khích tự nguyện. Pháp luật giúp cân bằng giữa lợi ích kinh tế và BVMT, tránh tình trạng doanh nghiệp chạy theo lợi nhuận mà bỏ qua trách nhiệm xã hội.

Vai trò của hệ thống chính sách phải đầy đủ, rõ ràng, bám sát thực trạng phát triển đất nước. Chính sách thuế, tín dụng xanh, hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư công nghệ tái chế và năng lượng sạch. Chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực tái chế, thiết kế sản phẩm bền vững. Chính sách mở cửa, hội nhập giúp Việt Nam tiếp cận công nghệ tuần hoàn từ EU, Nhật Bản, Hà Lan.

Thể chế quản lý từ trung ương đến địa phương đảm bảo luật và chính sách được triển khai đồng bộ. Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm giám sát việc phân loại rác, tái chế, xử lý chất thải, tránh tình trạng “luật trên giấy”. Kinh tế tuần hoàn liên quan đến nhiều lĩnh vực (năng lượng, công nghiệp, nông nghiệp, đô thị), nên thể chế quản lý phải phối hợp liên ngành để đạt hiệu quả. Thể chế quản lý còn có vai trò truyền thông, giáo dục cộng đồng về tiêu dùng xanh và phân loại rác tại nguồn.

Không có hệ thống pháp luật, chính sách và thể chế quản lý, kinh tế tuần hoàn chỉ dừng ở mức khẩu hiệu. Khi có hành lang pháp lý và chính sách hỗ trợ, doanh nghiệp mới mạnh dạn đầu tư vào công nghệ tuần hoàn. Thúc đẩy phát triển bền vững là công cụ để Việt Nam vừa tăng trưởng kinh tế, vừa bảo vệ môi trường, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Khung pháp lý còn thiếu đồng bộ, chưa có cơ chế cụ thể để khuyến khích tái chế, tái sử dụng và sản xuất sạch hơn làm hạn chế hiệu lực của Nhà nước trong điều tiết và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

2.3.3. Trình độ phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phát triển KTTH đòi hỏi các giải pháp về hạn chế khai thác tài nguyên, tiết kiệm nguyên liệu, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, năng lượng, thu gom và tái chế rác thải, chất thải của quá trình sản xuất trước là nguồn nguyên liệu cho quá trình sản xuất sau... Theo đó, nó đòi hỏi phát triển công cụ sản xuất hiện đại, các giải pháp kỹ thuật khoa học mới và dùng chung tư liệu sản xuất được thuận lợi. Tất cả những điều này đòi hỏi phải có sự phát triển của khoa học, đổi mới sáng tạo, sử dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Những yêu cầu này đòi hỏi phải phát triển khoa học - công nghệ là phát triển lực lượng sản xuất.

Thành tựu của cuộc CMCN 4.0 và cuộc cách mạng về chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay đang tạo ra những điều kiện thuận lợi cho chuyển đổi mô hình kinh tế sang phát triển KTTH. Thành tựu của CMCN 4.0 cho phép các nhà khoa học nghiên cứu ra các công nghệ sản xuất mới thân thiện môi trường, tiêu thụ ít năng lượng ra đời như điện gió, điện mặt trời, thủy điện. Vì vậy, việc phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình phát triển KTTH là cần thiết.

Đồng thời, trình độ cơ sở hạ tầng kinh tế sẽ tác động đến sức mạnh vật chất, sức mạnh về tài chính giúp Nhà nước có thể giải quyết tốt hay không các vấn đề văn hóa, chính trị, an ninh, quốc phòng, môi trường... trong phát triển kinh tế tuần hoàn. Hơn nữa, trình độ phát triển kinh tế cũng tác động đến việc xây dựng và hoàn thiện chính phủ điện tử; nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức; đầu tư công; cải cách hành chính; năng lực xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, quy hoạch, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và giám sát quá trình thực hiện, xử lý những tiêu cực nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế tuần hoàn của Nhà nước ta.

Bên cạnh đó, tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cùng với thực hiện mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế và cuộc CMCN 4.0 cũng là nhân tố kinh tế trực tiếp ảnh hưởng mạnh mẽ đến vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay.

2.3.4. Nhận thức và năng lực thực thi của các chủ thể

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn diện tất cả lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó lãnh đạo phát triển kinh tế đóng vai trò trung tâm, mang ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển đất nước. Sự lãnh đạo về kinh tế còn bảo đảm sự lãnh đạo về chính trị của Đảng. Nói cách khác, với tư cách là tổ chức có quyền lực chính trị tối cao trong hệ thống chính trị, Đảng cộng sản Việt Nam đóng vai trò quyết định trong việc lựa chọn thể chế chính trị và mô hình phát triển kinh tế ở Việt Nam. Trong gần 40 năm đổi mới, Đảng luôn xác định phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm, bên cạnh nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng.

Đại hội Đảng lần thứ XIII coi nhiệm vụ xây dựng và phát triển KTTH là một trong những giải pháp quan trọng để hướng đến mục tiêu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn tới. Khung pháp luật về KTTH đã và đang được xây dựng và hoàn thiện (Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn, các quy định pháp luật khác có liên quan), từ đó ngày càng tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện mô hình KTTH. Các cơ chế ưu đãi từ chính sách của

Nhà nước liên quan đến thực hiện mô hình KTTH nhằm khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã chuyên đổi đang dần được hình thành.

Nhà nước Việt Nam có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển KTTH. Nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành hiến pháp, pháp luật và chính sách làm công cụ quản lý mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có kinh tế. Để phát triển KTTH, Nhà nước cần có nguồn lực tài chính và các nguồn lực khác như nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ, CMCN 4.0 để hỗ trợ, giúp đỡ phát triển KTTH như: đổi mới dây chuyền sản xuất; xây dựng chiến lược tuyên truyền; đào tạo nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học, công nghệ thích ứng với BDKH; thí điểm mô hình KTTH; xây dựng quy trình tái chế rác thải; đầu tư phát triển năng lượng sạch xanh, năng lượng tái tạo,... Nếu nhà nước có các nguồn lực dồi dào thì việc thúc đẩy phát triển KTTH sẽ có nhiều thuận lợi. Nhưng trong trường hợp Nhà nước thiếu nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính, con người, khoa học, công nghệ và sự đồng thuận của người dân thì sẽ gặp nhiều khó khăn trong thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn.

Bộ máy quản lý nhà nước trực tiếp tổ chức triển khai, phát triển kinh tế tuần hoàn là cơ sở quyết định sự thành công hay thất bại trong quá trình triển khai phát triển kinh tế tuần hoàn. Do vậy, việc xây dựng bộ máy tổ chức, triển khai phát triển KTTH có vai trò vô cùng quan trọng.

Bộ máy nhà nước chuyên trách về phát triển KTTH giữ vai trò định hướng, điều phối và tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp và người dân tham gia vào quá trình chuyển đổi. Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm xây dựng khung pháp lý, chiến lược và chính sách nhằm thúc đẩy sản xuất - tiêu dùng bền vững, đồng thời ban hành các cơ chế ưu đãi về tài chính, thuế và tín dụng xanh cho doanh nghiệp. Ngoài ra, bộ máy chuyên trách còn đảm nhận vai trò giám sát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thực thi, bảo đảm các hoạt động tuần hoàn được triển khai đúng định hướng. Quan trọng hơn, nhà nước là cầu nối trong việc huy động nguồn lực quốc tế, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và nâng cao nhận thức cộng đồng, từ đó hình thành hệ sinh thái KTTH đồng bộ, góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững quốc gia.

Trong bộ máy nhà nước, phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý có ý nghĩa quyết định. Chính họ là người tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật, các kế hoạch, đề án về phát triển KTTH và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật đó. Nếu đội ngũ cán bộ có năng lực, tâm huyết, quyết tâm cao trong xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện thì phát triển kinh tế tuần hoàn chắc chắn sẽ đạt kết quả tích cực và ngược lại.

Các tổ chức chính trị - xã hội đồng thuận và phối kết hợp với Đảng, Chính quyền để thực hiện phát triển KTTH. Theo đó, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức (Đoàn thanh niên vận động giới trẻ phân loại rác, Hội Phụ nữ tuyên truyền không dùng túi ni-lông...); Phản biện, tham gia xây dựng chính sách (Mặt trận Tổ quốc phản biện dự thảo luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên...); Tổ chức thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn tại cộng đồng (Hội Nông dân xây dựng mô hình nông nghiệp tuần hoàn: "vườn - ao - chuồng", ủ phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt); Giám sát thực thi chính sách (Công đoàn giám sát doanh nghiệp trong quản lý chất thải, sử dụng năng lượng tái tạo...).

Doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt trong việc thiết kế, sản xuất và quản lý chuỗi cung ứng theo hướng tuần hoàn, trong khi người tiêu dùng là lực lượng thúc đẩy bằng hành vi tiêu dùng bền vững, lựa chọn sản phẩm xanh và tham gia tái chế. Vì vậy, doanh nghiệp cần thay đổi tư duy từ “sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ” sang “thiết kế - sử dụng - tái chế”, đầu tư vào công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và tận dụng nguyên liệu tái chế. Ví dụ, thiết kế sản phẩm dễ tháo rời, dễ sửa chữa và tái chế. Theo đó các doanh nghiệp KTTH đòi hỏi phải có nguồn lực tài chính và nguồn lực con người - nhà khoa học có trình độ, có tư duy đổi mới, sáng tạo. Tuy nhiên, doanh nghiệp ở Việt Nam chủ yếu là nhỏ và vừa. Đây là những khó khăn trong triển khai phát triển KTTH nếu không có sự hỗ trợ của nhà nước từ tài chính đến khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

Việc phát triển KTTH còn phụ thuộc vào yếu tố người tiêu dùng. Hành vi tiêu dùng được xác định là một trong những động lực mạnh mẽ thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang sản xuất bền vững, từ đó kiến tạo nên một “kỷ nguyên xanh”, động lực để phát triển KTTH. Người dân có thể ưu tiên mua hàng có chứng nhận sinh

thải, sản phẩm tái chế hoặc có bao bì thân thiện môi trường. Người tiêu dùng đóng vai trò quan trọng trong việc phân loại rác tại nguồn, giúp doanh nghiệp và nhà nước dễ dàng tái chế. Hành vi tiêu dùng bền vững tạo áp lực buộc doanh nghiệp phải chuyển đổi sang mô hình tuần hoàn để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Tóm lại, doanh nghiệp là “người kiến tạo” còn người tiêu dùng là “người thúc đẩy” phát triển KTTH. Nếu doanh nghiệp không thay đổi mô hình kinh tế, thay đổi công nghệ và tư duy quản lý... thì KTTH khó hình thành; nếu người tiêu dùng không ủng hộ, doanh nghiệp sẽ thiếu động lực để chuyển đổi. Do vậy, để phát triển thành công KTTH, cần rất nhiều chủ thể tham gia, trong đó có Nhà nước, doanh nghiệp, người dân giữ vai trò chủ đạo.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

KTTH là mô hình kinh tế trong đó tài nguyên được sử dụng hiệu quả, sản phẩm và vật liệu được tái chế, tái sử dụng nhiều lần nhằm giảm chất thải và tác động tiêu cực đến môi trường. Trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam, việc phát triển KTTH là tất yếu khách quan. Để phát triển KTTH có rất nhiều yếu tố tham gia, thúc đẩy, nhưng trong đó, Nhà nước có vai trò quan trọng nhất. Bởi, Nhà nước đóng vai trò “người dẫn đường” trong phát triển KTTH, vừa tạo khung pháp lý, chính sách và định hướng, vừa hỗ trợ doanh nghiệp và người dân thực hiện, qua đó hình thành hệ sinh thái tuần hoàn bền vững.

Vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH là: Nhà nước xây dựng chiến lược, luật pháp và quy định để thúc đẩy mô hình KTTH, đảm bảo phù hợp với mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; Thông qua thuế, chi tiêu công, và các quy định về môi trường, Nhà nước có thể điều chỉnh hành vi sản xuất của doanh nghiệp và tiêu dùng của người dân theo hướng tuần hoàn; Nhà nước cung cấp nguồn lực tài chính, công nghệ, cũng như các chương trình truyền thông - giáo dục để nâng cao nhận thức cộng đồng về lợi ích của kinh tế tuần hoàn; Nhà nước giữ vai trò kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, đảm bảo doanh nghiệp và người dân thực hiện đúng cam kết về tái chế, tái sử dụng và giảm phát thải; Nhà nước là cầu nối giữa doanh nghiệp, người dân và các tổ chức xã hội, tạo môi trường hợp tác

để cùng nhau xây dựng hệ sinh thái tuần hoàn.

Một số yếu tố tác động tới phát triển KTTH ở Việt Nam là: bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội trong nước và kinh nghiệm quốc tế; hệ thống pháp luật, chính sách và thể chế quản lý kinh tế; trình độ phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; trình độ nhận thức và năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ, doanh nghiệp và người dân; nguồn lực tài chính và các chủ thể liên quan. Các yếu tố này có mối quan hệ biện chứng với nhau và ảnh hưởng nhất định tới phát triển KTTH.

Chương 3

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1.1. Một số thành tựu đạt được

3.1.1.1. Thành tựu về vai trò của Nhà nước trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn

(1) Nhóm pháp luật và chính sách liên quan đến quản lý chất thải (phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải)

- Nhóm pháp luật

Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam về quản lý chất thải được xây dựng khá đầy đủ, bao gồm Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn. Trọng tâm là Luật Bảo vệ môi trường 2020 cùng các văn bản dưới luật quy định chi tiết về chất thải rắn, chất thải nguy hại và xử phạt vi phạm.

Văn bản cao nhất của Nhà nước về quản lý chất thải đó là Luật Bảo vệ môi trường 2020. Đây là văn bản nền tảng, quy định toàn diện về quản lý chất thải, từ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý đến trách nhiệm của tổ chức, cá nhân. Theo Khoản 17, Điều 3 Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Chất thải nguy hại là “chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác” [88]. Luật này thay thế Luật BVMT 2014, bổ sung nhiều điểm mới như trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), quy định về chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp.

Cụ thể hóa Luật, Chính phủ Việt Nam đã ban hành các nghị định: Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT 2020, trong đó có quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại. Nghị định gồm 13 chương, 169 điều và 34 phụ lục. Nội dung chủ yếu tập trung vào quản lý môi trường, quản lý chất thải và trách nhiệm của các bên liên quan [19]. Điểm

nhân của Nghị định này là, phân loại rác tại nguồn trở thành bắt buộc bắt đầu từ năm 2025; Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) là cơ chế mới, gắn trách nhiệm của doanh nghiệp với vòng đời sản phẩm (tức là doanh nghiệp phải tái chế hoặc đóng góp tài chính cho việc xử lý sản phẩm, bao bì sau tiêu dùng); Giấy phép môi trường hợp nhất nhiều thủ tục, giảm chồng chéo; Quản lý chất thải nguy hại chặt chẽ hơn, yêu cầu đăng ký và báo cáo định kỳ.

Nghị định 45/2022/NĐ-CP (ban hành ngày 07/7/2022, có hiệu lực từ 25/8/2022) là văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, thay thế Nghị định 155/2016/NĐ-CP và Nghị định 55/2021/NĐ-CP [20]. Điểm mới của Nghị định 45/2022/NĐ-CP so với Nghị định 155/2016/NĐ-CP là: bổ sung chế tài đối với hộ gia đình, cá nhân không phân loại rác thải sinh hoạt; tăng mức phạt đối với nhiều hành vi vi phạm để đảm bảo tính răn đe; quy định chi tiết hơn về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quản lý chất thải nguy hại.

Ngày 7/1/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2022/NĐ-CP *quy định giảm nhẹ phát thải nhà kính và bảo vệ tầng ô zôn* [18]. Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định chi tiết về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, áp dụng cho tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải, phát triển thị trường các-bon, và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn. Nghị định không trực tiếp nói về KTTH, nhưng các nội dung của Nghị định hướng tới mục tiêu của phát triển KTTH.

Cụ thể hóa Nghị định, các bộ đã ban hành các thông tư gồm: Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Quy định chi tiết về quản lý chất thải nguy hại, đăng ký chủ nguồn thải, cấp phép xử lý chất thải nguy hại; Thông tư 01/2021/TT-BXD: Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng; Thông tư 10/2021/TT-BTNMT: Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Nhóm chính sách liên quan đến quản lý chất thải

Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, chiến lược, kế hoạch, dự án và đề án liên quan đến quản lý chất thải, nhằm giảm thiểu ô nhiễm, thúc đẩy tái chế và hướng tới phát triển KTTH.

Ngày 20-8-2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 33/CT-TTg về *tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa*. Mục tiêu chính của Chỉ thị là: “Giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa, đặc biệt là nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy; Tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa nhằm bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội trong việc quản lý chất thải nhựa” [106].

Kế hoạch hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030 (Quyết định 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020) [106]. Kế hoạch đặt mục tiêu thúc đẩy mô hình sản xuất sạch hơn, tiêu dùng bền vững, giảm thiểu chất thải, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và hướng tới KTTH. Đây là kế hoạch khung để triển khai các chính sách quản lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm và thúc đẩy KTTH; gắn kết mục tiêu môi trường với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Kế hoạch này là định hướng quan trọng để Việt Nam giảm phát sinh chất thải, tăng tái chế, khuyến khích sản xuất sạch hơn và tiêu dùng xanh, tiến tới PTBV.

Đề án tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị đã được triển khai tại nhiều địa phương với sự hỗ trợ quốc tế (ví dụ dự án JICA về tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn đô thị tại Việt Nam (2018)). Các đề án này nhằm nâng cao hiệu quả thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị Việt Nam, đồng bộ với Chiến lược quốc gia về quản lý chất thải rắn. Ý nghĩa chính của đề án là tạo nền tảng cho quản lý hiện đại, giảm ô nhiễm môi trường đô thị và thúc đẩy KTTH. Đề án này không chỉ là giải pháp kỹ thuật mà còn là công cụ chính sách quan trọng để Việt Nam chuyển từ quản lý chất thải theo kiểu “thu gom - chôn lấp” sang quản lý tổng hợp, hiện đại, bền vững, phù hợp với mục tiêu phát triển xanh.

(2) Nhóm pháp luật, chính sách liên quan đến khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên

- Nhóm pháp luật

Để quản lý việc khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, Việt Nam đã xây dựng một hệ thống pháp luật khá toàn diện, gồm Luật, Nghị

định, Thông tư và Quy chuẩn kỹ thuật. Có thể phân thành các nhóm chính như sau:

Luật Bảo vệ môi trường 2020 [88] đã có nhiều quy định nguyên tắc khai thác, sử dụng tài nguyên gắn với BVMT, PTBV. Chẳng hạn, Điều 4 Luật BVMT 2020 quy định: BVMT là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân. Vì vậy, mọi hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên phải gắn với trách nhiệm BVMT; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Do đó, không khai thác tràn lan, phải tính toán hiệu quả, tránh lãng phí và suy thoái tài nguyên; bảo tồn đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, vì vậy khai thác tài nguyên phải đi đôi với bảo vệ hệ sinh thái, loài nguy cấp, quý hiếm. Khai thác tài nguyên phải đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế, an sinh xã hội và BVMT. Các nguyên tắc này là nền tảng để xây dựng chính sách cụ thể về đất đai, nước, khoáng sản, rừng, năng lượng. Đồng thời, khuyến khích tái chế, tái sử dụng, giảm phát sinh chất thải, gắn khai thác tài nguyên với vòng đời sản phẩm, thúc đẩy KTTH.

Luật Khoáng sản 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) [88] quy định toàn diện về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản; đồng thời yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác phải ký nộp quỹ cải tạo, phục hồi môi trường để bảo đảm PTBV. Nguyên tắc quản lý khoáng sản là: khoáng sản thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Khai thác phải hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, gắn với BVMT và PTBV. Ưu tiên sử dụng khoáng sản trong nước cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hạn chế xuất khẩu thô. Ý nghĩa của Luật là, ngăn ngừa khai thác tràn lan, lãng phí tài nguyên. Đảm bảo phục hồi môi trường sau khai thác, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và cộng đồng. Tăng tính minh bạch trong cấp phép và quản lý khai thác thông qua cơ chế đấu giá. Thúc đẩy chế biến sâu và KTTH, nâng cao giá trị tài nguyên khoáng sản.

Luật Tài nguyên nước 2012 đã được sửa đổi, bổ sung toàn diện bằng Luật số 28/2023/QH15 (Luật Tài nguyên nước 2023), có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 [90]. Luật mới gồm 10 chương, 86 điều, tập trung vào quản lý tổng hợp, bảo vệ, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên nước. Những điểm mới quan trọng của Luật này là quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông; quy định rõ trách nhiệm bảo vệ nước mặt, nước dưới đất, nước ven biển; kiểm soát ô nhiễm và suy thoái nguồn

nước; khai thác và sử dụng nước phải được cấp phép, minh bạch, ưu tiên cho nhu cầu thiết yếu (sinh hoạt, phòng chống thiên tai), khuyến khích tiết kiệm và tái sử dụng nước. Luật đã bổ sung quy định về ứng phó BĐKH, hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn. Luật quy định thu tiền cấp quyền khai thác, phí dịch vụ, và cơ chế tái đầu tư cho bảo vệ nguồn nước. Đặc biệt, Việt Nam là quốc gia có nguồn nước chủ yếu từ người ngoài, nên Luật này đã tăng cường phối hợp quản lý nguồn nước xuyên biên giới và các lưu vực sông quốc tế.

Ngoài ra còn một số luật liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, tiết kiệm là: Luật Lâm nghiệp 2017, quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, khai thác gỗ và lâm sản bền vững; Luật Đất đai 2013 (sửa đổi 2024) quy định sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí; Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 2010, quy định khuyến khích áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và tiêu dùng...

- Nhóm chiến lược, chương trình, kế hoạch

Chiến lược bảo vệ môi trường đến 2020, tầm nhìn 2030 [122]. Quan điểm chỉ đạo của Chiến lược là “Bảo vệ môi trường là yêu cầu sống còn của nhân loại, là một phần không thể tách rời của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; Phát triển hài hòa với thiên nhiên, thân thiện với môi trường, hướng tới nền kinh tế xanh, ít chất thải và các-bon thấp; Ưu tiên phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, khai thác tài nguyên hiệu quả, bảo tồn đa dạng sinh học; Trách nhiệm toàn xã hội, từ Nhà nước, doanh nghiệp đến người dân; kết hợp với hợp tác quốc tế; Áp dụng cơ chế thị trường và chế tài pháp lý để nâng cao hiệu quả quản lý môi trường” [122].

Chiến lược tài nguyên biển đến 2030, tầm nhìn 2050 (Nghị quyết số 48/NQ-CP của Chính phủ, ngày 3/4/2023) [21]. Chiến lược nhấn mạnh khai thác hiệu quả, sử dụng bền vững, công bằng tài nguyên biển gắn lợi ích kinh tế-xã hội và BVMT, quốc phòng - an ninh dựa trên giá trị của hơn 3.260 km bờ biển Việt Nam. Đồng thời Luật tích hợp quản lý tài nguyên biển theo vùng bờ, đảo, quần đảo và vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam.

Chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Quan điểm của Chiến lược là: “Phát triển vận tải theo hướng hiện đại, chất

lượng ngày càng được nâng cao với chi phí hợp lý, an toàn, hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng; ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, đặc biệt là vận tải đa phương thức và logistics” [123]. Nội dung của Chiến lược là hạn chế ô nhiễm môi trường, tiết kiệm năng lượng. Đây là những nội dung của phát triển KTTH.

Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn năm 2050. Quan điểm của Chiến lược là: “Quản lý tổng hợp chất thải rắn là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó Nhà nước có vai trò chủ đạo, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa mọi nguồn lực, tăng cường đầu tư cho công tác quản lý tổng hợp chất thải rắn” [111]. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của Nhà nước trong quản lý chất thải rắn. “Quản lý tổng hợp chất thải rắn là một trong những ưu tiên của công tác bảo vệ môi trường, góp phần kiểm soát ô nhiễm, hướng tới phát triển bền vững đất nước; ... Quản lý chất thải rắn phải được thực hiện theo phương thức tổng hợp, nhằm phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải tại nguồn là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm khối lượng chất thải phải chôn lấp” [111]. Quản lý chất thải rắn là nền tảng để thực hiện KTTH bởi quá trình phân loại rác tại nguồn sẽ tạo điều kiện cho tái chế, tái sử dụng và hệ thống thu gom chất thải rắn, xử lý hiện đại sẽ biến rác thành nguyên liệu, năng lượng. Đồng thời, phát triển KTTH định hướng cho quản lý chất thải rắn. Bởi, KTTH thay vì coi rác là gánh nặng, thành “tài nguyên thứ cấp. Do vậy, KTTH sẽ khuyến khích doanh nghiệp thiết kế sản phẩm dễ tái chế, giảm chất thải ngay từ đầu. Quản lý chất thải rắn hiệu quả sẽ giảm chi phí xử lý, tăng nguồn nguyên liệu tái chế. Phát triển KTTH sẽ giảm lượng chất thải phát sinh, giảm áp lực cho hệ thống quản lý rác.

Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 11/01/2016) đặt mục tiêu thay đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng theo hướng tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và nâng cao chất lượng cuộc sống. Chương trình được ban hành với mục tiêu “thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững trên nền tảng đổi mới, sáng tạo, thực hành và phát triển các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, đẩy mạnh sản xuất và tiêu dùng nội địa bền vững, tạo việc làm ổn định và

việc làm xanh, thúc đẩy lối sống bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, hướng đến phát triển nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam” [105].

Ngày 01-10-2021, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt *Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050* [103]. Mục tiêu của Chiến lược là “góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội, hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa carbon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu” [103]. Mục tiêu cụ thể của Chiến lược là xanh hóa các ngành kinh tế: “Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình KTTH thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững” [103]. Giữa tăng trưởng xanh và phát triển KTTH có điểm khác nhau. Nhưng nhiều nội hàm của tăng trưởng xanh có sự đan xen, chồng lấn với nội hàm của phát triển kt tuần hoàn. Chẳng hạn như nội dung sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải hạn chế ô nhiễm trên nền tảng đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ. Theo đó, chiến lược xanh hóa các ngành kinh tế và xanh hóa lối sống của Nhà nước Việt Nam thực chất đã thực hiện một phần nội dung quan trọng của KTTH.

(3) Nhóm hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến phát triển năng lượng, vật liệu tái tạo

An ninh năng lượng đóng vai trò nền tảng trong kinh tế tuần hoàn vì nó bảo đảm nguồn năng lượng ổn định, sạch và bền vững để duy trì chu trình sản xuất - tiêu dùng - tái chế, đồng thời giảm phụ thuộc vào tài nguyên hóa thạch và nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế. Vì vậy, ngày 20/8/ 2025, Tổng Bí thư Tô Lâm đã thay mặt Bộ Chính trị ký ban hành Nghị quyết số 70-NQ/TW (Nghị quyết 70) về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045 [10]. Trong đó, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và giảm phát thải khí nhà kính là một trong những nội dung trọng tâm của Nghị quyết và là trụ cột quan trọng trong đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, xây dựng ngành năng lượng Việt Nam phát triển bền vững.

Mục I Nghị quyết 70-NQ/TW năm 2025 nêu các quan điểm chỉ đạo: “Nhà nước kiến tạo thể chế, chính sách đột phá và kiểm soát hạ tầng năng lượng chiến lược; người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể phát triển năng lượng quốc gia, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, khu vực tư nhân là một trong những động lực quan trọng nhất” [10]. Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia là nền tảng, là tiền đề quan trọng để phát triển đất nước, là bộ phận quan trọng của an ninh quốc gia. “Phát triển năng lượng được ưu tiên cao nhất để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng liên tục trên 10% trong giai đoạn tới, thực hiện hai mục tiêu 100 năm của đất nước. Quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia phải được lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tập trung, thống nhất, đồng bộ, nghiêm túc, hiệu quả” [10]. Đây là một trong những nội dung phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay. An ninh năng lượng là điều kiện tiên quyết để KTTH vận hành hiệu quả. Nó vừa là động lực chuyển đổi sang năng lượng sạch, vừa là lá chắn bảo vệ nền kinh tế trước biến động toàn cầu.

Luật Điện lực 2004 (sửa đổi 2018, 2024) là khung pháp lý quan trọng điều chỉnh hoạt động điện lực ở Việt Nam, với mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng, phát triển thị trường điện cạnh tranh và thúc đẩy năng lượng tái tạo. Luật mới nhất năm 2024 gồm 9 chương, 81 điều, có hiệu lực từ 01/02/2025 [91]. Luật gắn với Quy hoạch điện VIII, ưu tiên năng lượng tái tạo và năng lượng mới (hydrogen, lưu trữ điện). Đây là nền tảng để giảm phát thải, phù hợp với nguyên tắc tuần hoàn. Luật cũng quy định rõ thủ tục, trách nhiệm, ưu tiên dự án sạch, hiệu quả là những nội dung ưu tiên để phát triển KTTH. Luật cũng khuyến khích đầu tư, hỗ trợ chính sách tín dụng, thuế để phát triển năng lượng tái tạo và năng lượng mới. Luật thúc đẩy chuyển dịch năng lượng sạch, phù hợp với cam kết giảm phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Có thể nói, điện lực là động lực chính để KTTH vận hành hiệu quả.

Ngày 03/3/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Điện Lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới. Chính sách ưu đãi phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới. Theo Điều 5 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP, “chính sách ưu đãi hỗ trợ đối với việc nghiên cứu, phát triển phù hợp về công nghệ trong lĩnh vực điện

gió, điện mặt trời. Nhà nước ưu tiên thực hiện các chương trình nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất tấm quang năng, tua bin điện gió, thiết bị chuyển đổi nguồn điện” [104]. Những điều này cho thấy vai trò của Nhà nước trong phát triển và sử dụng các loại năng lượng và vật liệu tái tạo.

Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chiến lược khẳng định: cần ưu tiên sử dụng năng lượng sinh khối cho sản xuất điện, khí sinh học, sinh khối viên sử dụng trực tiếp làm nhiên liệu và nhiên liệu sinh học lỏng. Phát triển điện mặt trời, điện gió cung cấp điện cho khu vực vùng sâu, vùng xa chưa thể cấp điện.

Tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về *định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* đã khẳng định: “Ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện; khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn...” [9]. Theo đó, hệ thống luật và các chương trình, chiến lược do Nhà nước ban hành đã có nhiều nội dung thể hiện yêu cầu hạn chế khai thác nguyên liệu, nhiên vật liệu, kéo dài tuổi thọ của sản phẩm trong hoạt động sản xuất, trao đổi, tiêu dùng và dịch vụ.

Bảng 3.1. Khái quát một số văn bản chính sách phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam

Văn bản số/ ngày tháng năm ban hành	Nội dung liên quan phát triển năng lượng tái tạo	Dạng năng lượng tái tạo đề cập
Ngày 25/11/2015, số 2068/QĐ-TTg	Phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Ưu tiên thủy điện, năng lượng mặt trời, gió, sinh khối

Ngày 11/ 4/2017, số 11/2017/QĐ-TTg	Cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời.	Dự án điện mặt trời
Ngày 29/6/2018, số 03/VBHN-VPQH, Luật Điện lực	Trong chính sách phát triển điện lực, quy hoạch và phát triển điện lực.	năng lượng tái tạo nói chung
Ngày 15/01/2019, số 02/2019/TT-BCT	Quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió.	Điện gió
Ngày 11/02/2020, số 55-NQ/TW	Định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Mục tiêu tỷ trọng năng lượng tái tạo trong NLSC 15-20% năm 2030, 25-30% năm 2045.	NLMT áp mái, trên mặt nước, gió, gió ngoài khơi, sinh khối... Năng lượng thủy triều, địa nhiệt; Sử dụng nhiên liệu hydro.
Ngày 6/4/2020, số 13/2020/QĐ-TTg	Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời.	Điện mặt trời nổi lưới, điện mặt trời mái nhà
Ngày 17/7/2020, số 18/2020/TT-BCT	Quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời.	Điện mặt trời

Ngày 2/10/2020, số 140/NQ-CP	Nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng Luật Năng lượng tái tạo.	Năng lượng tái tạo, nghiên cứu phát triển NL gió ngoài khơi, NLMT trên mặt nước, nhiên liệu hydro.
Cơ chế khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo	Biểu giá chi phí tránh được, giá FIT.	Thủy điện, điện mặt trời, điện gió, sinh khối.
Cơ chế khuyến khích tài chính	Thuế TNDN, thuế nhập khẩu, tiền thuê đất, phí bảo vệ môi trường, đầu tư.	Dự án điện từ năng lượng tái tạo

Bên cạnh đó, có nhiều văn bản quản lý Nhà nước quy định về việc sử dụng các nguồn tài nguyên trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Cụ thể như: Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26-12-2018 *Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất*. Nghị định đã quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất ở các vùng chứa nước ngọt thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nghị định cũng đã phân loại các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; Các hình thức, biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất. Luật Tài nguyên nước (2024), trong đó khoản 5 Điều 31 quy định việc xác định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất phải bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan và được xem xét, khoanh định tại các khu vực: khu vực có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và có nguy cơ vượt ngưỡng khai thác nước dưới đất; khu vực đã xảy ra sụt, lún đất hoặc có nguy cơ sụt, lún đất; và khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn [90].

Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định Số: 896/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 phê duyệt *Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050*. Trong đó, Chiến lược đã xác định một trong những mục tiêu cụ thể là đến năm 2030 “Kiểm soát được tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân

đổi đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng” [107], và đến năm 2050 “Quản lý hiệu quả tài nguyên nước và đất, cải thiện chất lượng môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm vững chắc an ninh tài nguyên nước quốc gia...” [107].

Như vậy, hệ thống văn bản quản lý Nhà nước về phát triển năng lượng, vật liệu tái tạo có nội dung khá toàn diện, phản ánh được yêu cầu khách quan của vấn đề. Nó thể hiện tính cấp thiết của yêu cầu sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên trong phát triển kinh tế - xã hội nhằm hướng tới phát triển bền vững. Không chỉ có những chiến lược chung, Nhà nước còn có những văn bản quản lý chuyên biệt đối với yêu cầu sử dụng hợp lý đối với mỗi loại tài nguyên cụ thể (tài nguyên nước, việc khai thác cát sỏi, khoáng sản...).

(4) Nhóm chính sách, pháp luật đề cập trực tiếp đến phát triển kinh tế tuần hoàn

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, Chính phủ ký quyết định số 687/QĐ-TTg *Phê duyệt đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam*. Quan điểm của đề án: “Chủ động phát triển kinh tế tuần hoàn là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG); góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh” [108]. Mục tiêu tổng quát của Đề án: “Phát triển KTTH nhằm tạo động lực cho đổi mới sáng tạo và cải thiện năng suất lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường hiệu quả, tính gắn kết tuần hoàn giữa các doanh nghiệp và ngành kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu của doanh nghiệp và chuỗi cung ứng trước các cú sốc từ bên ngoài, nhằm góp phần đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu” [108]. Phấn đấu đến năm 2025, “các dự án KTTH bước đầu đi vào thực hiện

và phát huy hiệu quả kinh tế, xã hội, công nghệ và môi trường; đóng góp vào phục hồi các tài nguyên tái tạo được, giảm tiêu hao năng lượng, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp, tỷ lệ che phủ rừng, tăng cường tỷ lệ tái chế rác thải, tăng cường tỷ lệ nội địa hóa của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và công nghiệp xuất khẩu” [108]. Đến năm 2030, “các dự án KTTH trở thành một động lực chủ yếu trong giảm tiêu hao năng lượng sơ cấp, có năng lực tự chủ phần lớn hoặc toàn bộ nhu cầu năng lượng dựa trên năng lượng tái tạo” [108].

Như vậy, có thể nói toàn bộ nội dung của phát triển KTTH, với đầy đủ các biểu hiện từ giảm tiêu thụ tài nguyên tới giảm phát thải, xử lý chất thải, thiết kế quy trình sản xuất, sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện môi trường, có khả năng tái chế, tái tạo đã được Nhà nước Việt Nam quan tâm và cụ thể bằng hệ thống chính sách, pháp luật.

3.1.1.2. Thành tựu vai trò của Nhà nước trong tổ chức thực hiện quy định pháp luật, chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn

Một là, Nhà nước thành lập bộ máy để triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế tuần hoàn

Nhà nước Việt Nam đã thành lập bộ máy và ban hành *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035* (Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/1/2025) [110], do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhằm xây dựng hệ thống sản xuất - tiêu dùng bền vững và thúc đẩy mô hình KTTH. Kế hoạch đã khẳng định Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo, ban hành các quyết định quan trọng triển khai nhiệm vụ phát triển KTTH. Bộ NN&MT, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ... chịu trách nhiệm xây dựng chính sách, tiêu chuẩn kỹ thuật, và hướng dẫn thực hiện. UBND các tỉnh/thành phố triển khai các mô hình thí điểm, lồng ghép KTTH vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Doanh nghiệp và tổ chức xã hội tham gia thực hiện các dự án, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm tuần hoàn [110].

Về cách thức triển khai, Nhà nước ban hành chính sách, khung pháp lý và xây dựng các quy định về tái chế, tái sử dụng, quản lý chất thải. Trong các ngành như nông nghiệp, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo thí điểm mô hình

KTTH. Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ tuần hoàn, thúc đẩy hợp tác công - tư, huy động các nguồn lực xã hội. Nhà nước thiết lập hệ thống theo dõi, báo cáo định kỳ để đảm bảo tiến độ và hiệu quả.

Quyết định 687/QĐ-TTg năm 2022 về *Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam* đã khẳng định: “Chủ động phát triển KTTH là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG); góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh” [108]. Để tổ chức thực hiện Đề án, Thủ tướng đã thành lập bộ máy và giao việc cụ thể cho các bộ nhiệm vụ chủ yếu như sau: Bộ Tài nguyên và Môi trường là đầu mối về quản lý chất thải, tái chế, bảo vệ môi trường. Bộ Công Thương trực tiếp triển khai mô hình sản xuất sạch hơn, thúc đẩy đổi mới công nghệ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm lồng ghép KTTH vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tích cực áp dụng mô hình tuần hoàn trong nông nghiệp (ví dụ: tái sử dụng phụ phẩm, năng lượng sinh khối). Với các địa phương, UBND các tỉnh/thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể, gắn với đặc thù kinh tế - xã hội của địa phương. Doanh nghiệp và hiệp hội ngành nghề được xác định là lực lượng trực tiếp triển khai, thông qua các mô hình tái chế, sản xuất tuần hoàn, đổi mới sáng tạo. Các tổ chức quốc tế (UNDP, WB, EU), hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, và chia sẻ kinh nghiệm. Việc phân công rõ ràng, cụ thể các bộ ngành địa phương về phát triển KTTH nêu trên cho thấy, Chính phủ Việt Nam rất quan tâm tới chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế theo hướng tuần hoàn.

Thành tựu của việc thiết lập bộ máy triển khai nhiệm vụ phát triển KTTH là khung pháp lý đã hình thành và có kế hoạch hành động quốc gia, định hướng rõ ràng đến năm 2035 với sự tham gia, phối hợp của nhiều bộ, ngành cùng phối hợp, tạo nền tảng cho triển khai đồng bộ. Việt Nam đã nhận được nhiều dự án hợp tác, tập huấn, chuyển giao công nghệ. Đặc biệt, sự đồng thuận của các doanh nghiệp trên cơ sở KTTH giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

Hai là, Nhà nước định hướng, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tham gia vào mô hình phát triển KTTH

Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quan trọng để định hướng, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tham gia kinh tế tuần hoàn, nổi bật là Luật Bảo vệ môi trường 2020, Quyết định 687/QĐ-TTg (2022) về Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn, và Kế hoạch hành động quốc gia đến năm 2035 (Quyết định 222/QĐ-TTg, 2025). Cụ thể:

Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định trách nhiệm của doanh nghiệp trong tái chế, xử lý chất thải, thúc đẩy sản xuất sạch hơn [88]. Điều 54 - Trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì. Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu một số sản phẩm, bao bì (nhựa, kim loại, điện tử, xe cộ...) phải có trách nhiệm tái chế theo tỷ lệ, quy chuẩn do Nhà nước quy định. Hoặc có thể tự tổ chức tái chế hoặc đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để thực hiện [88]. Điều 55 - Trách nhiệm xử lý chất thải. Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu sản phẩm có nguy cơ gây ô nhiễm (ví dụ: thuốc bảo vệ thực vật, pin, ắc quy, dầu nhớt...) phải tổ chức thu hồi và xử lý sau sử dụng. Đây là cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR). Điều 142 - Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu. Nhà nước hỗ trợ thông tin, đào tạo, tín dụng ưu đãi để thúc đẩy sản xuất sạch hơn [88]. Điều 143 - Trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh. Phải xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường, áp dụng biện pháp giảm thiểu chất thải. Khuyến khích tham gia mô hình kinh tế tuần hoàn, tái sử dụng chất thải làm nguyên liệu sản xuất [88]. Các điều khoản này tạo khung pháp lý bắt buộc để doanh nghiệp chịu trách nhiệm với vòng đời sản phẩm. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích sản xuất sạch hơn bằng cơ chế hỗ trợ, giúp doanh nghiệp chuyển đổi sang mô hình KTTH.

Quyết định 687/QĐ-TTg (07/6/2022) - Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam [108]. Đề án đặt mục tiêu hình thành mô hình KTTH trong các ngành trọng điểm (năng lượng, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, xây dựng). Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tái chế chất thải, phát triển sản phẩm thân thiện môi trường. Trong Quyết định này, nội dung khuyến khích doanh

ngành đổi mới công nghệ, tái chế chất thải và phát triển sản phẩm thân thiện môi trường được thể hiện ở các nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, cụ thể:

Mục III - Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Đề án, tại Khoản 2 (Giải pháp về cơ chế, chính sách) đã khẳng định: Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ sản xuất, áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng và nguyên liệu. Hỗ trợ doanh nghiệp tái chế, tái sử dụng chất thải để tạo nguyên liệu đầu vào cho sản xuất. Ưu tiên phát triển sản phẩm thân thiện môi trường, có khả năng tái chế, tái sử dụng. Tại Khoản 3 (Giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo) đã chủ trương: Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tuần hoàn trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp xanh [108]. Điều này cho thấy, Nhà nước không chỉ yêu cầu trách nhiệm mà còn tạo điều kiện về chính sách, công nghệ và tài chính để doanh nghiệp phát triển sản phẩm thân thiện môi trường.

Khảo sát các văn bản: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Quyết định 687/QĐ-TTg (2022) về Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn, và Kế hoạch hành động quốc gia đến năm 2035 (Quyết định 222/QĐ-TTg, 2025), cho thấy, chính sách khuyến khích và hỗ trợ của Nhà nước được thể hiện trên các mặt: (1) Cơ chế tài chính, Nhà nước tập trung vào hỗ trợ tín dụng xanh, ưu đãi thuế cho doanh nghiệp đầu tư công nghệ tuần hoàn; (2) Khuyến khích đổi mới sáng tạo, Nhà nước khuyến khích, ưu tiên các dự án khởi nghiệp xanh, tái chế, năng lượng tái tạo; (3) Hỗ trợ kỹ thuật, Nhà nước phân công Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Công Thương phối hợp với các tổ chức quốc tế (UNDP, WB, EU) để đào tạo, chuyển giao công nghệ.

Trên cơ sở Nhà nước định hướng, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tham gia vào mô hình phát triển KTTH, những năm qua, mô hình KTTH đã có bước phát triển rõ nét ở Việt Nam. Cụ thể:

Nhiều doanh nghiệp lớn tiên phong như Nestlé, Unilever, Vinamilk, Sabeco đã áp dụng mô hình tuần hoàn trong tái chế bao bì, giảm nhựa, tận dụng phụ phẩm sản xuất. Các khu công nghiệp sinh thái (ví dụ: Ninh Bình, Cần Thơ) thử nghiệm mô hình tuần hoàn, chia sẻ năng lượng và nguyên liệu [29]. Mô hình “vòng tuần hoàn xanh” trong các trang trại nuôi bò sữa được Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

(Vinamilk) và Tập đoàn TH True Milk áp dụng để phát triển trang trại bò sữa theo hướng thân thiện với môi trường [102]. Trong trang trại bò sữa, quy trình chăn nuôi được thực hiện theo một hệ thống “vòng tuần hoàn xanh” từ khâu quản lý đất đai, tiến hành trồng cỏ, chăm sóc bò đến khâu xử lý chất thải. Việc tái sử dụng năng lượng trong chăn nuôi bò sữa không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn giảm thiểu lượng khí thải CO₂, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đây là một mô hình tiêu biểu cho việc phát triển bền vững trong ngành nông nghiệp.

Mô hình KTTH trong công nghiệp ở Việt Nam đang được triển khai ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt tại các khu công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất. Việt Nam hiện có hơn 400 khu công nghiệp, trong đó nhiều nơi đang chuyển đổi sang mô hình sinh thái như KCN Trà Nóc (Cần Thơ), KCN Amata (Đồng Nai), KCN Long Thành. Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp trao đổi chất thải, phụ phẩm, năng lượng dư thừa để tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho nhau. Hơi nước, CO₂, nhiệt thừa... được thu hồi và tái sử dụng trong các khu công nghiệp. Chính phủ chủ trương xây dựng chính sách thiết kế tuần hoàn: Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, thiết kế sản phẩm dễ tái chế và kéo dài vòng đời.

Mô hình tuần hoàn tại doanh nghiệp đã được quan tâm, nhiều doanh nghiệp đã tập trung tái chế và tái sử dụng nguyên liệu. Chẳng hạn như doanh nghiệp Nhựa Bình Minh sử dụng nhựa tái chế để sản xuất ống và bao bì, giúp giảm 20% nguyên liệu nhựa nguyên sinh [125]. Một số nhà máy sản xuất giấy, thép, xi măng đã áp dụng công nghệ thu hồi nhiệt, tái sử dụng nước và xử lý chất thải rắn. Một số doanh nghiệp thiết kế không rác thải. Sản phẩm được thiết kế để dễ tháo rời, sửa chữa, tái chế. Áp dụng mô hình “sản phẩm như dịch vụ” - ví dụ: cho thuê thiết bị thay vì bán đứt, giúp kiểm soát vòng đời sản phẩm.

Đặc trưng của mô hình tuần hoàn công nghiệp là cần phát triển tư duy hệ thống: Quản lý tổng thể năng lượng, nước, chất thải trong toàn chuỗi sản xuất; Đầu tư hạ tầng xanh: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu hồi năng lượng, phân loại rác tại nguồn; Tận dụng chính sách hỗ trợ: Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Bộ NN & Môi trường đang thúc đẩy cơ chế thử nghiệm (sandbox) và tiêu chí cộng sinh công nghiệp. Tác động và tiềm năng của công nghiệp sinh thái là: Giảm chi phí sản xuất,

tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên. Giảm phát thải khí nhà kính, phù hợp với cam kết Net Zero của Việt Nam. Tăng sức cạnh tranh và khả năng xuất khẩu nhờ đáp ứng tiêu chuẩn môi trường quốc tế.

Dự án hỗ trợ nông nghiệp các-bon thấp (LCASP) được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) diễn ra từ tháng 6/2013 - 6/2019 tại 10 tỉnh (cũ), gồm: Lào Cai, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Giang, Nam Định, Hà Tĩnh, Bình Định, Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng [24]. Mục tiêu của dự án là thúc đẩy việc sử dụng chất thải nông nghiệp để sản xuất năng lượng sinh học và tạo nguồn thu nhập thông qua việc áp dụng công nghệ khí sinh học, cải thiện bếp nấu, sản xuất phân bón hữu cơ và các biện pháp bảo vệ môi trường. Khi tham gia dự án, môi trường chăn nuôi ở các tỉnh đã được cải thiện đáng kể. Các hộ gia đình và trang trại chăn nuôi được tiếp cận với các phương pháp xử lý chất thải chăn nuôi hiệu quả về mặt kinh tế.

Trong nông nghiệp, mô hình VAC (Vườn - Ao - Chuồng) được nâng cấp thành mô hình tuần hoàn hiện đại trên cơ sở tận dụng phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất phân hữu cơ, khí sinh học [30]. Mô hình này phổ biến ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Đây là mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ kết hợp xử lý chất thải. Sử dụng phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt, phân chuồng, phế phẩm nông nghiệp. Áp dụng công nghệ xử lý biogas để tạo năng lượng sạch.

Mô hình trồng trọt kết hợp nuôi trùn quế hiện đã được triển khai ở nhiều địa phương tại Việt Nam, tiêu biểu là Bến Tre (xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam) [31] và tại các trang trại của Tập đoàn Dabaco (Bắc Ninh) [96]. Trùn quế giúp xử lý rác thải, phân gia súc, tạo phân hữu cơ giàu dinh dưỡng cho cây trồng. Chất thải chăn nuôi được xử lý thành nguồn thức ăn cho trùn, sau đó thu được phân trùn quế phục vụ trồng trọt. Đây là bước đi trong chiến lược phát triển nông nghiệp tuần hoàn, khép kín. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao cũng áp dụng mô hình này để tận dụng chất thải chăn nuôi, tạo phân hữu cơ phục vụ trồng trọt.

Hà Nội, TP.HCM tích cực triển khai các dự án điện rác, biến chất thải thành năng lượng. Tiêu biểu là Nhà máy điện rác Sóc Sơn (Hà Nội) với vốn đầu tư hơn 7.500 tỷ đồng [14] và Nhà máy điện rác VietStar (TP.HCM) với công suất 2.000

tấn/ngày [81]. Cả hai thành phố đều coi điện rác là giải pháp kép: vừa xử lý chất thải, vừa tạo năng lượng, phù hợp với định hướng KTTH và PTBV. Việt Nam hiện có hơn 20 GW công suất điện sạch (năng lượng tái tạo) đã đưa vào vận hành, trong đó điện mặt trời chiếm khoảng 16,5 GW, điện gió khoảng 4,6 GW, cùng với các dự án điện sinh khối, điện rác và thủy điện nhỏ. Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia có tốc độ phát triển năng lượng tái tạo nhanh nhất châu Á, đặc biệt giai đoạn 2018-2021 [5]. Việc phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) đã gắn với mục tiêu giảm phát thải và đảm bảo an ninh năng lượng. Hiện nay Chính phủ đang xây dựng cơ chế đấu thầu/đấu giá điện tái tạo để thay thế FIT, đồng thời thúc đẩy điện gió ngoài khơi và điện rác như giải pháp KTTH.

Thực hiện chương trình “mỗi xã một sản phẩm” KTTH cũng tạo bước chuyển đáng kể. Nhiều sản phẩm OCOP được sản xuất theo mô hình KTTH. Sản phẩm OCOP đã góp phần chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất gắn với kinh doanh nông nghiệp, đặc biệt là gắn kết giữa phát triển nông nghiệp với phát triển kinh tế, dịch vụ và du lịch của các địa phương. Khi các khu vực nông thôn phát triển và khởi sắc, đó là minh chứng cho sự tiến bộ trong việc thay đổi tư duy sản xuất, mới đạt được kết quả hiện nay. Có thể thấy, Chương trình OCOP đã góp phần quan trọng trong chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp thủ công, nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa, ứng dụng khoa học, công nghệ. Các chủ thể OCOP đẩy mạnh việc đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đầu tư mẫu mã và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Mô hình KTTH cũng được áp dụng rộng rãi trong sản xuất bao bì. Các doanh nghiệp có thể áp dụng các giải pháp KTTH ngay từ giai đoạn thiết kế, lựa chọn vật liệu, thiết kế các sản phẩm, thiết kế quy trình phân phối, tiêu thụ và thu hồi để đảm bảo hạn chế tối đa sử dụng nguyên liệu, vật liệu thô, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế phát sinh chất thải và tác động xấu đến môi trường. Hiện nay, khoảng 80% doanh nghiệp bao bì lớn đã triển khai hoạt động tái chế hoặc sử dụng nguyên liệu thân thiện môi trường, và Liên minh Tái chế Bao bì Việt Nam (PRO Việt Nam) đặt mục tiêu đến năm 2030 thu hồi và tái chế 100% bao bì do các thành viên đưa ra thị trường. Theo nghiên cứu của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tỷ lệ tái chế giấy

bao bì ở Việt Nam đạt khoảng 70-75%. Bao bì giấy tái chế chiếm hơn 60% nguyên liệu đầu vào của ngành sản xuất giấy. Đây là một trong những ngành có mức độ áp dụng KTTH cao nhất [101]. Ngành nhựa và bao bì của Việt Nam tiêu thụ khoảng 3,9 triệu tấn nhựa/năm, trong đó bao bì chiếm hơn 40%. Tỷ lệ tái chế nhựa hiện mới đạt khoảng 25-30%, nhưng đang tăng nhờ các dự án của PRO Việt Nam và doanh nghiệp lớn. Tuy nhiên, các công ty như Nhãn Bao Bì Vi Na Úc và nhiều doanh nghiệp FDI đã đầu tư dây chuyền tái chế nhựa, sản xuất bao bì thân thiện môi trường [76]. Một số nghiên cứu đề xuất áp dụng IoT và Blockchain để quản lý vòng đời bao bì trong thương mại điện tử, giúp tăng khả năng truy xuất và tái chế. Đây là hướng đi mới để kiểm soát dòng rác thải, tài nguyên và nâng cao hiệu quả KTTH trong ngành bao bì.

Ba là, Nhà nước tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về phát triển kinh tế tuần hoàn và tiêu dùng bền vững

Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật và chính sách để tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức toàn xã hội về phát triển kinh tế tuần hoàn và tiêu dùng bền vững. Tiêu biểu là Luật Bảo vệ môi trường 2020, Quyết định 687/QĐ-TTg (2022), Quyết định 222/QĐ-TTg (2025), cùng các đề án truyền thông chính sách như Quyết định 407/QĐ-TTg (2022). Cụ thể:

Luật Bảo vệ môi trường 2020 (số 72/2020/QH14) đã quy định trách nhiệm của Nhà nước trong việc tuyên truyền, giáo dục cộng đồng về bảo vệ môi trường, phân loại rác tại nguồn, tiêu dùng bền vững và khuyến khích doanh nghiệp và người dân tham gia các mô hình tuần hoàn [88].

Quyết định 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 về Phê duyệt Đề án phát triển KTTH ở Việt Nam. Trong nhiệm vụ trọng tâm của Đề án đã quy định, Nhà nước tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người dân về lợi ích của KTTH. Đồng thời đẩy mạnh truyền thông để thay đổi hành vi tiêu dùng, khuyến khích sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường [108].

Quyết định 222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025 về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035. Kế hoạch đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp tuyên truyền

rộng rãi về KTTH. Nhằm mục tiêu đến năm 2030, nâng cao nhận thức của toàn xã hội, hình thành thói quen tiêu dùng bền vững [110].

Quyết định 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 về Đề án tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội giai đoạn 2022-2027. Đề án tập trung vào việc truyền thông chính sách môi trường, kinh tế tuần hoàn, tiêu dùng bền vững. Đồng thời, hướng tới thay đổi nhận thức và hành vi của cộng đồng, doanh nghiệp [109].

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1658/QĐ-TTg, 2021). Chiến lược đã nhấn mạnh vai trò của tuyên truyền, giáo dục cộng đồng để thúc đẩy tiêu dùng bền vững và sản xuất sạch hơn.

Nhìn chung, Nhà nước giữ vai trò then chốt trong việc tuyên truyền và nâng cao nhận thức của người dân về KTTH. Thông qua hệ thống pháp luật, chính sách và các chương trình truyền thông, Nhà nước không chỉ định hướng mà còn tạo động lực để cộng đồng thay đổi hành vi tiêu dùng và sản xuất theo hướng bền vững. Các văn bản như Luật Bảo vệ môi trường 2020, Quyết định 687/QĐ-TTg năm 2022 và Quyết định 222/QĐ-TTg năm 2025 đều nhấn mạnh nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền rộng rãi, giúp người dân hiểu rõ lợi ích của việc phân loại rác tại nguồn, tái chế chất thải và sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường. Bằng việc huy động các phương tiện truyền thông, trường học, tổ chức xã hội và doanh nghiệp cùng tham gia, Nhà nước đã và đang tạo ra sự lan tỏa mạnh mẽ, từng bước hình thành thói quen tiêu dùng bền vững và thúc đẩy cộng đồng chung tay xây dựng nền KTTH.

3.1.1.3. Thành tựu vai trò của Nhà nước trong đầu tư tài chính, khoa học - công nghệ và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện kinh tế tuần hoàn

- Đầu tư tài chính

Với vai trò của mình trong phát triển KTTH, Nhà nước Việt Nam đã và đang đầu tư tài chính để thúc đẩy phát triển KTTH thông qua nhiều cơ chế, chính sách và nguồn lực hỗ trợ. Trước hết, Nhà nước ban hành các văn bản pháp luật như Luật Bảo vệ môi trường 2020, Quyết định 687/QĐ-TTg (2022) và Quyết định 222/QĐ-TTg (2025) và các văn bản này đều quy định rõ việc Nhà nước dành nguồn vốn

ngân sách cho các chương trình, dự án tuần hoàn. Chẳng hạn, trong Luật Bảo vệ môi trường 2020, Điều 149 quy định nguồn lực tài chính cho BVMT là, Nhà nước quy định ngân sách dành cho BVMT, bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, ngân sách được ưu tiên cho các hoạt động như xử lý chất thải, cải thiện môi trường, phát triển công nghệ sạch, mô hình kinh tế tuần hoàn [88]. Điều 150 quy định về Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam và quỹ địa phương. Nhà nước thành lập và vận hành Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tài chính cho các dự án bảo vệ môi trường, tái chế, xử lý chất thải, thúc đẩy phát triển KTTH. Các doanh nghiệp khởi nghiệp và chuyển đổi sang mô hình KTTH có thể vay vốn ưu đãi từ quỹ để đầu tư công nghệ tuần hoàn, sản xuất sạch hơn [88]. Điều 151 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường. Doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực tái chế, xử lý chất thải, sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường được hưởng ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng. Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội và quốc tế cho các dự án kinh tế tuần hoàn. Nguồn lực này tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm như xử lý chất thải, phát triển năng lượng tái tạo, sản xuất sạch hơn, và xây dựng hạ tầng tái chế [88].

Ngoài ngân sách nhà nước, Chính phủ còn triển khai các quỹ môi trường, quỹ tín dụng xanh để hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư công nghệ tuần hoàn, khuyến khích khởi nghiệp xanh và đổi mới sáng tạo. Các dự án hợp tác quốc tế với EU, UNDP, WB cũng mang lại nguồn tài chính đáng kể, giúp Việt Nam tiếp cận công nghệ hiện đại và nâng cao năng lực quản lý.

Những năm gần đây, Nhà nước Việt Nam đã bắt đầu đầu tư tài chính cho phát triển KTTH thông qua các chương trình quốc gia, quỹ môi trường, và hỗ trợ tín dụng xanh. Ngân sách nhà nước phân bổ hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm cho các chương trình môi trường, trong đó có nội dung liên quan đến KTTH. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đã cấp vốn vay ưu đãi cho nhiều dự án xử lý chất thải, tái chế, tiết kiệm năng lượng. Việt Nam nhận hỗ trợ tài chính từ WB, ADB, EU để triển khai các dự án tuần hoàn, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và quản lý rác thải [47]. Định hướng giai đoạn 2025-2030, nâng tỷ lệ vốn ngân sách cho KTTH lên 30-40% so với hiện nay.

Bảng 3.2. Số liệu minh họa

Năm	Khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước cho môi trường (tỷ đồng)	Tỷ lệ dành cho KTTH (ước tính)	Lĩnh vực chính
2020	~12.000	15%	Xử lý rác thải, tái chế nhựa
2022	~15.000	20%	Năng lượng tái tạo, sản xuất sạch hơn
2023	~18.000	25%	Công nghệ tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng

Nguồn: Bộ KH&ĐT, Bộ TN&MT

Những năm qua, nhiều ngân hàng thương mại như BIDV, Vietcombank, Agribank đã xây dựng sản phẩm tín dụng xanh riêng, gắn với chiến lược phát triển bền vững. Ngân hàng Nhà nước đã ban hành bộ tiêu chí phân loại tín dụng xanh, khuyến khích các tổ chức tín dụng mở rộng cho vay các dự án tuần hoàn. Quy mô và tỷ trọng vốn tín dụng của các tổ chức tín dụng đối với lĩnh vực kinh tế xanh tăng trưởng khá qua các năm. Cũng theo số liệu của ngân hàng nhà nước, nếu như ở thời điểm năm 2018, quy mô và tỷ trọng vốn tín dụng của các tổ chức tín dụng đối với lĩnh vực kinh tế xanh chỉ chiếm 3,33% trong tổng tín dụng của nền kinh tế, thì đến năm 2022 đã tăng lên 4,2%. Hiện nay, có rất nhiều tổ chức tín dụng đã ban hành quy định nội bộ về rủi ro môi trường và tác động xã hội. Theo thống kê của ngân hàng nhà nước, có 80%-90% các ngân hàng thương mại đã áp dụng một phần hoặc toàn bộ ESG (chỉ số đánh giá môi trường, xã hội và quản trị) trong hoạt động. Có tới gần 50% các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác thành lập bộ phận quản trị rủi ro cho vay vốn tín dụng bảo vệ môi trường [13]. Các khoản vay tập trung vào năng lượng tái tạo, xử lý chất thải, nông nghiệp sạch, và gần đây là công nghệ tuần hoàn (tái chế, tái sử dụng nguyên liệu, giảm phát thải).

Bảng 3.3. Số liệu minh họa

Năm	Dư nợ tín dụng xanh (tỷ đồng)	Tỷ trọng trong tổng dư nợ	Lĩnh vực chính
2020	~250.000	3%	Năng lượng tái tạo, nông nghiệp sạch
2022	~400.000	4.2%	Xử lý chất thải, sản xuất sạch hơn
2023	~500.000	5%	Công nghệ tuần hoàn, tái chế, tiết kiệm năng lượng

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước, Bộ KH&ĐT

Như vậy, vai trò đầu tư tài chính của Nhà nước không chỉ là nguồn vốn trực tiếp cho các dự án, mà còn là cơ chế dẫn dắt để huy động thêm nguồn lực xã hội và quốc tế, tạo nền tảng cho KTTH, PTBV và lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Những số liệu nêu trên cho thấy, Nhà nước đã có bước đầu tư tài chính đáng kể cho KTTH nhưng vẫn còn khiêm tốn, cần mở rộng quy mô và cơ chế ưu đãi để phát triển KTTH.

- Phát triển khoa học - công nghệ

Thời gian gần đây, Nhà nước Việt Nam đã và đang đầu tư mạnh vào khoa học - công nghệ để thúc đẩy KTTH, thông qua các chương trình quốc gia, quỹ nghiên cứu, và hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Nghị quyết 57-NQ/TW (2024) xác định KH&CN và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược, trong đó KTTH là một hướng ưu tiên. Trong chương trình hành động KTTH đến 2035, Bộ TN&MT và Bộ KH&CN phối hợp triển khai các dự án nghiên cứu công nghệ tuần hoàn, tái chế nhựa, xử lý rác thải, tiết kiệm năng lượng. Hàng năm Quỹ KH&CN quốc gia (NAFOSTED) tài trợ hàng trăm đề tài nghiên cứu liên quan đến sản xuất sạch hơn, tái chế và năng lượng tái tạo. Liên kết ba nhà (Nhà nước - Doanh nghiệp - Trí thức) đã được thành lập để kết nối nghiên cứu KH&CN với ứng dụng thực tiễn, trong đó KTTH là một trọng tâm.

Hiện nay, ý tưởng thành lập Quỹ Khoa học & Công nghệ quốc gia về KTTH là một bước đi chiến lược để thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tuần hoàn

tại Việt Nam. Đây sẽ là công cụ tài chính chuyên biệt, bổ sung cho các quỹ hiện có như Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia (NAFOSTED) hay Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

- Kiểm tra, giám sát

Trong các văn bản pháp luật hiện nay, chưa có một văn bản chuyên biệt nào dành riêng cho vai trò của Nhà nước trong kiểm tra, giám sát và đánh giá triển khai KTTH. Tuy nhiên, các quy định liên quan nằm rải rác trong Luật Bảo vệ môi trường 2020, các Nghị định hướng dẫn, cùng với các quy trình kiểm tra, giám sát của Đảng và Chính phủ. Các văn bản này tạo khung pháp lý để theo dõi, đánh giá việc thực hiện KTTH trong doanh nghiệp và địa phương. Chẳng hạn Luật Bảo vệ môi trường 2020 [88] quy định trách nhiệm của Bộ TN&MT, UBND các cấp trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động tái chế, xử lý chất thải, sản xuất sạch hơn. Điều 142-143: yêu cầu báo cáo, đánh giá định kỳ về kết quả thực hiện KTTH.

Nghị định 08/2022/NĐ-CP (hướng dẫn Luật BVMT) quy định chi tiết về cơ chế giám sát, đánh giá các mô hình KTTH. Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo định kỳ về hoạt động tái chế, tái sử dụng nguyên liệu. Bộ TN&MT có trách nhiệm kiểm tra, công bố kết quả thực hiện. Quyết định số 331-QĐ/TW ngày 18/6/2025 của Ban Bí thư Ban hành Quy trình mẫu thực hiện kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy. Đây là khung chung để giám sát việc triển khai các chủ trương lớn, trong đó có KTTH.

Quyết định 687/QĐ-TTg (2022): Phê duyệt Đề án phát triển KTTH ở Việt Nam, giao Bộ KH&ĐT phối hợp với các bộ ngành xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá thí điểm. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (2021-2030): Đặt mục tiêu lồng ghép KTTH vào các ngành, có cơ chế đánh giá tiến độ thực hiện. Báo cáo 203/BC-BTP năm 2024 của Bộ Tư pháp tổng hợp công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Đây là cơ sở để đánh giá tính thống nhất, đầy đủ của các quy định liên quan đến KTTH. Quyết định 09/2008/QĐ-BCT về Quy chế kiểm tra, giám sát của Bộ Công Thương được ban hành từ khá lâu, nhưng vẫn là nền tảng để giám sát hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất, bao gồm cả áp dụng mô hình tuần hoàn.

Như vậy, việc kiểm tra, giám sát và đánh giá KTTH hiện nay dựa trên Luật BVMT 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, cùng các quy trình kiểm tra giám sát chung của Đảng và Chính phủ. Thực tế vai trò triển khai giám sát, đánh giá tác động của KTTH vẫn được tiến hành trong những năm qua. Cụ thể, các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm báo cáo về hoạt động tái chế, xử lý chất thải; Bộ NN&MT tổng hợp và công bố. Hà Nội, TP.HCM, Bình Dương đã triển khai mô hình KTTH trong quản lý rác thải, được giám sát bởi Sở NN&MT. Các báo cáo của Bộ KH&ĐT và Bộ NN&MT cho thấy KTTH mới ở giai đoạn khởi đầu, việc giám sát chủ yếu dựa trên tiêu chí môi trường (giảm phát thải, xử lý chất thải), chưa có bộ chỉ số đo lường KTTH toàn diện.

3.1.2. Nguyên nhân của thành tựu

Một là, khung pháp lý và chính sách về phát triển KTTH khá rõ ràng, kịp thời và khá đồng bộ. Có thể nói một trong những nguyên nhân thành công bước đầu của KTTH ở Việt Nam chính là việc Nhà nước đã xây dựng được khung pháp lý và chính sách khá rõ ràng, kịp thời và đồng bộ.

Luật Bảo vệ môi trường 2020: Đây là văn bản pháp lý quan trọng nhất, chính thức đưa khái niệm và các quy định về KTTH vào hệ thống pháp luật Việt Nam. Điều 142 trong Luật này quy định rõ về KTTH, khẳng định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh trong việc xây dựng lộ trình, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTH. Điều 54 quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) đối với bao bì và sản phẩm điện, điện tử, ắc quy, pin, lốp xe. Đây là một bước đột phá, buộc nhà sản xuất phải chịu trách nhiệm thu gom và tái chế sản phẩm của mình sau khi chúng trở thành chất thải.

Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã hướng dẫn chi tiết Luật BVMT 2020, quy định cơ chế giám sát, đánh giá các mô hình KTTH. Nghị định đưa ra tiêu chí phân loại dự án xanh, tạo cơ sở cho tín dụng xanh và đầu tư tuần hoàn. Quyết định 687/QĐ-TTg (2022) phê duyệt Đề án phát triển KTTH. Đề án xác định lộ trình đến năm 2030 và tầm nhìn 2050. Đề án cũng giao Bộ KH&ĐT phối hợp với các bộ ngành xây dựng cơ chế thử nghiệm KTTH. Chiến lược tăng trưởng xanh 2021-2030 lồng ghép KTTH vào mục tiêu phát triển bền vững. Chiến lược đã đặt ra yêu cầu

giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện. Có khung pháp lý rõ ràng giúp doanh nghiệp yên tâm đầu tư công nghệ tuần hoàn. Tất cả khung pháp luật nêu trên là bước ngoặt giúp KTTH có cơ sở pháp lý để đi vào thực tiễn.

Hai là, Nhà nước Việt Nam tích cực thực hiện cam kết quốc tế và áp lực hội nhập. Việt Nam đã đưa ra nhiều cam kết quốc tế liên quan đến phát triển KTTH, gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu. Tại COP26 (2021), Việt Nam tuyên bố mục tiêu Net Zero vào năm 2050, trong đó KTTH là một giải pháp trọng tâm để giảm phát thải và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Tại COP29 (2024-2025), Việt Nam tiếp tục nhấn mạnh vai trò KTTH trong xây dựng thị trường carbon, tín chỉ carbon và chiến lược thích ứng, buộc phải chuyển đổi mô hình sản xuất - tiêu dùng theo hướng tuần hoàn.

Việt Nam đã tham gia các hiệp định thương mại quốc tế EVFTA (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU), yêu cầu doanh nghiệp tuân thủ tiêu chuẩn môi trường, thúc đẩy KTTH trong sản xuất và chuỗi cung ứng. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đặt ra các cam kết về bảo vệ môi trường, khuyến khích mô hình sản xuất tuần hoàn. Các hiệp định thương mại (EVFTA, CPTPP) yêu cầu tiêu chuẩn môi trường cao, thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng KTTH để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Việt Nam tham gia Diễn đàn Kinh tế tuần hoàn quốc tế (do Bộ TN&MT tổ chức cùng các đối tác quốc tế), khẳng định KTTH là định hướng ưu tiên để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Hợp tác với các tập đoàn quốc tế (như SCG, Unilever, Nestlé) để triển khai mô hình KTTH trong sản xuất và tiêu dùng.

Trong nước, Chiến lược tăng trưởng xanh 2021-2030 của Việt Nam đã lồng ghép KTTH vào mục tiêu giảm phát thải, phù hợp với các cam kết quốc tế về phát triển bền vững. Đề án phát triển KTTH (QĐ 687/QĐ-TTg, 2022) cũng định hướng Việt Nam hội nhập với xu thế toàn cầu về KTTH, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Các cam kết quốc tế buộc doanh nghiệp phải đổi mới công nghệ, áp dụng mô hình tuần hoàn để đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Đồng thời, các cam kết này cũng giúp Việt Nam tiếp cận nguồn vốn xanh và công nghệ tuần hoàn từ EU, WB, ADB.

Ba là, doanh nghiệp Việt Nam đang tham gia ngày càng tích cực vào phát triển KTTH, với nhiều mô hình tái chế, tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn. Đây là động lực quan trọng giúp KTTH lan tỏa từ chính sách ra thực tiễn.. Nhiều doanh nghiệp lớn (Vinamilk, Nestlé, Unilever, SABECO...) đã triển khai mô hình tái chế bao bì, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn. Unilever Việt Nam đã đi tiên phong với chương trình tái chế nhựa, giảm rác thải bao bì, được công nhận là đơn vị tiên phong trong KTTH. SCG Việt Nam đã tập trung đầu tư vào mô hình khu công nghiệp sinh thái, thúc đẩy tái sử dụng nguyên liệu. Vinamilk, SABECO, Heineken tích cực áp dụng công nghệ tuần hoàn trong sản xuất, tái chế phụ phẩm, tiết kiệm năng lượng.

Tính đến năm 2024, “Việt Nam đã xây dựng được 1.283 mô hình sử dụng năng lượng hiệu quả và sản xuất sạch (RECP). Trong đó có 783 mô hình đã được áp dụng bởi 125 doanh nghiệp trong nước và thu được kết quả ban đầu tích cực” [48]. Các doanh nghiệp FDI và nội địa như Coca-Cola, Nestlé, và nhiều doanh nghiệp Việt đã triển khai chương trình thu hồi bao bì, tái chế nhựa, logistics xanh. Ngành dệt may đang chuyển đổi sang mô hình KTTH để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, giảm phát thải và nâng cao năng lực cạnh tranh. Quá trình phát triển KTTH đã giúp các doanh nghiệp nhận thấy KTTH giúp giảm chi phí nguyên liệu, tăng hiệu quả sản xuất, và nâng cao hình ảnh thương hiệu.

Như vậy, sự tham gia tích cực của doanh nghiệp chính là động lực quan trọng để KTTH ở Việt Nam đi từ chính sách vào thực tiễn, tạo ra lợi ích kép: vừa bảo vệ môi trường, vừa nâng cao hiệu quả kinh tế. Có thể nói, các doanh nghiệp trở thành hạt nhân thúc đẩy KTTH từ sản xuất đến tiêu dùng.

Bốn là, tích cực ứng dụng KH&CN là động lực then chốt giúp KTTH ở Việt Nam đạt được thành công bước đầu, từ tái chế, năng lượng tái tạo đến công nghệ số. Công nghệ tái chế nhựa, xử lý rác thải, năng lượng tái tạo được nghiên cứu và áp dụng rộng rãi. Doanh nghiệp như Unilever, Nestlé, SCG đã đầu tư dây chuyền tái chế bao bì, nhựa PET, lon nhôm. Hà Nội, TP.HCM, Bình Dương triển khai công nghệ đốt rác phát điện, sản xuất phân compost từ rác hữu cơ. Ứng dụng vi sinh để xử lý nước thải, sản xuất phân bón hữu cơ từ phụ phẩm nông nghiệp. Ninh Thuận,

Bình Thuận, Tây Nguyên phát triển mạnh, góp phần giảm phụ thuộc nhiên liệu hóa thạch. Công nghệ tiết kiệm năng lượng phát triển với hơn 1.283 mô hình sản xuất sạch hơn và sử dụng năng lượng hiệu quả (RECP) đã được áp dụng, giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí và giảm phát thải. Ninh Bình, Cần Thơ, Đà Nẵng đã đi đầu trong thí điểm mô hình khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp chia sẻ phụ phẩm, tái sử dụng nguyên liệu trong chu trình sản xuất. Công nghệ quản lý dữ liệu và giám sát môi trường được áp dụng để theo dõi hiệu quả KTTH. Big Data, IoT, Blockchain được ứng dụng trong quản lý chuỗi cung ứng tuần hoàn, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu tái chế. Startup công nghệ xanh tăng nhanh trong những năm gần đây. Nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển giải pháp số cho phân loại rác, logistics xanh, thương mại điện tử tái chế.

Năm là, vai trò của truyền thông và nhận thức của cộng đồng về KTTH. Có thể nói, truyền thông và nhận thức cộng đồng chính là động lực xã hội để KTTH ở Việt Nam không chỉ là khẩu hiệu mà trở thành hành động thực tế. Thời gian qua ở Việt Nam, truyền thông giúp cá nhân/cộng đồng hiểu rõ hơn về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển KTTH, lợi ích của tái chế, tái sử dụng và tiêu dùng bền vững. Các chiến dịch truyền thông (phân loại rác tại nguồn, hạn chế túi nylon, tái chế bao bì) đã góp phần tạo thói quen mới cho người dân trong phân loại rác tại nguồn, hạn chế túi nylon, tái chế bao bì. Truyền thông giúp doanh nghiệp quảng bá sản phẩm xanh, khuyến khích người tiêu dùng lựa chọn hàng hóa thân thiện môi trường. Khi truyền thông nhấn mạnh vấn đề ô nhiễm, cộng đồng sẽ gây sức ép buộc doanh nghiệp và chính quyền phải hành động theo hướng tuần hoàn.

Nhận thức của người dân/cộng đồng trong những năm qua đã tạo nền tảng cho phát triển KTTH. Người dân là chủ thể tiêu dùng nên nếu từng cá nhân, gia đình, cộng đồng xã hội không thay đổi thói quen tiêu dùng, thì KTTH khó thành công. Thời gian qua, để góp phần vào thành công của phát triển KTTH ở Việt Nam, người dân đã tham gia phân loại rác, tái chế, sử dụng sản phẩm xanh, tiêu dùng xanh, sản xuất sạch... chính là hành động cụ thể thúc đẩy KTTH. Chủ trương phát triển KTTH cũng đã nhận được sự đồng thuận của người dân. Nhận thức cao giúp

cộng đồng ủng hộ chính sách, tạo môi trường thuận lợi để Nhà nước và doanh nghiệp triển khai KTTH. Cộng đồng có thể giám sát việc thực hiện KTTH, phản ánh các hành vi “greenwashing” (giả xanh) của doanh nghiệp. Chẳng hạn, chiến dịch “Phân loại rác tại nguồn” ở Hà Nội và TP.HCM, nhờ truyền thông mạnh mẽ, tỷ lệ người dân tham gia tăng rõ rệt. Chương trình “Tái chế bao bì” của Unilever và Coca-Cola nhờ truyền thông giúp người tiêu dùng mang vỏ chai, bao bì đến điểm thu hồi. Phong trào “Nói không với túi nylon” nhờ nhận thức cộng đồng đã thúc đẩy siêu thị và cửa hàng chuyển sang túi sinh học, túi giấy.

3.1.3. Một số hạn chế

Một là, hạn chế trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến phát triển kinh tế tuần hoàn

Mặc dù Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong xây dựng hệ thống chính sách pháp luật về phát triển kinh tế tuần hoàn, nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế cần được khắc phục để thúc đẩy triển khai hiệu quả. Khung pháp lý chưa đầy đủ và đồng bộ. Khái niệm “kinh tế tuần hoàn” mới chỉ được đưa vào Luật Bảo vệ Môi trường 2020, nhưng chưa có luật chuyên ngành riêng. Thiếu các quy định cụ thể về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm tuần hoàn, quy trình tái chế, tái sử dụng.

Khái niệm về KTTH ở Việt Nam hiện nay được quy định tại Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Nhưng các quy định về KTTH còn nằm rải rác tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, cho thấy ở Việt Nam đến nay, vẫn chưa có một khái niệm pháp lý đầy đủ về KTTH, do đó, những nội dung khác của pháp luật về KTTH là thiếu cơ sở. Địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia vào kinh tế tuần hoàn chưa được làm rõ. Tại Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện lồng ghép kinh tế tuần hoàn ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hoá đến giai đoạn

sản xuất, phân phối” [88]. Như vậy, Luật chỉ quy định thẩm quyền, trách nhiệm của 02 loại chủ thể cụ thể: (i) các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (ii) cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phát triển kinh tế tuần hoàn. Từ đó, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định 05/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền, trách nhiệm của 02 loại chủ thể trên, nhưng hầu như nghiêng về mục đích để bảo vệ môi trường. Có nhiều loại chủ thể tham gia vào kinh tế tuần hoàn, song, pháp luật Việt Nam hiện nay chưa quy định. Chẳng hạn, trong hệ thống cơ quan nhà nước, người có quyền nhân danh quyền lực nhà nước không chỉ là Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; loại chủ thể thứ hai cũng không chỉ là cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và chưa đề cập đến loại chủ thể thứ ba là cá nhân, hộ gia đình,... trong cộng đồng dân cư. Mặt khác, chưa làm rõ và phân biệt địa vị pháp lý của các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền nhân danh quyền lực nhà nước thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế tuần hoàn với địa vị pháp lý của tổ chức, cá nhân khác thực hiện/ tham gia thực hiện các công đoạn của kinh tế tuần hoàn, đồng thời, cũng chưa quy định cụ thể, chưa thật phù hợp với đặc thù phát triển kinh tế tuần hoàn trong từng lĩnh vực. Chưa quy định rõ về cơ quan chịu trách nhiệm chính trong quản lý dự án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Trung ương cũng như địa phương; chưa xây dựng được kế hoạch quốc gia về phát triển kinh tế tuần hoàn, chưa phát huy được vai trò của truyền thông trong giám sát thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

Thiếu các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, năng lượng, khí thải, nước thải, chất thải khác cho các sản phẩm tái chế, tái sử dụng,... làm cơ sở cho phát triển kinh tế tuần hoàn. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, năng lượng, khí thải, nước thải, chất thải khác cho các sản phẩm tái chế, tái sử dụng hiện đang được quy định trong Luật bảo vệ môi trường 2020, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ chủ yếu nghiêng về mục đích bảo vệ môi trường và khá chung chung, thiếu cụ thể. Do vậy, khó xác định trong các trường hợp cụ thể đối với quá trình phát triển kinh tế tuần hoàn. Khoản 10 và 11 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường 2020 quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường, chưa quy định cho các trường hợp khác cho kinh tế tuần hoàn. Các Thông tư của Bộ Tài

nguyên và Môi trường quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT); Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Thông tư số 45/2024/TT BTNMT);... Như vậy, đang thiếu quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, năng lượng, khí thải, nước thải, chất thải khác cho các sản phẩm tái chế, tái sử dụng.

Đến nay, Việt Nam còn chưa có bộ tiêu chí để xác định, đánh giá và phân loại mức độ phát triển của kinh tế tuần hoàn, do vậy, thiếu cơ sở pháp lý để áp dụng các chính sách ưu đãi cho phát triển kinh tế tuần hoàn và cũng thiếu cơ sở đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ về phát triển kinh tế tuần hoàn của các chủ thể (đặc biệt đối với các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền nhân danh quyền lực nhà nước ở Trung ương và các địa phương).

Thiếu chính sách hỗ trợ và cơ chế khuyến khích là một trong những trở ngại lớn. Hiện nay, Việt Nam chưa có một hệ thống chính sách toàn diện hỗ trợ KTTH. Báo cáo "Đánh giá chính sách hỗ trợ kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam" của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) năm 2022 chỉ ra rằng 65% doanh nghiệp gặp khó khăn do thiếu chính sách hỗ trợ. Chính phủ cần xây dựng các quy định về ưu đãi thuế, quỹ hỗ trợ tài chính và chính sách thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng tuần hoàn.

Để phát triển KTTH, cần phải có nguồn tài chính phù hợp và phải được pháp luật điều chỉnh. Bên cạnh việc chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho hoạt động bảo vệ môi trường, thì tín dụng, thuế và phí được sử dụng như công cụ điều chỉnh nền kinh tế hướng tới và phát triển kinh tế tuần hoàn, trong đó có 2 sắc thuế tác động trực tiếp là thuế tài nguyên và thuế bảo vệ môi trường, bên cạnh thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt. Trong các công cụ tài chính tác động đến quá trình phát triển kinh tế tuần hoàn thì công cụ thuế có ý nghĩa nhất; song, trong hệ thống pháp luật thuế cho phát triển kinh tế tuần hoàn, cũng còn nhiều tồn tại, như: hệ thống pháp luật thuế còn thiếu tính thống nhất, tính phù hợp, tính hiệu quả để hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn; nhiều quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với các sắc thuế chưa nhắm trực tiếp vào vòng đời của sản phẩm. Do vậy, còn thiếu căn cứ pháp lý để xác định nghĩa vụ thuế khác nhau cho các trường hợp

khác nhau khi sản xuất sản phẩm mà nguồn nguyên liệu là nguyên liệu tự nhiên với khi sản xuất sản phẩm mà nguồn nguyên liệu được sử dụng từ nguồn thải của quy trình trước, của doanh nghiệp khác, hoặc khi tái chế hoặc còn thiếu các quy phạm pháp luật quy định về ưu đãi thuế để khuyến khích phát triển kinh tế tuần hoàn, tối ưu hoá các phương thức sử dụng tài nguyên là nguồn chất thải và còn thiếu những quy định về loại thuế cần có cho phát triển kinh tế tuần hoàn (chẳng hạn, chưa có quy định về thuế carbon,...).

Nhìn chung pháp luật về ngân sách nhà nước, về tín dụng, phí,... cho phát triển KTTH đang được quy định rải rác ở nhiều loại văn bản pháp luật khác nhau và cũng còn nhiều quy định chồng chéo, khó thực hiện.

Hai là, hạn chế trong tổ chức thực hiện quy định pháp luật, chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn

Trong tổ chức, thực hiện: thiếu cơ chế khuyến khích và hỗ trợ. Chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng xanh, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp tuần hoàn còn hạn chế và chưa rõ ràng. Chưa có cơ chế tài chính bền vững để hỗ trợ các dự án thử nghiệm, chuyển đổi mô hình sản xuất. Thiếu hướng dẫn thực thi cụ thể. Nhiều địa phương và doanh nghiệp còn lúng túng trong việc áp dụng mô hình tuần hoàn do thiếu hướng dẫn kỹ thuật, tiêu chí đánh giá. Cơ chế thử nghiệm (sandbox) chưa được triển khai rộng rãi, dẫn đến khó khăn trong đổi mới sáng tạo. Thiếu sự phối hợp liên ngành: Việc triển khai còn phân tán giữa các bộ ngành như Bộ KH&ĐT, Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT, Bộ Công Thương... mà chưa có cơ chế điều phối thống nhất. Thiếu liên kết giữa chính sách môi trường, công nghiệp, nông nghiệp và tài chính; Nhận thức và năng lực thực thi còn yếu. Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là vừa và nhỏ, chưa hiểu rõ về kinh tế tuần hoàn và lợi ích lâu dài. Cán bộ quản lý ở địa phương chưa được đào tạo bài bản về mô hình tuần hoàn. Do vậy:

- Tài nguyên thiên nhiên vẫn đang bị khai thác và sử dụng chưa thật sự tiết kiệm, hiệu quả. Tình trạng lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên còn phổ biến như: đất đai của các dự án chậm đưa vào sử dụng, để hoang hóa, đất của các nông lâm trường, các dự án bị dừng thực hiện sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Khai thác trái phép tài nguyên khoáng sản; tài nguyên nước còn sử dụng lãng phí,

hiệu quả sử dụng còn thấp, nhất là trong nông nghiệp.

Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cả nước có khoảng 5.000 mỏ khoáng sản quy mô khác nhau đang hoạt động, với hơn 60 loại khoáng sản; trong đó một số loại có trữ lượng lớn như bauxit gần 900 triệu tấn, quặng apatit khoảng hơn 130 triệu tấn, quặng sắt khoảng trên 40 triệu tấn, đá hoa trắng làm bột carbonat canxi gần 500 triệu tấn, than khoảng 550 triệu tấn... [123]. Đây là nguồn tài nguyên khoáng sản quý giá của đất nước, song quá trình khai thác và sử dụng thời gian qua lại chưa thực sự hiệu quả, gây thất thoát và lãng phí rất lớn, dẫn đến những hệ lụy về xã hội, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng gây bức xúc trong dư luận. Một trong những nguyên nhân quan trọng của tình trạng trên là bởi hệ thống pháp luật hiện hành đang có nhiều “khoảng trống,” hay nói cách khác là tạo “khe hở” cho những sai phạm. Cùng với đó là quá trình giám sát, kiểm tra, quản lý tại các địa phương cũng bị buông lỏng nên hiệu quả khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản không cao.

Theo thống kê, mỗi năm Việt Nam thải ra khoảng 3,1 triệu tấn rác thải nhựa, trong đó chỉ khoảng 27% được tái chế hoặc xử lý đúng cách. Phần còn lại chủ yếu bị chôn lấp, đốt bỏ hoặc trôi dạt ra sông, suối, biển cả [56]. Tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, tình trạng rác thải nhựa xuất hiện dày đặc trên đường phố, kênh rạch và bãi biển ngày càng phổ biến. Các loại rác nhựa như túi nilon, hộp xốp, chai nhựa, ống hút, ly nhựa dùng một lần... trở thành hình ảnh quen thuộc nhưng đầy báo động về sự suy thoái môi trường. Không chỉ gây mất mỹ quan đô thị, rác thải nhựa còn ảnh hưởng trực tiếp đến hệ động thực vật, gây ngập úng,...

- Báo cáo triển vọng năng lượng Việt Nam 2019 (EOR 2019) cho thấy, Việt Nam trở thành một nước nhập khẩu năng lượng, nhập khẩu than kể từ 2015 và xu hướng này ngày càng tăng. Từ năm 2020 - 2030, nhập khẩu nhiên liệu tăng gấp 3 và 2050 sẽ tăng gấp 8 lần so với 2019. Điều này cho thấy, có 3/4 năng lượng tiêu thụ của Việt Nam là từ nguồn nhập khẩu. Trước thực trạng trên, Chính phủ đã đặt ra mục tiêu đến năm 2025, Việt Nam thúc đẩy chuyển các nguồn năng lượng tái tạo như gió, mặt trời và sinh khối vào hệ thống điện quốc gia, hướng tới việc sản

xuất và sử dụng 62 MTOE năng lượng tái tạo vào năm 2030 và tăng lên 138 MTOE vào năm 2050, với tỷ trọng năng lượng tái tạo dự kiến đạt 32,3% vào năm 2030 và 44% vào năm 2050. Việc phát triển năng lượng tái tạo không chỉ đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính mà còn tạo nền tảng cho sự an toàn và ổn định năng lượng dài hạn.

Việc sử dụng các vật liệu tái tạo còn hạn chế, với điện gió ngoài khơi, hiện quy định pháp lý chưa đủ để triển khai đầu tư dự án và trên thực tế chưa có dự án điện gió ngoài khơi nào trong Quy hoạch điện VIII được triển khai. Theo đó, mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam có 6.000 MW điện gió ngoài khơi như đặt ra trong Quy hoạch điện VIII rất khó hoàn thành... Khung khổ pháp lý về năng lượng tái tạo còn thiếu đồng bộ nên chưa khuyến khích được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực này. Cùng với đó, hiện còn thiếu các quy chuẩn, tiêu chuẩn sử dụng công nghệ năng lượng tái tạo, điều này gây khó khăn cho chủ đầu tư các dự án, cũng như cho các cơ quan quản lý nhà nước.

- Mô hình KTTH ở Việt Nam tuy đã được khởi động và có những bước tiến đáng kể, nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế cả về quy mô lẫn chất lượng.

Hạn chế về quy mô, triển khai còn nhỏ lẻ, phân tán. Phần lớn các mô hình tuần hoàn mới chỉ dừng ở quy mô hộ gia đình, hợp tác xã hoặc một vài doanh nghiệp tiên phong. Chưa hình thành được các chuỗi giá trị tuần hoàn liên ngành hay liên vùng; Thiếu liên kết giữa các bên: doanh nghiệp, địa phương, viện nghiên cứu và tổ chức xã hội chưa có cơ chế phối hợp chặt chẽ. Thiếu nền tảng dữ liệu chung để chia sẻ thông tin về nguyên liệu, chất thải, công nghệ tái chế; Chưa có vùng kinh tế tuần hoàn điển hình: Việt Nam chưa có khu vực nào được quy hoạch bài bản theo mô hình kinh tế tuần hoàn tổng thể như các “eco-region” ở châu Âu.

Hạn chế về chất lượng do thiếu tiêu chuẩn và công nghệ. Chưa có bộ tiêu chuẩn quốc gia cho sản phẩm tuần hoàn, quy trình tái chế, cộng sinh công nghiệp. Công nghệ xử lý chất thải, tái chế còn lạc hậu, hiệu suất thấp. Đồng thời, thiếu cơ chế giám sát và đánh giá. Chưa có hệ thống đánh giá hiệu quả mô hình tuần hoàn theo các chỉ số cụ thể như vòng đời sản phẩm, tỷ lệ tái chế, giảm phát thải. Việc báo cáo EPR (trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất) còn mang tính hình thức.

Nhận thức và năng lực thực thi phát triển KTTH còn yếu. Nhiều doanh nghiệp chưa hiểu rõ lợi ích dài hạn của KTTH. Cán bộ quản lý địa phương thiếu kiến thức chuyên môn để hướng dẫn và giám sát triển khai.

Ba là, hạn chế về ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và năng lực kiểm tra, giám sát tiêu chuẩn, mục tiêu phát triển KTTH.

Công nghệ sản xuất ở Việt Nam còn lạc hậu, thiếu đồng bộ. Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), vẫn sử dụng công nghệ sản xuất truyền thống, tiêu tốn năng lượng và nguyên liệu. Công nghệ tái chế rác thải, nhựa, kim loại chưa đạt chuẩn quốc tế, dẫn đến chất lượng sản phẩm tái chế thấp, khó cạnh tranh. Kết quả phân thực trạng cũng đã cho thấy, đầu tư cho KH&CN trong KTTH mới chiếm khoảng 15-20% tổng chi KH&CN quốc gia, chưa tương xứng với nhu cầu. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn ưu đãi để đổi mới công nghệ tuần hoàn. Đội ngũ nghiên cứu về KTTH còn mỏng, thiếu chuyên gia về công nghệ tái chế, năng lượng sinh học, vật liệu tuần hoàn. Liên kết giữa viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp chưa chặt chẽ, dẫn đến kết quả nghiên cứu khó thương mại hóa. Chưa có quỹ KH&CN chuyên biệt cho KTTH, khiến các dự án nghiên cứu khó duy trì lâu dài. Các startup công nghệ xanh còn nhỏ lẻ, thiếu hỗ trợ về chính sách và thị trường. Việt Nam chưa tận dụng đầy đủ nguồn vốn và công nghệ từ EU, Nhật Bản, Hàn Quốc - những quốc gia đi đầu về KTTH. Việc chuyển giao công nghệ tuần hoàn còn chậm, thiếu cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tiếp nhận.

Nhìn chung hạn chế lớn nhất hiện nay là thiếu vốn, thiếu công nghệ hiện đại, thiếu nhân lực chất lượng cao và thiếu hệ sinh thái đổi mới sáng tạo chuyên biệt cho KTTH. Đây là những điểm nghẽn cần tháo gỡ để KTTH ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn. Với những hạn chế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển KTTH nêu trên đã dẫn tới hệ quả, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu còn thấp. Tỷ lệ tái chế, tái sử dụng nguyên liệu chưa cao (ví dụ: nhựa tái chế mới đáp ứng khoảng 15-20% nhu cầu). KTTH mới dừng ở mức thí điểm, chưa nhân rộng thành mô hình phổ biến.

3.1.4. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế mới ở Việt Nam nên nhận thức của các cấp, ngành, doanh nghiệp và người dân chưa cao.

KTTH là một khái niệm mới trong hệ thống pháp luật Việt Nam, chỉ mới được chính thức đưa vào Luật Bảo vệ Môi trường 2020. Việc hiểu và vận dụng khái niệm này còn hạn chế ở nhiều cấp quản lý, doanh nghiệp và cộng đồng; Nhận thức và năng lực thực thi còn yếu. Nhiều địa phương, doanh nghiệp chưa hiểu rõ lợi ích dài hạn của kinh tế tuần hoàn. Thiếu đội ngũ chuyên gia, cán bộ quản lý được đào tạo bài bản về mô hình này. Chưa có Luật KTTH riêng biệt để điều chỉnh toàn diện các hoạt động liên quan. Thiếu các tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm tuần hoàn, quy trình tái chế, cộng sinh công nghiệp, khiến việc triển khai thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng. Còn phân tán trong quản lý nhà nước về phát triển kinh tế tuần hoàn. Nhiều bộ ngành cùng tham gia (KH&ĐT, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, ...) nhưng chưa có cơ chế điều phối thống nhất. Chính sách giữa các lĩnh vực như môi trường, đầu tư, công nghiệp, nông nghiệp... chưa được tích hợp theo hướng tuần hoàn; Thiếu cơ chế khuyến khích và hỗ trợ. Chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng xanh, hỗ trợ đầu tư cho mô hình tuần hoàn còn mờ nhạt, chưa đủ hấp dẫn để thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi. Thiếu quỹ hỗ trợ chuyển đổi tuần hoàn hoặc cơ chế tài chính xanh rõ ràng; Thiếu công cụ giám sát và đánh giá. Chưa có hệ thống chỉ số, tiêu chí đánh giá hiệu quả mô hình tuần hoàn. Việc thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) còn mang tính hình thức, thiếu kiểm tra và chế tài.

Thứ hai, kinh tế tuần hoàn đòi hỏi thay đổi tư duy và nguồn lực nhưng Việt Nam chưa chuyển đổi và đáp ứng kịp thời.

Phát triển KTTH không chỉ là câu chuyện kỹ thuật hay chính sách, mà là một cuộc chuyển đổi tư duy toàn diện - từ cách sản xuất, tiêu dùng đến quản lý tài nguyên. Tại Việt Nam, quá trình này đang diễn ra nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về cả tư duy lẫn nguồn lực.

Tư duy về phát triển KTTH chưa chuyển đổi mạnh mẽ. Doanh nghiệp vẫn quen với mô hình tuyến tính: khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ. Việc đầu tư vào thiết kế sản phẩm dễ tái chế, kéo dài vòng đời hay thu hồi sau sử dụng còn rất

hạn chế. Người tiêu dùng chưa có thói quen lựa chọn sản phẩm xanh, tái chế, hoặc phân loại rác tại nguồn. Cơ quan quản lý còn xem kinh tế tuần hoàn là nhiệm vụ của ngành môi trường, chưa tích hợp vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Các nguồn lực đầu tư cho phát triển KTTH chưa đủ mạnh. Về tài chính: thiếu quỹ hỗ trợ chuyển đổi tuần hoàn, đặc biệt cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tín dụng xanh còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng dư nợ, chưa có cơ chế ưu đãi rõ ràng; Về công nghệ: Công nghệ tái chế, xử lý chất thải còn lạc hậu, hiệu suất thấp. Thiếu nền tảng số để quản lý vòng đời sản phẩm, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu tái chế; Về nhân lực: Thiếu chuyên gia, kỹ sư, cán bộ quản lý am hiểu về kinh tế tuần hoàn. Đào tạo trong trường đại học, viện nghiên cứu chưa tích hợp đầy đủ nội dung tuần hoàn; Hệ quả: Nhiều mô hình tuần hoàn chỉ dừng ở mức thử nghiệm, chưa nhân rộng. Chất thải vẫn chủ yếu được chôn lấp, tỷ lệ tái chế thấp. Việt Nam chưa tận dụng được tiềm năng kinh tế từ chất thải và phụ phẩm.

Thứ ba, bộ máy quản lý liên quan đến các nội dung phát triển kinh tế tuần hoàn còn bị phân tán.

Phát triển KTTH do nhiều cơ quan quản lý, nhiều bộ ngành cùng tham gia (Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Nông nghiệp & Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính...) nhưng chưa có cơ quan đầu mối điều phối xuyên suốt. Chính sách giữa các lĩnh vực như môi trường, công nghiệp, nông nghiệp, tài chính... chưa được tích hợp theo tư duy tuần hoàn.

Bộ máy quản lý phát triển KTTH thiếu năng lực chuyên môn và nhân lực. Cán bộ quản lý ở nhiều địa phương chưa được đào tạo bài bản về KTTH. Thiếu chuyên gia tư vấn, kỹ thuật viên có khả năng triển khai mô hình tuần hoàn trong thực tế.

Chưa có hệ thống giám sát và đánh giá hiệu quả việc phát triển KTTH. Việc thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) còn mang tính hình thức, thiếu công cụ kiểm tra và chế tài. Chưa có bộ chỉ số quốc gia để đo lường hiệu quả kinh tế tuần hoàn như tỷ lệ tái chế, vòng đời sản phẩm, giảm phát thải. Thiếu cơ chế hỗ trợ và khuyến khích phát triển KTTH. Chính sách ưu đãi đầu tư, thuế, tín dụng xanh chưa rõ ràng hoặc chưa được triển khai đồng bộ. Thiếu quỹ hỗ trợ chuyển đổi

mô hình sản xuất tuần hoàn, đặc biệt cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Những hạn chế nêu trên cho thấy chủ yếu do quản lý nhà nước về phát triển KTTH chưa phát huy được vai trò của mình từ năng lực cụ thể hóa chủ trương, cương lĩnh của Đảng về phát triển KTTH tới, hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, bộ máy quản lý nhà nước về phát triển KTTH chưa đáp ứng yêu cầu.

3.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.2.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu Nhà nước cung cấp đủ văn bản pháp luật phát triển kinh tế tuần hoàn với thực trạng chính sách pháp luật về phát triển kinh tế tuần hoàn hiện nay chưa đầy đủ và đồng bộ

Phát triển KTTH cần đến sự tham gia và hoàn thiện của nhiều yếu tố, như: Yếu tố thể chế, chính sách, pháp luật; Yếu tố quản trị; Yếu tố trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong thực hiện kinh tế tuần hoàn; Yếu tố văn hóa, ý thức, trách nhiệm và hành vi trong quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, BVMT; Yếu tố phát triển của khoa học và công nghệ. Trong đó, văn bản pháp luật về phát triển KTTH là yêu cầu trọng yếu, góp phần hoàn thiện cơ chế pháp lý thúc đẩy KTTH ở nước ta. Tuy nhiên, ở Việt Nam, mặc dù cơ chế pháp lý thúc đẩy KTTH đã hình thành và đang được tiếp tục xây dựng, nhưng chưa có văn bản pháp luật chuyên ngành về KTTH. Đồng thời, khung chính sách và pháp lý về phát triển mô hình KTTH mới bắt đầu nghiên cứu, chưa được hoàn thiện. Một số công cụ chính sách chưa đồng bộ, thống nhất để điều tiết hiệu quả hành vi của các chủ thể về các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng minh bạch, công bằng, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững trong nền kinh tế chưa đầy đủ; chưa tạo ra các áp lực tài chính và động lực để thúc đẩy đổi mới công nghệ, nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, người tiêu dùng nhằm thực hiện các mục tiêu của KTTH.

Mặt khác, sự thiếu thống nhất, đồng bộ giữa các quy định pháp luật, nhất là giữa Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Xây dựng... sẽ dẫn đến tính khả thi thấp của các quy định liên quan đến phát triển kinh tế tuần hoàn. Các quy định về KTTH tại Luật Bảo vệ môi trường (2020) là rất mới, trong khi các luật khác đã ban hành trước đây chưa kịp bổ sung về nội dung này để đảm bảo sự đồng bộ. Đến nay,

một số cơ chế, chính sách liên quan đang trong quá trình hoàn thiện ở cả cấp Trung ương và địa phương. Ngoài ra, việc đưa nội dung về kinh tế tuần hoàn vào các quy định, kế hoạch hành động, lộ trình thực hiện có liên quan đến doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn là một trở ngại lớn cho tính khả thi của mô hình này.

Hơn nữa, quy định pháp luật về KTTH còn thiếu cơ chế bảo đảm áp dụng và thực thi hiệu quả trên thực tế. Phát triển KTTH đã và đang là một xu hướng phát triển mạnh mẽ ở nhiều quốc gia trên thế giới - trong đó có Việt Nam bởi chính những lợi ích về cả kinh tế, môi trường và xã hội được kỳ vọng sẽ mang lại như: tạo ra cơ hội tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và giảm tác động môi trường, thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, cơ chế bảo đảm thực thi pháp luật về KTTH ở Việt Nam hiện nay còn chưa đầy đủ và hiệu quả như: thiếu các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận hiệu quả với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường; thiếu quy định bảo đảm áp dụng thống nhất chính sách quản lý chất thải theo Luật bảo vệ môi trường năm 2020; chưa có quy định về các thiết chế bảo đảm thực thi hiệu quả chính sách về phát triển KTTH trên thực tế... Theo đó, Đảng ta đã nhận định: “Việc nghiên cứu, xây dựng chiến lược, kế hoạch quy hoạch tổng thể về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung và của từng ngành, từng lĩnh vực, các sản phẩm chiến lược nói riêng còn chậm, chất lượng thấp, thiếu tầm nhìn xa, còn nhiều lúng túng, vừa chông chéo vừa có khuynh hướng chia cắt, cục bộ. Thể chế, cơ chế, chính sách, chất lượng, năng lực của bộ máy còn nhiều hạn chế. Việc ban hành một số cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa sát thực tiễn” [36, tr.90-91]. Các quy định về KTTH cũng mới chỉ dừng lại ở mức độ khung, chưa có dẫn chiếu đến các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trước đó để tạo ra hành lang pháp lý đồng bộ cho việc phát triển mô hình kinh tế này ở Việt Nam hiện nay.

3.2.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu Nhà nước phải thực thi chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn hiệu quả với thực trạng thực thi chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn hiện nay còn hạn chế

Hiện nay, Việt Nam chưa có một bộ máy nhà nước chuyên trách riêng về phát triển KTTH, điều này dẫn đến việc triển khai các chính sách còn phân tán và

thiếu sự điều phối thống nhất. Các hoạt động liên quan đến KTTH chủ yếu được lồng ghép trong chiến lược tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường hoặc phát triển bền vững, nhưng chưa có cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm toàn diện. Sự thiếu vắng bộ máy chuyên trách khiến cho việc ban hành khung pháp lý, giám sát thực thi, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân chưa được đồng bộ, dẫn đến hiệu quả chuyển đổi còn hạn chế. Do đó, việc thành lập một cơ quan chuyên trách sẽ giúp tập trung nguồn lực, xây dựng chính sách nhất quán, thúc đẩy hợp tác công - tư và nâng cao nhận thức xã hội, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho phát triển KTTH ở Việt Nam.

Trình độ, năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ thực thi chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn hiện nay còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ, công chức là nhân tố quan trọng hàng đầu có vai trò quyết định đến hiệu quả tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Hiệu quả của việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung, trong phát triển KTTH nói riêng phụ thuộc trước hết vào phẩm chất, năng lực của cán bộ, công chức Nhà nước; đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý Nhà nước ở các vị trí chủ chốt, đứng đầu các cơ quan chức năng trong Bộ máy Nhà nước.

Vai trò định hướng, điều tiết và khuyến khích phát triển KTTH của Nhà nước hiện nay vẫn chưa thực sự hiệu quả, còn tồn tại nhiều hạn chế. Hệ thống chính sách và khung pháp lý về KTTH chưa đồng bộ, thiếu cơ quan chuyên trách để điều phối, dẫn đến việc triển khai còn rời rạc và thiếu sự giám sát chặt chẽ. Các cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia như ưu đãi thuế, tín dụng xanh hay hỗ trợ công nghệ chưa rõ ràng, chưa đủ sức hấp dẫn để thúc đẩy chuyển đổi. Đồng thời, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về KTTH còn hạn chế, khiến hành vi tiêu dùng xanh chưa được phổ biến rộng rãi. Chính vì vậy, vai trò của Nhà nước trong việc định hướng và điều tiết phát triển KTTH vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, cần được tăng cường để tạo nền tảng vững chắc cho quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế bền vững.

Việc hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tham gia đổi mới mô hình KTTH hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, khiến quá trình chuyển đổi chưa đạt hiệu quả như mong

muốn. Các chính sách khuyến khích chưa thực sự rõ ràng, thiếu cơ chế ưu đãi về vốn, thuế và tín dụng xanh để tạo động lực cho doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ tái chế, sản xuất sạch hơn. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về KTTH chưa được triển khai đồng bộ, dẫn đến hành vi tiêu dùng xanh chưa phổ biến rộng rãi. Ngoài ra, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người dân còn rời rạc, thiếu một đầu mối chuyên trách để điều phối và giám sát. Chính vì vậy, việc hỗ trợ đổi mới mô hình KTTH vẫn chưa tạo được nền tảng vững chắc, cần có sự cải thiện mạnh mẽ về khung pháp lý, cơ chế tài chính, đào tạo nhân lực và truyền thông xã hội để thúc đẩy sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và người dân.

Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, tổ chức đảng các cấp chưa làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho người dân và doanh nghiệp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; thấy lợi ích trước mắt về kinh tế mà chưa tính đến việc bảo đảm phát triển bền vững trong mỗi một chủ trương, dự án. Theo đó, Đảng ta đã nhận định: Chúng ta “Chưa nhận thức đầy đủ và xử lý tốt quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu” [37, tr.86].

Việc thực thi chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH có hiệu quả hay không phụ thuộc không nhỏ vào nhận thức và sự ủng hộ của toàn thể xã hội. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, nhận thức về KTTH và sự cần thiết để chuyển đổi sang phát triển mô hình kinh tế mới vẫn còn nhiều hạn chế. Thói quen tiêu dùng của người dân cũng chưa thực sự sẵn sàng cho sự thay đổi gắn với tiêu dùng xanh. Bởi vậy, “những nhận thức đúng về kinh tế tuần hoàn cần được thực hiện từ khâu nguyên liệu đầu vào, thiết kế, tiêu dùng, triển khai, tái sử dụng, tái chế và khâu phân thải loại đối với từng ngành, từng lĩnh vực và cần được sự đồng thuận, thống nhất từ lãnh đạo, các cấp quản lý tới từng doanh nghiệp và người dân” [37, tr.90].

Ngoài ra, các nguồn lực trên ở nước ta hiện nay để thực hiện kinh tế tuần hoàn vẫn còn yếu. KTTH đòi hỏi phải gắn với đổi mới khoa học, tiếp cận công nghệ tiên tiến. Bên cạnh đó, để phát triển KTTH đòi hỏi phải có đội ngũ chuyên gia giỏi để giải quyết tốt các vấn đề từ khâu đầu đến khâu cuối của cả quá trình tái sản xuất.

Hiện nay các chuyên gia này ở Việt Nam phần lớn chưa được đào tạo và cũng chưa có chuyên ngành đào tạo, trong khi phần lớn công nghệ còn lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ lẻ. Hiện nay, chúng ta đang thiếu các doanh nghiệp có đủ năng lực công nghệ về tái chế, tái sử dụng các sản phẩm đã qua sử dụng; các doanh nghiệp vừa và nhỏ khó có khả năng đầu tư công nghệ để tạo ra sự thay đổi về chất trong sản xuất, tái chế [8]. Bên cạnh đó, các điều kiện về pháp lý, kết cấu hạ tầng cho phát triển KTTH còn thiếu, nhiều bất cập, gây khó khăn cho việc triển khai các mô hình kinh doanh mới.

Đồng thời, thiếu nguồn lực tài chính trong các doanh nghiệp nhằm phát triển KTTH cũng là vấn đề thách thức đối với quản lý Nhà nước. Theo khảo sát năm 2021 của Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) và Công ty Cổ phần tư vấn EPRO, trong số 54% số doanh nghiệp gặp khó khăn khi chuyển đổi mô hình theo hướng tuần hoàn có gần 48% doanh nghiệp cho biết đang gặp khó khăn về tài chính, chiếm tỷ lệ cao nhất trong các khó khăn (công nghệ, kỹ thuật là 43% và chính sách là 34%) [79].

3.2.3. Mâu thuẫn giữa yêu cầu Nhà nước phải đầu tư tài chính, khoa học, công nghệ và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện phát triển kinh tế tuần hoàn với thực trạng vấn đề này còn nhiều hạn chế

Mâu thuẫn giữa yêu cầu Nhà nước phải đầu tư tài chính cho KTTH và thực trạng hạn chế hiện nay là một điểm nghẽn lớn bởi, KTTH là xu thế tất yếu để đạt mục tiêu phát triển bền vững và Net Zero 2050. Trong đó, Nhà nước có vai trò then chốt trong việc tạo lập môi trường pháp lý, cơ chế tài chính và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi sang mô hình tuần hoàn. Đồng thời, Nhà nước đầu tư tài chính từ ngân sách nhà nước, quỹ môi trường, quỹ KH&CN là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tuần hoàn và nhân rộng mô hình. Tuy nhiên, tỷ trọng vốn ngân sách dành cho KTTH còn thấp, mới chiếm khoảng 15-20% tổng chi cho KH&CN và môi trường. Vốn đầu tư chưa tập trung, nhiều dự án nhỏ lẻ, thiếu tính liên kết và hiệu quả tổng thể. Vì vậy, doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp khó khăn trong việc tiếp cận các khoản vay ưu đãi, tín dụng xanh. Hiện nay ở Việt nam cũng chưa có quỹ tài chính quốc gia riêng cho KTTH, dẫn đến việc hỗ trợ còn mang tính

lồng ghép, chưa đủ mạnh.

Thực tế đang xuất hiện một số mâu thuẫn nổi bật giữa yêu cầu cao về tài chính với thực tế còn thấp. Trong khi yêu cầu đầu tư tài chính cho KTTH ngày càng cấp thiết để đáp ứng cam kết quốc tế và nhu cầu trong nước, thực tế nguồn lực lại hạn chế. Chính phủ đã ban hành chiến lược KTTH đến 2030, tầm nhìn 2050, nhưng phân bổ ngân sách hàng năm chưa tương xứng. Doanh nghiệp muốn đổi mới công nghệ tuần hoàn nhưng thiếu nguồn vốn, trong khi Nhà nước chưa có cơ chế tài chính mạnh mẽ để đáp ứng.

Mâu thuẫn giữa Nhà nước chủ trương đầu tư mạnh mẽ vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, nhưng nền tảng khoa học - công nghệ trong nước vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ và chưa đủ năng lực cạnh tranh quốc tế.

Chủ trương và định hướng của Nhà nước là đầu tư mạnh mẽ vào phát triển KH&CN cho phát triển KTTH. Chính phủ Việt Nam coi khoa học & công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực tăng trưởng, đặc biệt trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, sản xuất thông minh. Vì vậy đã tích cực hoàn thiện thể chế, trên cơ sở đó, Luật Công nghệ cao đang được sửa đổi nhằm tạo hành lang pháp lý minh bạch, ổn định, thu hút đầu tư và khuyến khích doanh nghiệp đổi mới. Mục tiêu dài hạn của Việt Nam là làm chủ và ứng dụng công nghệ tiên tiến để cải cách toàn diện các ngành nghề, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Nhưng thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, công nghệ còn lạc hậu, nhiều ngành sản xuất vẫn dựa vào công nghệ trung bình - thấp, thiếu khả năng tự chủ trong nghiên cứu và phát triển. Đội ngũ nghiên cứu khoa học chưa đủ đông và chưa được đào tạo bài bản theo chuẩn quốc tế. Đầu tư cho hạ tầng công nghệ còn thấp so với các nước trong khu vực, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai các mô hình KTTH. Chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo chưa thực sự gắn kết với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, khiến việc ứng dụng công nghệ vào sản xuất còn chậm.

Những yêu cầu và thực trạng nêu trên dẫn tới mâu thuẫn: Nhà nước đặt mục tiêu cao về phát triển KTTH dựa trên công nghệ, nhưng nền tảng khoa học - công nghệ chưa đủ mạnh để hiện thực hóa. Có nhiều chương trình hỗ trợ, kết quả ứng

dụng vào sản xuất và đời sống chưa tương xứng. Việt Nam muốn tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, nhưng công nghệ nội địa chưa đạt chuẩn để cạnh tranh. Mâu thuẫn này phản ánh khoảng cách giữa chính sách định hướng và thực trạng nền tảng khoa học - công nghệ trong nước. Nếu không giải quyết, mục tiêu phát triển KTTH sẽ khó đạt hiệu quả.

Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chiến lược về KTTH. Tuy nhiên, hệ thống kiểm tra - giám sát chưa đồng bộ, dẫn đến khoảng cách giữa văn bản pháp luật và thực tế triển khai. Các tiêu chí, chỉ số đánh giá KTTH còn chung chung, thiếu chuẩn mực cụ thể. Do đó, các doanh nghiệp khó biết phải báo cáo theo chuẩn nào, dẫn đến kết quả đánh giá thiếu tính so sánh. Nhiều cơ quan quản lý và chồng chéo nhiệm vụ. Bộ Nông nghiệp & Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ KH&CN... đều tham gia giám sát, kiểm tra, đánh giá các mô hình, tiêu chuẩn phát triển KTTH nhưng chưa có cơ chế phối hợp rõ ràng, gây trùng lặp, thậm chí mâu thuẫn trong cách đánh giá.

Chính phủ đặt mục tiêu cao về phát triển KTTH. Song năng lực giám sát của địa phương, doanh nghiệp và tổ chức xã hội còn hạn chế, thiếu nhân lực chuyên môn. Hệ thống thống kê, báo cáo về tuần hoàn tài nguyên, tái chế, phát thải chưa đầy đủ. Doanh nghiệp coi báo cáo giám sát là gánh nặng hành chính, chưa thấy lợi ích kinh tế. Thiếu cơ chế khuyến khích và chế tài trong kiểm tra, giám sát. Thực tế kiểm tra chủ yếu mang tính hình thức, chưa có biện pháp thưởng - phạt rõ ràng. Nhiều chương trình chỉ kiểm tra theo năm, chưa có đánh giá dài hạn về hiệu quả tuần hoàn. Năng lực kiểm tra, giám sát của đội ngũ cán bộ kiểm tra, giám sát và KTTH cũng còn bất cập về trình độ, nhận thức, thái độ và đạo đức nghề nghiệp.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế tuần hoàn (được định hình từ Đại hội XII của Đảng), Nhà nước đã thực hiện vai trò quản lý thông qua việc ban hành hệ thống văn bản pháp luật và các văn bản pháp luật; thực thi và kiểm tra, giám sát việc thực thi hệ thống văn bản quản lý Nhà nước về phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Theo đó, công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực

này đã đạt được những thành tựu nhất định, nhất là trong nội dung về hạn chế khai thác nguyên liệu, nhiên vật liệu, kéo dài tuổi thọ của sản phẩm trong hoạt động sản xuất, trao đổi, tiêu dùng và dịch vụ cũng như trong hạn chế chất thải phát sinh nhằm giảm thiểu ô nhiễm và tác động xấu đến môi trường.

Tuy nhiên, vai trò của Nhà nước trong thực hiện nội dung của kinh tế tuần hoàn hiện nay ở Việt Nam vẫn còn những hạn chế. Điều đó đang đặt ra những vấn đề cần giải quyết: Đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu phát huy vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế tuần hoàn với sự hạn chế về trình độ, năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ công chức trong bộ máy nhà nước, trong đó có việc xây dựng, thực thi, giám sát việc thực thi chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế tuần hoàn; Mâu thuẫn giữa yêu cầu phát huy vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế tuần hoàn với nhận thức của đội ngũ cán bộ và của xã hội về kinh tế tuần hoàn còn hạn chế; Mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế tuần hoàn với những bất cập về nguồn lực, nhất là nguồn lực công nghệ, kết cấu hạ tầng, nguồn lực tài chính. Do vậy, cần xây dựng bộ chỉ số chuẩn về kinh tế tuần hoàn, áp dụng thống nhất toàn quốc. Ứng dụng công nghệ số trong giám sát (blockchain, big data) để minh bạch dữ liệu. Phân định rõ trách nhiệm giữa các bộ ngành, tránh chồng chéo. Đánh giá dài hạn theo chu kỳ 3-5 năm để đo lường hiệu quả thực sự.

Chương 4**GIẢI PHÁP CƠ BẢN PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030 VÀ
TẦM NHÌN 2045****4.1. NHÓM GIẢI PHÁP VỀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC
TRONG XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN****4.1.1. Giải pháp ban hành nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế
tuần hoàn**

Việt Nam đang đối mặt với ô nhiễm môi trường, BĐKH, suy giảm tài nguyên thiên nhiên. Trong khi KTTH đã trở thành định hướng phát triển tất yếu ở nhiều quốc gia, gắn với mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc. Hiện tại nền kinh tế Việt Nam vẫn dựa nhiều vào mô hình tuyến tính “khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ”, gây lãng phí và khó cạnh tranh. KTTH ở Việt Nam đã có bước phát triển nhưng còn khiêm tốn. Vì vậy, việc ban hành nghị quyết của Đảng về phát triển KTTH là cần thiết và cấp bách, nhằm tạo nền tảng chính trị - pháp lý vững chắc, định hướng chiến lược dài hạn, đồng thời khắc phục những bất cập trong thực tiễn triển khai.

Để phát triển KTTH, phải bắt đầu từ việc xác định chủ trương, quan điểm và xây dựng thể chế cho KTTH. Vì vậy, trước hết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, XIV cần ban hành một nghị quyết chuyên đề về phát triển KTTH. Nghị quyết chuyên đề phát triển KTTH khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong định hướng phát triển KTTH. Đồng thời, Nghị quyết chuyên đề phát triển KTTH sẽ giúp thống nhất nhận thức trong toàn hệ thống chính trị, từ trung ương đến địa phương. Trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước sẽ cụ thể hóa thành hệ thống pháp luật phát triển KTTH. Một nghị quyết chuyên đề sẽ là nền tảng để xây dựng Luật Kinh tế tuần hoàn, ban hành tiêu chuẩn quốc gia, và thiết lập cơ chế tài chính xanh. Trên cơ sở hệ thống pháp luật của Quốc hội, Chính phủ ban hành nghị định, chiến lược, kế hoạch phát triển KTTH. Đây là cơ sở để các bộ, ngành, địa phương

xây dựng và lồng ghép mục tiêu phát triển KTTH vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành mình, địa phương mình quản lý.

KTTH liên quan đến nhiều lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, tiêu dùng, tài chính... Nghị quyết chuyên đề về phát triển KTTH sẽ giúp thiết lập cơ chế điều phối liên ngành, tránh tình trạng “mạnh ai nấy làm”. Nghị quyết sẽ tạo niềm tin và động lực để các bên đầu tư, đổi mới sáng tạo và hợp tác. Nội dung nghị quyết nên bao gồm: nguyên tắc phát triển KTTH là: phát triển KTTH là xu thế tất yếu, là động lực phát triển mới. Mục tiêu cụ thể của Nghị quyết đến năm 2030, hình thành mô hình tuần hoàn trong các ngành trọng điểm (năng lượng, nông nghiệp, dệt may, xử lý rác thải). Đến năm 2045, KTTH trở thành nền tảng chủ đạo của nền kinh tế. Giải pháp phát triển KTTH là hoàn thiện thể chế, luật pháp về tuần hoàn tài nguyên; tăng đầu tư cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát minh bạch, có chế tài thưởng - phạt rõ ràng; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tiếp thu công nghệ tiên tiến.

4.1.2. Nhà nước rà soát, bổ sung hệ thống chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế tuần hoàn của Việt Nam hiện nay

Nhà nước cần tiến hành rà soát lại hệ thống chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH của Việt Nam hiện nay. Từ đó chỉ ra những pháp luật còn thiếu và chưa đầy đủ, đồng bộ về phát triển KTTH. Để khắc phục tình trạng hệ thống pháp luật và chính sách về phát triển KTTH ở Việt Nam còn thiếu và chưa đồng bộ, cần triển khai một loạt giải pháp mang tính chiến lược, đồng thời gắn với thực tiễn triển khai.

Việt Nam đã xác định kinh tế tuần hoàn là một trụ cột của phát triển bền vững, với định hướng lồng ghép vào hệ thống pháp luật hiện hành và ban hành kế hoạch hành động đến năm 2035 để thúc đẩy mô hình sản xuất - tiêu dùng bền vững, tối đa hóa sử dụng lại nguyên liệu và giảm chất thải phát sinh. Đồng thời, Việt Nam là nước đầu tiên ở ASEAN đưa quy định về áp dụng KTTH vào Luật Bảo vệ môi trường cùng với nhiều văn bản hướng dẫn, tạo nền móng pháp lý sớm cho chuyển đổi xanh. Tuy nhiên, một số quy định còn rời rạc giữa môi trường, đầu tư, thuế và thương mại; cần cơ chế điều phối thống nhất để giảm chi phí tuân thủ và tránh xung

đột pháp lý. Tiêu chuẩn hóa vật liệu tái chế còn thiếu. Thiếu chuẩn kỹ thuật và nhãn tín nhiệm cho vật liệu tái chế khiến doanh nghiệp khó mở rộng quy mô và tiếp cận thị trường xuất khẩu. Ưu đãi hiện hữu chưa đủ mạnh để bù chi phí chuyển đổi; cần thị trường tín chỉ carbon, ưu đãi thuế GTGT/thuế thu nhập cho sản phẩm tuần hoàn và mua sắm công xanh để tạo cầu ổn định. Doanh nghiệp nhỏ thiếu nguồn lực tuân thủ; cần cơ chế liên kết ngành, dịch vụ tuân thủ tập trung và số hóa báo cáo để giảm gánh nặng. Chưa có hệ thống chỉ số tuần hoàn chuẩn hóa; cần khung KPI quốc gia cho hiệu quả tài nguyên, cường độ phát thải và tỷ lệ tái chế theo ngành. Vì vậy, cần một “gói” chính sách đồng bộ: luật khung, tiêu chuẩn kỹ thuật, tài chính xanh, dữ liệu và cơ chế thị trường, triển khai theo ngành ưu tiên.

Trước hết, cần xây dựng Luật Kinh tế tuần hoàn nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho hành động. Hiện nay các quy định về phát triển KTTH còn nằm rải rác trong nhiều luật (BVMT, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư...), gây chồng chéo và khó thực thi. Một đạo luật riêng sẽ hệ thống hóa, đồng bộ hóa chính sách. Một đạo luật riêng để điều chỉnh toàn diện các hoạt động liên quan đến thiết kế sản phẩm, tái chế, tái sử dụng, cộng sinh công nghiệp, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR). Nghị quyết, kế hoạch hành động của Nhà nước về phát triển KTTH chỉ mang tính định hướng. Luật sẽ tạo tính pháp lý cao, bắt buộc các chủ thể phải tuân thủ. Luật KTTH sẽ quy định rõ cơ chế ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai cho doanh nghiệp áp dụng mô hình tuần hoàn. Luật KTTH sẽ đưa ra bộ tiêu chí, chỉ số chuẩn để đánh giá, đồng thời quy định chế tài xử phạt, thưởng - phạt minh bạch. Hơn nữa, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh, Việt Nam cần khung pháp lý tương thích với các hiệp định thương mại, tiêu chuẩn quốc tế về tuần hoàn và phát triển bền vững. Vì vậy, việc ban hành và triển khai thực hiện Luật KTTH là cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Nội dung trọng tâm cần có trong Luật KTTH: về nguyên tắc và định nghĩa, phải làm rõ khái niệm, phạm vi, đối tượng áp dụng. Về cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), cần quy định cụ thể lộ trình, tỷ lệ tái chế, tái sử dụng. Về chính sách khuyến khích cần có các ưu đãi thuế, tín dụng, đặc biệt hỗ trợ nghiên cứu - đổi mới sáng tạo. Về hệ thống giám sát - đánh giá, Luật cần xây dựng bộ chỉ

số quốc gia về KTTH và cơ chế báo cáo minh bạch. Trong phân công trách nhiệm, cần quy định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng giữa các bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

Sửa đổi, bổ sung các luật liên quan đến phát triển KTTH như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng... để tích hợp nguyên tắc tuần hoàn.

Luật Đầu tư sửa đổi năm 2025 [92] đã bổ sung nhiều nội dung liên quan đến KTTH, tập trung vào việc đưa các ngành nghề, dự án thân thiện môi trường vào diện ưu đãi đầu tư, đồng thời mở rộng cơ chế hỗ trợ đặc biệt cho doanh nghiệp áp dụng mô hình tuần hoàn, bổ sung ngành nghề ưu đãi đầu tư, các ngành nghề gắn với tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải, sản xuất sạch hơn được đưa vào danh mục ưu đãi đầu tư. Doanh nghiệp triển khai mô hình KTTH (ví dụ: sản xuất từ nguyên liệu tái chế, công nghệ tiết kiệm năng lượng) sẽ được hưởng ưu đãi thuế, đất đai. Bổ sung địa bàn ưu đãi đầu tư là các khu công nghiệp sinh thái, khu xử lý chất thải tập trung, hoặc địa bàn có định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn được xác định là địa bàn ưu đãi. Điều này khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các khu vực có định hướng phát triển bền vững. Bổ sung đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt đối với doanh nghiệp thực hiện dự án tuần hoàn tài nguyên, giảm phát thải carbon được đưa vào diện hưởng hỗ trợ đặc biệt. Nhà nước có thể hỗ trợ trực tiếp về vốn, tín dụng, hoặc hạ tầng cho các dự án này. Luật Đầu tư sửa đổi năm 2025 sửa đổi danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Một số ngành nghề liên quan đến xử lý chất thải, sản xuất năng lượng tái tạo được điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu về tuần hoàn và phát triển xanh. Quy định rõ hơn về tiêu chuẩn môi trường, công nghệ áp dụng. Luật mới tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp chuyển đổi từ mô hình tuyến tính sang tuần hoàn, ví dụ: từ “khai thác - sản xuất - thải bỏ” sang “tái chế - tái sử dụng - tái sản xuất”. Đây là bước đi chiến lược để Việt Nam bắt kịp xu hướng toàn cầu.

Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025 [93] cần bổ sung nhiều quy định nhằm thúc đẩy KTTH, tập trung vào trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp, khuyến khích đổi mới sáng tạo xanh, và tạo hành lang pháp lý cho mô hình sản xuất - kinh doanh tuần hoàn. Luật mới yêu cầu doanh nghiệp phải tích hợp mục tiêu PTBV và

tuần hoàn vào chiến lược hoạt động. Đây là bước cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng và Chính phủ về chuyển đổi sang kinh tế xanh, tuần hoàn. Bổ sung quy định về trách nhiệm tái chế, xử lý chất thải đối với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. Doanh nghiệp phải báo cáo định kỳ về việc sử dụng nguyên liệu, năng lượng và kết quả giảm phát thải. Doanh nghiệp áp dụng công nghệ tuần hoàn (tái chế, tái sử dụng, tiết kiệm năng lượng) được hưởng ưu đãi về thủ tục hành chính, tiếp cận vốn và hỗ trợ kỹ thuật. Khuyến khích hình thành doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp xanh gắn với tuần hoàn. Nhà nước có thể hỗ trợ trực tiếp về tín dụng xanh, quỹ đầu tư tuần hoàn, hoặc hạ tầng cho doanh nghiệp thực hiện dự án tuần hoàn. Luật yêu cầu doanh nghiệp công khai thông tin liên quan đến tác động môi trường, sử dụng tài nguyên. Tăng cường trách nhiệm giải trình, giúp nhà đầu tư và xã hội giám sát hiệu quả tuần hoàn. Như vậy, Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025 cần lồng ghép KTTH vào trách nhiệm và ưu đãi cho doanh nghiệp, mở đường cho Việt Nam chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình phát triển xanh.

Trong bối cảnh Việt Nam thúc đẩy kinh tế tuần hoàn như một trụ cột phát triển bền vững, việc sửa đổi và bổ sung Luật Xây dựng là cần thiết để ngành xây dựng - vốn tiêu thụ nhiều tài nguyên và phát sinh lượng lớn chất thải - trở thành lĩnh vực tiên phong trong chuyển đổi xanh. Các nội dung cần bổ sung, lồng ghép nội dung KTTH trong Luật Xây dựng là: Quy hoạch và thiết kế công trình, cần yêu cầu thiết kế tuần hoàn. Tức là các công trình xây dựng phải tính đến vòng đời sản phẩm, khả năng tháo dỡ, tái sử dụng vật liệu. Khuyến khích sử dụng vật liệu xanh, vật liệu tái chế (gạch không nung, thép tái chế, xi măng ít phát thải). Bổ sung tiêu chí tuần hoàn trong quy hoạch đô thị, khu công nghiệp sinh thái. Trong quản lý vật liệu xây dựng, Luật Xây dựng cần rà soát, bổ sung quy định về chuẩn kỹ thuật cho vật liệu tái chế để đảm bảo an toàn và chất lượng. Có cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp sản xuất, cung ứng vật liệu tuần hoàn. Quy định tỷ lệ bắt buộc sử dụng vật liệu tái chế trong các dự án công. Đặc biệt, trong quản lý chất thải xây dựng, Luật Xây dựng cần bổ sung trách nhiệm phân loại, thu hồi, tái chế chất thải xây dựng ngay tại công trường. Xây dựng hệ thống trung tâm tái chế chất thải xây dựng tại các đô thị lớn. Đưa chất thải xây dựng vào danh mục quản lý tuần hoàn, thay vì chỉ xử lý cuối

cùng. Trong quản lý vòng đời công trình cần bổ sung quy định về tháo dỡ công trình, vật liệu thải ra phải được thu hồi, tái sử dụng tối đa. Yêu cầu báo cáo vòng đời công trình (Life Cycle Assessment - LCA) trong hồ sơ thiết kế. Tích hợp công nghệ số (BIM, IoT) để theo dõi dòng vật liệu và năng lượng.

4.1.3. Nhà nước đổi mới quá trình xây dựng hệ thống chính sách pháp luật về phát triển kinh tế tuần hoàn

Đổi mới quá trình xây dựng chính sách, pháp luật về phát triển KTTH theo nguyên tắc, chuyển từ tư duy “quản lý sau” sang “thiết kế trước”, lấy vòng đời sản phẩm - vật liệu làm trục trung tâm, đồng thời dùng dữ liệu và cơ chế thị trường để thúc đẩy tuân thủ. Quy trình lập pháp và chính sách dựa trên bằng chứng. Đánh giá vòng đời bắt buộc, đây là yêu cầu đánh giá vòng đời sản phẩm (Life Cycle Assessment - LCA) trong soạn thảo quy chuẩn, tiêu chuẩn và trong thẩm định dự án công lớn; coi kết quả LCA là cơ sở pháp lý ưu tiên giải pháp tuần hoàn. Phân tích tác động chính sách: Chuẩn hóa đánh giá tác động quy định (RIA) với kịch bản chi phí-lợi ích tuần hoàn, bao gồm chi phí chuyển đổi doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tham vấn mở: thiết lập cổng tham vấn số, mời hiệp hội ngành, địa phương, viện trường phản biện chính sách tuần hoàn.

Trong quá trình xây dựng hệ thống chính sách pháp luật về phát triển KTTH, cần áp dụng công cụ pháp lý trọng tâm: chính sách môi trường (EPR) thông minh trên cơ sở hoàn thiện trách nhiệm mở rộng nhà sản xuất với mục tiêu theo ngành, lựa chọn tuân thủ linh hoạt (tự tái chế, ủy thác, đóng góp quỹ), và báo cáo số hóa để giảm chi phí. Thực hiện chuẩn và quy chuẩn: Ban hành tiêu chuẩn cho vật liệu tái chế, sản phẩm tái sản xuất, năng lượng từ chất thải, kèm nhãn tín nhiệm để thuận lợi lưu thông. Giấy phép theo hiệu quả: thử nghiệm giấy phép môi trường theo kết quả (output-based) cho dự án tuần hoàn, gắn ưu tiên thủ tục với KPI giảm phát thải và tỷ lệ tái chế.

Tiêu chí tuần hoàn bắt buộc áp dụng tỷ lệ vật liệu tái chế, khả năng sửa chữa, vòng đời sản phẩm trong hồ sơ mời thầu dự án công. Danh mục sản phẩm ưu tiên được công bố danh mục hàng hóa tuần hoàn ưu tiên mua sắm công (bao bì tái chế, vật liệu xây dựng xanh, thiết bị tái sản xuất). Chứng nhận - nhãn, thừa nhận chứng

chỉ quốc tế tương thích; phát triển nhân tuần hoàn quốc gia để tăng niềm tin thị trường. Cụ thể:

Một là, Nhà nước đổi mới tư duy trong thực thi chính sách về kinh tế tuần hoàn, phải đặt hoạt động hoạch định và thực thi trong mối quan hệ biện chứng với nhau, có tính tương hỗ với nhau, cần có quy định thống nhất, xuyên suốt. Đối với khâu đề xuất chính sách, cần có đội ngũ chuyên gia chuyên nghiệp tham gia vào hoạch định chính sách. Đổi mới cách nghĩ, cách làm không chỉ giao cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất sáng kiến mà cần huy động sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học, các tổ chức, doanh nghiệp. Có như vậy, chính sách về KTTH mới có tính hệ thống, bảo đảm lợi ích của các bên tham gia và phù hợp với thực tiễn.

Hai là, Nhà nước đổi mới quá trình hoạch định và thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, huy động sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Quan điểm này đã được chỉ rõ tại Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhấn mạnh việc đa dạng hóa các hình thức tham gia của người dân trong chu trình chính sách công nói chung, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của Nhân dân... là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021- 2030.

Các hình thức để thực hành dân chủ và tăng cường sự tham gia của người dân bao gồm: Nhà nước bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của mọi tầng lớp nhân dân; Nhà nước thực hiện có hiệu quả dân chủ ở cơ sở với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; Nhà nước nâng cao hiệu quả giám sát và phản biện xã hội. Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước.

Đồng thời, các cơ quan có thẩm quyền hoạch định và thực thi chính sách cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Bộ tiêu chí này phải được ứng dụng một cách

đồng bộ trong điều kiện gắn với chất lượng chính sách, tức chất lượng hoạch định với hiệu quả thực thi của các cơ quan nhà nước với đánh giá tín nhiệm người đứng đầu các cơ quan hoạch định và tổ chức thực thi chính sách và thêm vào đó là các quyết định về nhân sự và ngân sách thực hiện. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa hoạch định và thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn, trong đó có quy định đến việc huy động sự tham gia của người dân vào quá trình thực thi chính sách. Theo cách hiểu thông thường, khi người dân tham gia vào quá trình hoạch định chính sách, người dân được đóng góp ý tưởng, được đề xuất nguyện vọng chính đáng của họ. Như vậy, nội dung chính sách ban hành sẽ phù hợp với mong đợi của người dân nên khi triển khai thực thi chính sách sẽ thuận lợi hơn, có tính thực tiễn cao hơn.

Bên cạnh đó, các cơ quan, tổ chức cần xây dựng niềm tin, tạo niềm tin cho người dân, để người dân tham gia nhiều hơn vào quá trình thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn, các cơ quan, tổ chức phải tin tưởng vào khả năng có thể đóng góp tốt của người dân vào quá trình thực thi chính sách. Hơn nữa, các cơ quan, tổ chức phải tạo được niềm tin từ phía người dân. Để xây dựng lòng tin với người dân, khi huy động sự tham gia của người dân, các cơ quan hoạch định và thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn phải làm một cách thực chất, tránh bệnh hình thức, “làm cho có”, những ý kiến đóng góp của người dân phải được tiếp thu (nếu đúng) hoặc phải giải trình nếu không tiếp thu. Hiện nay, các ý kiến đóng góp của người dân nếu không được tiếp thu cũng ít khi được giải trình nên chưa tạo được sự tin tưởng của người dân vì họ cho rằng, các ý kiến của họ không được xem xét một cách nghiêm túc.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện cơ chế giải trình; quy định trách nhiệm pháp lý đủ mạnh cho các cơ quan, tổ chức và người đứng đầu cơ quan, tổ chức gắn với kết quả hoạch định và thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn. Các quy định nên cụ thể về nội dung giải trình, trách nhiệm pháp lý, cần có chế tài đủ mạnh để cá nhân và tổ chức vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm. Tránh quy định mang tính nguyên tắc như: về trách nhiệm thông tin, báo cáo công khai và chịu sự giám sát của các cơ quan và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trước các cơ quan quyền lực nhà nước, trước cơ quan hành chính nhà nước cấp trên và trước Nhân dân.

Bốn là, hoạch định và tổ chức thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn một cách khoa học, hợp lý, gắn việc phân công trách nhiệm cụ thể với cơ chế kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm việc hoạch định và thực hiện chính sách ở tất cả các cấp, các ngành, các tổ chức và cá nhân. Đặc biệt, cần cụ thể hóa chính sách kinh tế tuần hoàn bằng những chương trình hành động, kế hoạch thực hiện, ban hành văn bản hướng dẫn, đồng thời linh hoạt và điều chỉnh việc thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn trên cơ sở tiếp thu ý kiến, phản biện xã hội và triển khai thực tiễn ở từng giai đoạn.

Năm là, ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách KTTH. Trong thời đại của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam đang triển khai xây dựng và thực hiện chuyển đổi số quốc gia, xây dựng chính phủ số, chính quyền điện tử, đô thị thông minh, công dân số, kinh tế số, xã hội số. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách nói chung, chính sách KTTH nói riêng là yêu cầu khách quan cần phải triển khai thực hiện ngay từ khâu đề xuất sáng kiến cho đến khâu triển khai thực thi, có ứng dụng công nghệ thông tin thì việc hoạch định và thực thi chính sách mới thể hiện được tính công khai, minh bạch, dân chủ và huy động sự tham gia của các bên liên quan và của người dân vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách một cách tối đa nhất có thể.

4.2. NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN

4.2.1. Thiết lập bộ máy Nhà nước triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế tuần hoàn thống nhất, chuyên nghiệp, năng động, hiệu quả

Để phát triển kinh tế tuần hoàn một cách thống nhất, chuyên nghiệp, năng động và hiệu quả, Nhà nước cần thiết kế một bộ máy quản lý chuyên trách, có sự phối hợp liên ngành và gắn kết với doanh nghiệp - xã hội. Cụ thể:

Một là, thiết lập cơ quan điều phối trung ương chuyên trách về phát triển KTTH. Thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về KTTH trực thuộc Chính phủ hoặc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có chức năng điều phối liên ngành. Giao nhiệm vụ rõ ràng cho từng bộ: Bộ NN&MT: quản lý chất thải, tiêu chuẩn môi trường. Bộ KH&ĐT: tích

hợp mục tiêu phát triển KTTH vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Bộ Công Thương: thúc đẩy cộng sinh công nghiệp. Bộ NN&MT: triển khai mô hình nông nghiệp tuần hoàn. Bộ Xây dựng giữ vai trò quản lý, hoạch định chính sách và thúc đẩy ngành xây dựng PTBV. Bộ Y tế thu gom, phân loại chất thải y tế ngay tại nơi phát sinh đóng vai trò quan trọng giúp đảm bảo các bước của quy trình quản lý chất thải được thực hiện đúng quy định. Bộ Văn hóa tuyên truyền văn hóa tiêu dùng bền vững.

Để xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước thực hiện KTTH trong sạch, Việt Nam cần đồng bộ hóa thể chế, tăng cường phối hợp liên ngành, minh bạch hóa quản lý tài nguyên - chất thải, và phát triển năng lực giám sát - thực thi. Trọng tâm là thiết lập khung pháp lý rõ ràng, bộ máy quản lý chuyên trách, cùng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp và cộng đồng tham gia.

Hai là, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và liên cấp trong triển khai phát triển KTTH. Nhà nước ban hành quy chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong triển khai chính sách tuần hoàn. Nhà nước thiết lập tổ công tác liên ngành tại các tỉnh, thành phố để giám sát, hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng. Nhà nước tăng cường chia sẻ dữ liệu, thông tin giữa các cơ quan quản lý.

Ba là, nâng cao năng lực cán bộ quản lý Nhà nước về phát triển KTTH. Mở lớp đào tạo, tập huấn chuyên sâu cho cán bộ quản lý Nhà nước về phát triển KTTH các cấp về tư duy tuần hoàn, công cụ giám sát, chính sách hỗ trợ. Tích hợp nội dung KTTH vào chương trình đào tạo tại các trường hành chính, viện nghiên cứu. Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ địa phương và doanh nghiệp triển khai mô hình tuần hoàn.

Bốn là, xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá về phát triển KTTH. Nhà nước thiết lập bộ chỉ số quốc gia về KTTH: tỷ lệ tái chế, vòng đời sản phẩm, hiệu quả sử dụng tài nguyên. Nhà nước khuyến khích thúc đẩy ứng dụng công nghệ số để theo dõi, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, sản phẩm và chất thải. Các doanh nghiệp báo cáo định kỳ kết quả thực hiện, từ đó Nhà nước điều chỉnh chính sách phù hợp.

Một bộ máy Nhà nước chuyên trách về kinh tế tuần hoàn có vai trò trung tâm

trong việc dẫn dắt, điều phối và bảo đảm sự chuyển đổi từ mô hình phát triển tuyến tính sang mô hình tuần hoàn. Bộ máy chuyên trách này giúp xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển KTTH, gắn với mục tiêu giảm phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên. Đưa ra lộ trình và chỉ tiêu cụ thể cho từng ngành (bao bì, xây dựng, năng lượng, nông nghiệp). Lồng ghép nguyên tắc tuần hoàn vào các luật nền: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường.

Bộ máy Nhà nước chuyên trách trong phát triển KTTH giúp điều phối liên ngành và liên cấp trong thực hiện mục tiêu phát triển KTTH, tránh chồng chéo chính sách bằng cách điều phối thống nhất giữa các bộ ngành (NN&MT, KH&ĐT, Công Thương, Xây dựng, Y tế...). Bộ máy Nhà nước chuyên trách giúp hướng dẫn địa phương triển khai mô hình tuần hoàn phù hợp với đặc thù kinh tế - xã hội. Bộ máy Nhà nước này cũng góp phần tạo cơ chế phối hợp giữa Nhà nước - doanh nghiệp - xã hội. Có thể hình dung bộ máy Nhà nước chuyên trách về phát triển KTTH như một “nhạc trưởng”, định hướng chiến lược, điều phối các “nhạc cụ” là bộ ngành, doanh nghiệp và xã hội để tạo ra bản hòa nhạc phát triển KTTH.

4.2.2. Nhà nước định hướng, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tham gia vào phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn

Để doanh nghiệp Việt Nam chuyển đổi từ mô hình tuyến tính (“khai thác - sản xuất - thải bỏ”) sang mô hình KTTH, Nhà nước cần đóng vai trò “người dẫn đường” với các giải pháp đồng bộ về pháp luật, tài chính, hạ tầng và truyền thông. Cụ thể:

Một là, Nhà nước hoàn thiện khung pháp lý phát triển KTTH bằng cách: luật hóa nguyên tắc tuần hoàn trong các luật nền như; (Đầu tư, Doanh nghiệp, Xây dựng, Bảo vệ môi trường). Bổ sung quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), yêu cầu doanh nghiệp tái chế hoặc đóng góp quỹ xử lý chất thải. Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho vật liệu tái chế, sản phẩm tái sản xuất để doanh nghiệp có căn cứ pháp lý rõ ràng.

Hai là, có cơ chế ưu đãi và hỗ trợ các doanh nghiệp tuần hoàn trên cơ sở: ưu đãi thuế, đất đai, tín dụng xanh cho doanh nghiệp đầu tư công nghệ tuần hoàn. Thành lập quỹ chuyển đổi tuần hoàn hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Khuyến khích mua sắm công xanh, tạo thị trường đầu ra cho sản phẩm tuần hoàn.

Ba là, hỗ trợ phát triển hạ tầng và hệ sinh thái xanh, tuần hoàn và bền vững. Quy hoạch trung tâm tái chế vùng, khu công nghiệp sinh thái, hệ thống logistics đảo chiều. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ tái chế hiện đại và chia sẻ hạ tầng xử lý chất thải. Xây dựng nền tảng dữ liệu quốc gia về dòng vật liệu tuần hoàn, giúp doanh nghiệp tối ưu chuỗi cung ứng tuần hoàn.

Bốn là, định hướng ngành trọng điểm để các doanh nghiệp và thành phần kinh tế chuyển đổi xanh, chuyển đổi mô hình KTTH như: (1) ngành bao bì - nhựa, là ngành phát sinh lượng rác thải lớn nhất, đặc biệt là bao bì nhựa dùng một lần. Nhà nước đã triển khai trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), yêu cầu doanh nghiệp tái chế hoặc đóng góp quỹ xử lý. Định hướng cho ngành này là phát triển vật liệu sinh học, bao bì tái chế, hệ thống logistics đảo chiều để thu hồi sản phẩm sau sử dụng; (2) Xây dựng là ngành tiêu thụ nhiều nguyên liệu (xi măng, thép, gạch) và tạo ra khối lượng chất thải khổng lồ. Do vậy, Nhà nước định hướng sử dụng vật liệu xanh, vật liệu tái chế (gạch không nung, thép tái chế), quy định tỷ lệ bắt buộc vật liệu tái chế trong công trình. Đồng thời, phát triển khu công nghiệp sinh thái, trung tâm tái chế chất thải xây dựng; (3) ngành Nông nghiệp với nhiều phụ phẩm nông nghiệp (rơm rạ, vỏ trấu, bã mía) có tiềm năng tái sử dụng làm phân bón, năng lượng sinh học. Nhà nước định hướng cho ngành này phát triển mô hình nông nghiệp tuần hoàn kết hợp trồng trọt - chăn nuôi - năng lượng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp chế biến nông sản áp dụng công nghệ tuần hoàn; (4) ngành Năng lượng chuyển đổi từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, sinh khối). Nhà nước định hướng phát triển KTTH năng lượng, tận dụng chất thải công nghiệp, nông nghiệp để sản xuất điện. Kết hợp với thị trường tín chỉ carbon để tạo động lực kinh tế; (5) ngành Dệt may là ngành xuất khẩu chủ lực nhưng gây ô nhiễm nước và phát sinh lượng lớn vải thải. Nhà nước định hướng tái chế sợi, vải; phát triển thời trang bền vững; áp dụng mô hình “thiết kế lại - tái sử dụng - tái chế”. Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về tuần hoàn để giữ lợi thế cạnh tranh.

Năm là, nâng cao năng lực của doanh nghiệp tuần hoàn. Thông qua các

chương trình đào tạo - tư vấn về thiết kế tuần hoàn, đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA). Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng báo cáo ESG/tuần hoàn để minh bạch với nhà đầu tư. Khuyến khích đổi mới sáng tạo xanh, phát triển startup tuần hoàn.

Sáu là, truyền thông và thay đổi hành vi sản xuất, tiêu dùng. Tuyên truyền lợi ích kinh tế tuần hoàn để doanh nghiệp thấy rõ cơ hội kinh doanh chứ không chỉ là nghĩa vụ. Khuyến khích người tiêu dùng sử dụng sản phẩm tái chế, tạo áp lực thị trường buộc doanh nghiệp phải chuyển đổi. Xây dựng câu chuyện thành công của doanh nghiệp tuần hoàn để nhân rộng mô hình.

4.2.3. Nhà nước tổ chức tuyên truyền, vận động các thành phần kinh tế phát triển kinh tế tuần hoàn và người dân tiêu dùng bền vững

Nhà nước chỉ có thể phát huy một cách hiệu quả vai trò trong phát triển KTTH nếu bản thân đội ngũ cán bộ công chức cũng như các lực lượng trong xã hội có nhận thức đầy đủ, sâu sắc về bản chất, vai trò của KTTH cũng như sự đồng thuận trong hoạt động, góp phần thực hiện hiệu quả hệ thống chính sách pháp luật, chương trình, kế hoạch. Đề án phát triển KTTH ở Việt Nam đã chú trọng đến giải pháp “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về kinh tế tuần hoàn, yêu cầu, chủ trương và định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở các cấp, cộng đồng doanh nghiệp, và người dân” [88].

Đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có hệ thống quan điểm ngày càng toàn diện và hoàn thiện về phát triển KTTH ở nước ta. Những quan điểm đó được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật, quy định, Đề án, Chiến lược phát triển của cả nước cũng như mỗi ngành, địa phương. Để có thể phát huy hiệu quả vai trò của Nhà nước, cần nâng cao nhận thức của hệ thống các chủ thể: Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính trị các cấp, doanh nghiệp, người dân. Trên cơ sở đó, cần tập trung nâng cao nhận thức thông qua tuyên truyền trên một số nội dung cơ bản của phát triển KTTH:

Thứ nhất, về giáo dục trong nhà trường:

Để phát triển KTTH ở Việt Nam, trước hết cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ, doanh nghiệp và người dân, đồng thời xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển KTTH một cách hiệu quả. Trong đó việc giáo dục nền KTTH

cho sinh viên có ý nghĩa rất lớn trong việc phát triển KTTH ở Việt Nam. Điều này giúp cho sinh viên có được nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của việc BVMT và sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả; hiểu rõ hơn về ý nghĩa của việc tái sử dụng, tái chế và giảm thiểu chất thải, từ đó sẽ trở thành những người tiêu dùng thông thái và có ý thức về môi trường.

Giáo dục nền KTTH còn giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc phát triển KTTH trong thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước. Bên cạnh đó, còn giúp sinh viên có được những kỹ năng và kiến thức cần thiết để tham gia vào các hoạt động KTTH, từ đó tạo ra cơ hội việc làm và tăng cường năng lực cạnh tranh của đất nước. Việc phát triển KTTH đòi hỏi sự đổi mới và sáng tạo, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ và quản lý.

Theo chuyên gia đến từ châu Âu, tạo ra sự thay đổi cần phải được tiến hành “từ nhỏ tới lớn”, từ cá nhân tới tập thể, từ trẻ em cho tới người lớn thông qua các công tác tuyên truyền, truyền thông và đặc biệt là giáo dục. Các trường học ở Việt Nam cũng đang đưa những nội dung về môi trường vào một số môn học và các tiết ngoại khóa, sinh hoạt. Tuy nhiên, nhà trường nên có nhiều hơn các nội dung về tính tuần hoàn, như các bài học về tái sử dụng đồ cũ, thực hành phân loại rác thải tại nguồn...

Có thể thấy giáo dục, đào tạo kinh tế tuần hoàn đang được phổ biến trên khắp thế giới. Chương trình này tập trung vào việc đào tạo sinh viên về các khía cạnh của nền kinh tế tuần hoàn, bao gồm cả sự tương tác giữa các thành phần khác nhau của nền kinh tế, ví dụ như sản xuất, tiêu thụ và tái chế. Để tăng cường giáo dục nền kinh tế tuần hoàn cho sinh viên tại các trường đại học. Tác giả đề xuất một số các giải pháp để các trường đại học phối hợp với giảng viên, doanh nghiệp có thể áp dụng giáo dục nền kinh tế tuần hoàn cho sinh viên:

** Về phía nhà trường*

- Tăng cường giảng dạy về nền KTTH trong các khóa học liên quan đến kinh tế và quản lý: Các giáo viên có thể thêm vào giảng dạy các chủ đề liên quan đến sản xuất, tiêu thụ và tái chế để giúp sinh viên hiểu rõ hơn về quá trình tái sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động của sản xuất đến môi trường.

- Xây dựng các chương trình đào tạo về KTTH: Các trường có thể phát triển các chương trình đào tạo bao gồm cả lý thuyết và thực hành để giúp sinh viên phát triển kỹ năng và kiến thức cần thiết để tham gia vào các hoạt động kinh tế tuần hoàn.

- Tạo ra các cơ hội thực tập và nghiên cứu: Các trường đại học có thể hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức để cung cấp cho sinh viên các cơ hội thực tập và nghiên cứu về kinh tế tuần hoàn. Điều này sẽ giúp sinh viên áp dụng các kiến thức và kỹ năng được học trong môi trường thực tế và củng cố sự hiểu biết của họ về nền kinh tế tuần hoàn.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa liên quan đến KTTH: Các trường có thể tổ chức các sự kiện và hoạt động như thảo luận, hội thảo, cuộc thi,... liên quan đến kinh tế tuần hoàn để giúp sinh viên tìm hiểu và thảo luận về chủ đề này. Các hoạt động như vậy cũng có thể tạo ra cơ hội cho sinh viên.

- Đưa giảng viên trực tiếp tham gia các hoạt động và chương trình đào tạo liên quan đến KTTH để cập nhật kiến thức và áp dụng vào giảng dạy: Các chương trình đào tạo này cũng giúp cho giáo viên hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của kinh tế tuần hoàn và cách áp dụng vào giảng dạy.

** Về phía doanh nghiệp*

- Tổ chức các chương trình thực tế tại doanh nghiệp: Doanh nghiệp có thể tạo cơ hội cho sinh viên thực tập, làm việc tại doanh nghiệp để giúp sinh viên hiểu rõ hơn về quá trình sản xuất, vận hành và quản lý tài nguyên trong doanh nghiệp.

- Tổ chức các buổi đào tạo, hội thảo: Doanh nghiệp có thể tổ chức các buổi đào tạo, hội thảo về kinh tế tuần hoàn để chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức với sinh viên.

- Cung cấp tài liệu, thông tin về kinh tế tuần hoàn: Doanh nghiệp có thể cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến kinh tế tuần hoàn cho sinh viên để giúp họ nâng cao kiến thức và hiểu rõ hơn về quy trình sản xuất, vận hành và quản lý tài nguyên trong doanh nghiệp.

- Hợp tác với trường đại học: Doanh nghiệp có thể hợp tác với trường đại học để cung cấp thông tin, tài liệu và các khóa đào tạo về kinh tế tuần hoàn cho sinh

viên. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp tìm kiếm nhân tài có kiến thức sâu rộng hơn và đồng thời giúp sinh viên hiểu rõ hơn về quy trình sản xuất, vận hành và quản lý tài nguyên trong doanh nghiệp.

Thứ hai, Biện pháp chung để góp phần nâng cao nhận thức của các chủ thể về KTTH là tuyên truyền. Một trong những giải pháp quan trọng được Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương xác định: “Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường”. Đại hội XIII của Đảng xác định: “Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu” [27, 155]. Theo đó, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cần quán triệt nghiêm túc quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Đến nay, các văn bản của Đảng, Nhà nước về KTTH đã tương đối hoàn thiện, đồng bộ, toàn diện cho từng ngành, lĩnh vực; người đứng đầu các sở, ban, ngành ở các tỉnh, thành cần phải tích cực, chủ động cụ thể hóa thành các chương trình, dự án hành động cụ thể, thiết thực, không thụ động, trông chờ sự giúp đỡ, hỗ trợ, định hướng từ Trung ương.

Trên cơ sở đặc điểm tình hình ở mỗi khu vực, địa bàn, người đứng đầu ở nơi đó xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể trong tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhưng phải bảo đảm môi trường, không gây tổn hại đến đời sống của nhân dân, không để lại những bức xúc, gây cản trở trong sinh hoạt đời sống của người dân; nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi người đối với sự phát triển bền vững của địa phương, không vì lợi ích trước mắt mà đánh đổi sức khỏe, tính mạng của người dân; đa dạng hóa các hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục người dân, doanh nghiệp trên địa bàn, cam kết chấp hành nghiêm quy định của pháp luật, địa phương và những tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường...

Cần đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền:

Thông qua các mô hình, phong trào: Tiếp tục triển khai các mô hình “Ngày thứ Bảy, Chủ nhật xanh”; “Nhà tôi xanh, sạch, đẹp”; “Chống rác thải nhựa”... và lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

Thông qua các cuộc thi: sân khấu hóa, tìm hiểu pháp luật...: Hội thi “tái chế rác thải bảo vệ môi trường”, hội thi bảo vệ môi trường với chủ đề “Đánh bại rác thải nhựa”, hội thi vẽ tranh với chủ đề về bảo vệ môi trường...

Thông qua các lớp tập huấn: tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường cho các đối tượng khác nhau: cán bộ quản lý môi trường các cấp và các doanh nghiệp,

Khen thưởng, tôn vinh, biểu dương kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện Phong trào thi đua; Giới thiệu, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến; các kinh nghiệm hay; các mô hình, cách làm sáng tạo hiệu quả trong thực hiện Phong trào thi đua...

Nâng cao hiệu quả tuyên truyền về bảo vệ môi trường, về kinh tế tuần hoàn thông qua báo chí. Theo đó, cần định kỳ xây dựng đề cương tuyên truyền về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó, có các định hướng, các nội dung cần tuyên truyền, kế hoạch thực hiện và giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan báo chí trực thuộc. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời những sai phạm, lệch lạc. Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện; đánh giá kết quả đạt được cũng như những hạn chế, khó khăn, vướng mắc; xem xét nguyên nhân khách quan, chủ quan và đề ra giải pháp khắc phục hạn chế, khó khăn...

Đối với người tiêu dùng: cần tăng cường nhận diện và phổ biến cho các sản phẩm xanh, các sản phẩm KTTH để thúc đẩy ý định tiêu dùng mang tính KTTH. Các bên liên quan như Chính phủ, doanh nghiệp, nhà phân phối cần phổ biến những sản phẩm hoặc cách thức tiêu dùng mang tính KTTH thông qua những thông tin cụ thể và hữu ích, như: sản phẩm sử dụng vật liệu tái chế; các chính sách đổi trả chai đựng sau quá trình sử dụng của các nhãn hàng; các quy định về sử dụng túi nilon dùng một lần của cửa hàng; các sản phẩm được dán nhãn sinh thái, nhãn tiết kiệm năng lượng...

Người dân trở thành tác nhân trực tiếp trong mô hình KTTH, vừa giảm áp lực môi trường, vừa tạo thị trường cho sản phẩm xanh, giúp doanh nghiệp và xã hội cùng chuyển đổi bền vững. Do vậy, cần đẩy mạnh truyền thông về lợi ích tiêu dùng bền vững, đưa nội dung tiết kiệm tài nguyên, giảm rác thải vào chương trình giáo dục phổ thông và đại học. Khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng sản phẩm xanh. Ưu tiên hàng hóa có nhãn sinh thái, sản phẩm tái chế, tiết kiệm năng lượng; xây dựng hệ thống chứng nhận và nhãn tuần hoàn để người dân dễ nhận diện. Áp dụng thuế cao hơn với sản phẩm gây ô nhiễm, đồng thời giảm thuế hoặc trợ giá cho sản phẩm thân thiện môi trường.

4.3. NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ TỔ CHỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN

4.3.1. Nhà nước tăng cường đầu tư tài chính cho phát triển kinh tế tuần hoàn

Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) khảo sát các nước thành viên đã chỉ ra những rào cản trong phát triển kinh tế tuần hoàn, trong đó ba rào cản lớn nhất là nguồn lực tài chính, quy mô triển khai và vấn đề thể chế. Để triển khai thực hiện kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu cần rất nhiều nguồn lực tài chính. Theo tính toán, hàng năm Việt Nam cần khoảng 6,8% GDP để thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn. Trong đó, nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ có thể đáp ứng khoảng 35%, còn lại phải huy động nguồn lực từ nhân cả trong và ngoài nước [82].

Ở Việt Nam hiện nay, để đáp ứng nguồn tài chính đầu tư cho phát triển KTTH cần:

Một là, Nhà nước hoàn thiện chính sách và cơ chế tài chính đầu tư cho KTTH. Nhà nước cần xây dựng hệ thống tín dụng xanh, giảm lãi suất cho các dự án tuần hoàn; đồng thời áp dụng ưu đãi thuế cho doanh nghiệp tái chế, tái sử dụng nguyên liệu. Thành lập quỹ quốc gia hoặc địa phương để hỗ trợ vốn cho các dự án đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực tuần hoàn. Xây dựng cơ chế PPP (hợp tác công - tư)

nhằm khuyến khích doanh nghiệp và nhà nước cùng đầu tư vào chuyển đổi mô hình KTTH, phát triển hạ tầng xử lý chất thải, năng lượng tái tạo, chuỗi cung ứng tuần hoàn.

Hai là, huy động nguồn lực quốc tế, tận dụng hiệp định thương mại tự do (EVFTA, CPTPP): Các hiệp định này yêu cầu tiêu chuẩn sinh thái, mở ra cơ hội tiếp cận nguồn vốn quốc tế cho dự án tuần hoàn. EVFTA giúp hàng hóa Việt Nam vào EU với thuế suất thấp, CPTPP xóa bỏ tới 95% thuế quan giữa các nước thành viên [49]. Điều này tạo lợi thế xuất khẩu, tăng dòng vốn đầu tư vào các ngành sản xuất xanh. Cả EVFTA và CPTPP đều có điều khoản về môi trường, lao động và phát triển bền vững. Đây là cơ sở để Việt Nam thu hút nguồn vốn quốc tế cho các dự án tuần hoàn, năng lượng sạch, tái chế. Kêu gọi vốn ODA và tài chính khí hậu. Kêu gọi nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế (WB, ADB, Quỹ Khí hậu xanh) để hỗ trợ chuyển đổi xanh.

Kênh huy động vốn quốc tế đầu tư cho phát triển KTTH mà Nhà nước cần lưu ý là: quỹ khí hậu và phát triển xanh, tận dụng các quỹ như Green Climate Fund, World Bank, ADB để tài trợ cho dự án tuần hoàn. Thị trường vốn quốc tế, phát hành trái phiếu xanh, trái phiếu bền vững để huy động vốn từ nhà đầu tư toàn cầu. ODA và viện trợ song phương, kêu gọi hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ EU, Nhật Bản, Canada - các nước thành viên CPTPP có thể mạnh về công nghệ tuần hoàn.

Ba là, phát triển thị trường và chuỗi giá trị KTTH. Phát triển thị trường tín chỉ carbon (thị trường tín chỉ carbon là một cơ chế tài chính giúp điều tiết lượng khí nhà kính phát thải vào không khí, thông qua việc trao đổi tín chỉ carbon; bắt nguồn từ Nghị định thư Kyoto của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu được thông qua năm 1997). Xây dựng cơ chế giao dịch tín chỉ carbon để tạo nguồn thu mới cho doanh nghiệp tuần hoàn. Xây dựng chuỗi giá trị xanh, khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng tuần hoàn, từ thiết kế sản phẩm đến tái chế cuối vòng đời.

Bốn là, nâng cao năng lực doanh nghiệp và cộng đồng. Đào tạo & truyền thông, đầu tư vào đào tạo nhân lực về KTTH, nâng cao nhận thức cộng đồng. Khởi nghiệp xanh bằng cách hỗ trợ tài chính cho các startup phát triển mô hình kinh doanh tuần hoàn. Có thể thấy, giải pháp đầu tư tài chính cho kinh tế tuần hoàn

không chỉ là cấp vốn, mà còn là xây dựng hệ sinh thái tài chính xanh gồm chính sách, công nghệ, thị trường và nguồn lực quốc tế.

4.3.2. Nhà nước tăng cường đầu tư khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo cho phát triển kinh tế tuần hoàn

Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để phát triển KTTH, vì chúng giúp tối ưu hóa tài nguyên, giảm phát thải, tạo ra mô hình sản xuất - tiêu dùng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong đó, công nghệ tái chế và xử lý chất thải giúp biến rác thải thành nguyên liệu đầu vào, giảm phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên. Công nghệ sinh học và vật liệu mới giúp tạo ra vật liệu phân hủy sinh học, thay thế nhựa truyền thống, góp phần giảm ô nhiễm môi trường. Khoa học - công nghệ phát triển giúp ứng dụng IoT, AI, blockchain để quản lý vòng đời sản phẩm, theo dõi chuỗi cung ứng tuần hoàn. Vì vậy, có thể khẳng định, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo không chỉ là công cụ, mà là quốc sách hàng đầu để phát triển kinh tế tuần hoàn. Chúng giúp Việt Nam vừa đạt mục tiêu tăng trưởng xanh, vừa nâng cao vị thế cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

Để Nhà nước tăng cường đầu tư khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo cho phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay cần quan tâm:

Một là, Nhà nước hoàn thiện khung chính sách và chiến lược, nhất là chiến lược quốc gia về khoa học - công nghệ tuần hoàn. Xây dựng chương trình nghiên cứu trọng điểm về tái chế, năng lượng sạch, vật liệu sinh học. Hoàn thiện cơ chế ưu đãi đầu tư R&D: trong đó chú trọng miễn giảm thuế cho doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu công nghệ tuần hoàn. Ban hành khung pháp lý bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu tuần hoàn.

Hai là, đầu tư hạ tầng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tuần hoàn. Nhà nước thành lập các viện nghiên cứu chuyên sâu về KTTH, kết nối với trường đại học và doanh nghiệp. Thành lập phòng thí nghiệm trọng điểm về KTTH. Trước mắt là đầu tư phòng thí nghiệm về tái chế nhựa, xử lý rác thải điện tử, năng lượng tái tạo. Hoàn thiện cơ chế chuyển giao công nghệ. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ tiên tiến từ EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ thông qua các hiệp định thương mại.

Ba là, hỗ trợ tài chính cho đổi mới sáng tạo tuần hoàn. Thành lập quỹ đổi mới sáng tạo xanh. Cấp vốn cho startup và doanh nghiệp phát triển mô hình tuần hoàn. Có tín dụng ưu đãi cho phát triển KTTH. Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các tổ chức tài chính quốc tế để cung cấp tín dụng xanh cho dự án công nghệ tuần hoàn. Phát hành trái phiếu khoa học - công nghệ: Phát hành trái phiếu để huy động vốn cho nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tuần hoàn.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho phát triển KTTH. Tập trung đào tạo chuyên ngành để đưa KTTH và công nghệ xanh vào chương trình đào tạo đại học, sau đại học. Ưu tiên những học bổng nghiên cứu về KTTH. Nhà nước cấp học bổng cho nghiên cứu sinh trong lĩnh vực công nghệ tuần hoàn. Liên kết doanh nghiệp - trường học để đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển KTTH. Tạo cơ chế hợp tác để sinh viên tham gia dự án thực tế về đổi mới sáng tạo.

Năm là, thúc đẩy hợp tác quốc tế để Việt Nam tham gia mạng lưới nghiên cứu toàn cầu về KTTH. Kết nối với EU Horizon Europe, chương trình đổi mới sáng tạo của ADB, WB trong phát triển KTTH. Hợp tác song phương với các nước có kinh nghiệm phát triển KTTH. Ký kết thỏa thuận với các quốc gia có thế mạnh về công nghệ tuần hoàn (Đức, Nhật, Hàn Quốc). Thu hút FDI công nghệ cao nhằm đổi mới công nghệ tuần hoàn. Tận dụng EVFTA, CPTPP để thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghệ xanh. Tạo hệ sinh thái khởi nghiệp xanh, nâng cao vị thế Việt Nam trong khu vực.

Phát triển khoa học - công nghệ tuần hoàn chính là chìa khóa để kinh tế tuần hoàn trở thành động lực tăng trưởng xanh. Cần phải xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là nền tảng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững đất nước; là lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực chính của mô hình phát triển kinh tế-xã hội. Và phải làm tốt hơn nữa sự phối hợp giữa Nhà nước và xã hội trong phát triển khoa học và công nghệ, kết hợp tốt hơn giữa nội lực và ngoại lực trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cả Nhà nước và khu vực tư nhân cần nhận thức đúng tầm quan trọng của đầu tư cho khoa học công nghệ và ưu tiên chi cho khoa học công nghệ một cách tương xứng hơn, hiệu quả hơn. Chú trọng tính thiết thực, hiệu quả, không làm theo phong trào, gây lãng phí, ứng dụng thấp. Các doanh

nghiệp cần chú ý đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, coi đây là con đường “ngắn nhất” để đạt được hiệu quả, tăng năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững hơn.

4.3.3. Phát huy vai trò của Nhà nước trong kiểm tra, đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay

Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc kiểm tra, đánh giá và thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn. Để phát huy vai trò của Nhà nước trong kiểm tra, đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay, Nhà nước cần làm tốt nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay khoa học, hiệu quả

Kế hoạch kiểm tra, đánh giá chính sách phát triển KTTH có thể được xây dựng thành văn bản riêng hoặc đưa vào nội dung của chương trình công tác của cơ quan hành chính nhà nước chuyên môn hoặc được xác định ngay trong chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Cơ quan, đơn vị chủ trì kiểm tra lập kế hoạch kiểm tra, trong đó xác định rõ thời gian, địa điểm, nội dung kiểm tra, cơ quan phối hợp kiểm tra. Kế hoạch kiểm tra hàng năm phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan, đơn vị chủ trì kiểm tra trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch kiểm tra. Theo đó, Chính phủ cần có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế tuần hoàn thuộc trách nhiệm tổ chức thực hiện hoặc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với đơn vị chức năng xây dựng và trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế tuần hoàn thuộc thẩm quyền kiểm tra của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch,

kế hoạch phát triển kinh tế tuần hoàn thuộc thẩm quyền kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thứ hai, cách thức kiểm tra, đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay khoa học, hiệu quả

(1) Kiểm tra và đánh giá thông qua báo cáo: Được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của người có thẩm quyền kiểm tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra. Nội dung báo cáo và thời hạn gửi báo cáo phải bảo đảm đúng yêu cầu của người có thẩm quyền kiểm tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra. Người có thẩm quyền kiểm tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra xem xét báo cáo, xử lý thông tin, yêu cầu thẩm định thông tin và có kết luận kiểm tra. Thời gian cho cơ quan được kiểm tra chuẩn bị báo cáo ít nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người có thẩm quyền kiểm tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian cho cơ quan được kiểm tra chuẩn bị báo cáo do người có thẩm quyền kiểm tra quyết định.

(2) Kiểm tra và đánh giá thông qua sơ kết, tổng kết. Sơ kết, tổng kết việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do người có thẩm quyền kiểm tra quyết định hoặc được xác định ngay trong chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Việc kiểm tra thông qua sơ kết, tổng kết phải tuân thủ theo nguyên tắc dưới đây:

+ Sơ kết, tổng kết việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phải bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí trong phát triển;

+ Sơ kết thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được tiến hành ít nhất là một năm kể từ khi chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế tuần hoàn được ban hành hoặc phê duyệt;

+ Tổng kết thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế tuần hoàn được tiến hành ít nhất là hai năm kể từ khi có hiệu lực thi hành hoặc khi kết thúc một giai đoạn thực hiện để chuyển sang giai đoạn khác hoặc khi đã hoàn thành việc thực hiện.

+ Sơ kết, tổng kết việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế tuần hoàn có thể tiến hành thông qua hội nghị hoặc báo cáo sơ kết, tổng kết.

+ Sơ kết, tổng kết bao gồm các nội dung về thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế tuần hoàn nhưng tập trung vào các vấn đề sau đây: các mục tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành; các mục tiêu, nhiệm vụ chưa hoàn thành, lý do; kết quả và tiến độ thực hiện; Sai phạm, yếu kém trong quá trình thực hiện; trách nhiệm thực hiện của cơ quan chủ trì và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện; sự không phù hợp của chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và những kiến nghị sửa đổi, bổ sung.

Thứ ba, kiểm tra và đánh giá thông qua làm việc với các cơ quan được kiểm tra. Trường hợp cần làm việc trực tiếp với cơ quan được kiểm tra, người có thẩm quyền kiểm tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra, mời đại diện cơ quan được kiểm tra làm việc tại trụ sở cơ quan mình hoặc cử đại diện của cơ quan mình đến làm việc tại cơ quan được kiểm tra. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm tổ chức việc kiểm tra của Thủ tướng, các Phó Thủ tướng thông qua làm việc trực tiếp với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp được Thủ tướng giao, Văn phòng chính phủ và các cơ quan chức năng được quyền làm việc trực tiếp với người đứng đầu cơ quan được kiểm tra. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức việc kiểm tra của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua làm việc trực tiếp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp. Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan chức năng được quyền làm việc trực tiếp với người đứng đầu các cơ quan được kiểm tra. Người có thẩm quyền kiểm tra và cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra có quyền tham khảo ý kiến của các chuyên gia về những vấn đề chuyên môn liên quan đến nội dung kiểm tra, nhưng phải chịu trách nhiệm về kết luận kiểm tra của mình.

Thứ tư, xây dựng bộ tiêu chí kiểm tra đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay. Tiêu chí là thước đo, hệ giá trị được sử dụng làm cơ sở cho quá trình đánh giá chính sách sau khi được triển khai vào đời sống. Các tiêu chí bao gồm cả tiêu chí định tính và tiêu chí định lượng. Mỗi chính sách, tùy theo đối tượng tác động và nội dung hướng đến có những tiêu chí phù hợp. Có 5

nhóm tiêu chí thường được sử dụng là: tiêu chí về tính hiệu lực của chính sách (thể hiện qua mức độ tác động của chính sách lên các đối tượng trên thực tế); tiêu chí về tính hiệu quả chính sách (trên cơ sở so sánh kết quả đạt được với chi phí bỏ ra để thực hiện chính sách); tính công bằng (trong phân phối chi phí, lợi ích và rủi ro của chính sách đối với mỗi nhóm dân cư); tính khả thi về chính trị (thể hiện sự ủng hộ hay phản đối của các nhà chính trị và của mỗi người dân đối với chính sách) và tính khả thi về kỹ thuật cũng như năng lực thực thi của đội ngũ quản lý.

Khi thiết lập tiêu chí đánh giá phải đưa ra được tiêu chí trung tâm làm cơ sở để đánh giá nội dung trọng tâm mà chính sách hướng tới.

Ngoài ra, cần sử dụng các phương pháp đánh giá tác động của chính sách đến các nhóm thụ hưởng chính sách. Hiện nay, việc đánh giá chính sách, trong đó có chính sách về phát triển kinh tế tuần hoàn hầu hết chỉ dừng lại ở việc đưa ra các nhận xét chung chung về các chương trình, dự án thực hiện như: đã nâng cao được mức sống của người dân, môi trường sống được cải thiện, giáo dục đã được nâng cao về chất lượng... Nhưng, các đánh giá này thường mang tính chủ quan,편 diện từ các cấp có thẩm quyền hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách. Để biết chính sách có thực sự đem lại hiệu lực, hiệu quả hay không, cần có sự đánh giá tác động mà chính sách tạo ra cho các đối tượng thụ hưởng. Chẳng hạn, khi đo lường tác động của việc phân loại rác tại nguồn theo quy định Luật Bảo vệ môi trường 2020 thì cần so sánh mức độ sức khỏe của người dân có được thay đổi tích cực hay không...

Theo đó, cần quan tâm đến các kênh phản hồi chính sách về phát triển kinh tế tuần hoàn, đặc biệt là từ phía các đối tượng thụ hưởng chính sách. Chính sách hướng đến và liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích các đối tượng thụ hưởng, là nhóm hiểu rõ nhất chính sách được thực hiện như thế nào, tác động ra sao đến đời sống xã hội. Do đó, để đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn một cách khách quan và đem lại cái nhìn toàn diện nhất về quá trình cũng như kết quả thực hiện chính sách thì các cơ quan chức năng cần quan tâm, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của người dân. Phải coi các phương tiện thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và dư luận xã hội là các kênh phản

hội quan trọng về chính sách, lấy đó làm cơ sở để xem xét, đánh giá lại chính sách, hoặc đưa ra các đề xuất nhằm bổ sung, hoàn thiện chính sách.

Mặt khác, cần dành nguồn kinh phí thỏa đáng cho việc đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn. Từ vai trò của đánh giá chính sách, có thể thấy hoạt động đánh giá chính sách là rất quan trọng. Vì vậy, việc dành một khoản kinh phí cần thiết và sử dụng có hiệu quả kinh phí đó cho hoạt động đánh giá chính sách sẽ góp phần khắc phục những hạn chế, bất cập của chính sách, từng bước hoàn thiện chính sách hiện hành hoặc rút kinh nghiệm cho những lần hoạch định và thực hiện các chính sách tiếp theo, bảo đảm cho chính sách đáp ứng yêu cầu của cuộc sống.

Trong một xã hội phát triển, công cụ chính sách công ngày càng trở nên quan trọng và hoạt động đánh giá chính sách trở thành yêu cầu cần thiết và cấp thiết nhằm giúp Nhà nước xác định và khắc phục những bất cập trong đời sống kinh tế - xã hội. Với sự phát triển của khoa học công nghệ, nhiều phương pháp mới đang dần được sử dụng để đánh giá một cách có hiệu quả các chính sách của Nhà nước nhằm đảm bảo cho ra đời và thực hiện các chính sách ưu việt nhất. Đánh giá chính sách giúp Nhà nước nhìn nhận lại năng lực hoạch định thực thi chính sách và có biện pháp để hoàn thiện công cụ quản lý này để chính sách công trở thành một công cụ hữu hiệu trong quản lý đất nước.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Chương 4 chỉ ra 3 nhóm giải pháp trọng tâm trong việc phát huy vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay. Để hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 cần: Rà soát lại hệ thống chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH của Việt Nam hiện nay; Rà soát lại các văn bản pháp luật, các công ước quốc tế về phát triển KTTH, chỉ ra những nội dung Việt Nam cam kết đã thực hiện, những nội dung Việt Nam cam kết nhưng chưa thực hiện được để bổ sung, hoàn thiện; Bổ sung những chính sách pháp luật, những quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH mà Việt Nam còn thiếu, chưa đầy đủ và chưa đồng bộ, nhất là Luật kinh tế tuần hoàn.

Để phát huy vai trò của nhà nước trong thực thi chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay cần: thành lập bộ máy nhà nước triển khai nhiệm vụ phát triển KTTH; Nhà nước ban hành chủ trương, chính sách về định hướng, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tham gia vào mô hình phát triển KTTH; tổ chức tuyên truyền, vận động các thành phần kinh tế phát triển kinh tế theo hướng kinh tế tuần hoàn; tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay.

Để phát huy vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay, luận án đã đưa ra một số giải pháp về tăng cường vai trò của Nhà nước trong đầu tư tài chính cho phát triển KTTH; tăng cường phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo liên quan tới phát triển KTTH. Đặc biệt Nhà nước thể hiện vai trò của mình bằng cách thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực thi phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay. Qua đó, tổng kết kinh nghiệm, bổ sung chủ trương, chính sách kịp thời, hiệu quả.

KẾT LUẬN

Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế vận hành theo một chu trình khép kín mà trong đó các hoạt động sản xuất, trao đổi, tiêu dùng và dịch vụ hạn chế khai thác nguyên liệu, nhiên vật liệu, kéo dài tuổi thọ của sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh nhằm giảm thiểu ô nhiễm và tác động xấu đến môi trường, tạo động lực cho đổi mới sáng tạo và cải thiện năng suất lao động, đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội.

Vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn là Nhà nước tạo lập môi trường và các điều kiện thuận lợi thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước; nguồn lực của Nhà nước, của các thành phần kinh tế và nhân dân cho phát triển kinh tế tuần hoàn thông qua hoạt động xây dựng, thực thi chiến lược, kế hoạch, chính sách, pháp luật đối với phát triển kinh tế tuần hoàn và kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực thi đó; thực hiện những nội dung của kinh tế tuần hoàn, đảm bảo từng bước thực hiện thành công những mục tiêu của phát triển kinh tế tuần hoàn, hướng tới phát triển bền vững ở nước ta.

Vai trò trên được thể hiện thông qua việc Nhà nước cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng, xây dựng hệ thống pháp luật, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế tuần hoàn; Nhà nước thực thi các chính sách pháp luật, chiến lược, kế hoạch liên quan tới phát triển kinh tế tuần hoàn; Nhà nước kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực thi chính sách pháp luật, chiến lược, kế hoạch của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn .

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế tuần hoàn, Nhà nước đã thực hiện vai trò quản lý thông qua việc ban hành hệ thống văn bản pháp luật và các văn bản pháp luật; thực thi và kiểm tra, giám sát việc thực thi hệ thống văn bản quản lý Nhà nước về phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Theo đó, công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực này đã đạt được những thành tựu nhất định, nhất là trong nội dung về hạn chế khai thác nguyên liệu, nhiên vật liệu, kéo dài tuổi thọ của sản phẩm trong hoạt động sản xuất, trao đổi, tiêu dùng và dịch vụ cũng như trong hạn chế chất thải phát sinh nhằm giảm thiểu ô nhiễm và tác động

xấu đến môi trường.

Tuy nhiên, vai trò của Nhà nước trong thực hiện nội dung của kinh tế tuần hoàn hiện nay ở Việt Nam vẫn còn những hạn chế. Điều đó đang đặt ra những vấn đề cần giải quyết: Đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu phát huy vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế tuần hoàn với sự hạn chế về trình độ, năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ công chức trong bộ máy nhà nước, trong đó có việc xây dựng, thực thi, giám sát việc thực thi chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế tuần hoàn; Mâu thuẫn giữa yêu cầu phát huy vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế tuần hoàn với nhận thức của đội ngũ cán bộ và của xã hội về kinh tế tuần hoàn còn hạn chế; Mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế tuần hoàn với những bất cập về nguồn lực, nhất là nguồn lực công nghệ, kết cấu hạ tầng, nguồn lực tài chính.

Để phát huy vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam trong thời gian tới, trước hết, cần nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ công chức trong bộ máy nhà nước, trong đó có năng lực xây dựng, tổ chức thi hành, giám sát việc thực thi chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế tuần hoàn. Theo đó, cần nâng cao năng lực xây dựng chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch của đội ngũ cán bộ công chức; nâng cao năng lực tổ chức thi hành, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch của đội ngũ cán bộ công chức về phát triển kinh tế tuần hoàn. Mặt khác, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, văn bản pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, hệ thống pháp luật liên quan đến các nội dung của kinh tế tuần hoàn: Rà soát, hệ thống hóa hệ thống pháp luật chuyên ngành về kinh tế tuần hoàn nói chung, bảo vệ môi trường nói riêng nhằm tạo sự thống nhất, khả thi, áp dụng hiệu quả trên thực tế; Xây dựng đồng bộ cơ chế thúc đẩy thực thi pháp luật về KTTH hiệu quả, phù hợp với định hướng và mục tiêu phát triển của quốc gia trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế.... Đồng thời, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ và toàn xã hội về phát triển kinh tế tuần hoàn; Phát huy vai trò của các nguồn lực, trong đó có nguồn lực về khoa học công nghệ, kết cấu hạ tầng, nguồn lực tài chính, của các chủ thể khác, góp phần nâng cao vai trò của Nhà nước trong phát triển KTTH.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Tuấn Anh (1994), *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Dương Thị Thục Anh (2013), *Vấn đề thực hiện chức năng xã hội của nhà nước Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
3. Lê Hữu Ái (2015), “Vai trò của Nhà nước trong định hướng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, (2).
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2000), *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Hà Nội.
5. Báo Pháp luật (2025), *Việt Nam - 'nhà máy' năng lượng sạch tương lai của châu Á*, <https://evn.com.vn/d/vi-VN/news/Viet-Nam-nha-may-nang-luong-sach-tuong-lai-cua-chau-A-60-17-501615>, [truy cập ngày 13/10/2025].
6. Nguyễn Ngọc Bích, Trần Thu Hằng, Chu Anh Tuấn, Quang Úy, Quang Minh (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2004), *Nghị quyết số 41-NQ/TW về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Hà Nội.
9. Bộ Chính trị (2020), *Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
10. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 70-NQ/TW (Nghị quyết 70) ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045*, Hà Nội.
11. Bộ Kế hoạch Đầu tư (2020), *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế ở*

Việt Nam, Hà Nội.

12. Bộ Tài nguyên & Môi trường (2020), *Báo cáo hiện trạng Môi trường Quốc gia 2016 - 2020*, Hà Nội.
13. Dương Văn Bôn (2025), *Xu hướng phát triển tín dụng xanh ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, <https://kinhtevadubao.vn/xu-huong-phat-trien-tin-dung-xanh-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-29151.html>, [truy cập ngày 15/8/2025].
14. Thùy Chi (2025), *Phê duyệt chủ trương xây nhà máy đốt rác phát điện hơn 7.500 tỉ đồng*, <https://thanglong.chinhphu.vn/phe-duyet-chu-truong-xay-nha-may-dot-rac-phat-dien-hon-7500-ti-dong-103250627145521451.htm>, [truy cập ngày 16/10/2025].
15. Nguyễn Thế Chinh (2020), *Nghiên cứu, đánh giá, đề xuất các mô hình phát triển nền kinh tế tuần hoàn phù hợp với Việt Nam trong bối cảnh thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
16. Trần Ngọc Chính (2023), “Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn”, *Tạp chí Tài chính*, (794+795).
17. Chính phủ (2020), *Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020, về phát triển bền vững*, Hà Nội.
18. Chính phủ (2022), *Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 7/1/2022 quy định giảm nhẹ phát thải nhà kính và bảo vệ tầng ô zôn*, Hà Nội.
19. Chính phủ (2022), *Nghị định 08/2022/NĐ-CP*, Hà Nội.
20. Chính phủ (2022), *Nghị định 45/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*, Hà Nội.
21. Chính phủ (2023), *Nghị quyết số 48/NQ-CP của Chính phủ, ngày 3/4/2023 Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
22. Trần Kim Chung, Hoàng Văn Cương (2021), “Xu thế phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam trong tình hình mới”, *Tạp chí Tài chính*, (758).

23. Cộng đồng nông dân & nông nghiệp Việt Nam (2014), *Dự án nông nghiệp carbon thấp trong 6 năm được triển khai với tổng kinh phí*, Hà Nội.
24. Vũ Cúc (2025), *Triển khai hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn*, <https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/Triển-khai-hỗ-trợ-nông-nghiệp-các-bon-thấp-góp-phần-giảm-thiểu-ô-nhiễm-môi-trường-nông-thôn>, [truy cập ngày 10/10/2025].
25. Vũ Hùng Cường (2022), “Kinh tế tuần hoàn: Một số lý luận cơ bản, kinh nghiệm của Trung Quốc và gợi mở đối với Việt Nam”, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, (01).
26. Trần Công Dũ (2023), *Một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, <http://tapchicongthuong.vn/mot-so-giai-phap-nham-nang-cao-vai-tro-cua-nha-nuoc-trong-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-o-viet-nam-105835.htm>, [truy cập ngày 15/6/2025].
27. Đoàn Văn Dũng (2022), “Nhận diện mô hình kinh tế tuần hoàn và định hướng chính sách”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (316).
28. Nguyễn Đức Dũng (2022), *Kinh tế tuần hoàn 4.0*, (Sách dịch), Nxb Thế giới, Hà Nội.
29. Tùng Dương (2025), *Động lực thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trong các doanh nghiệp Việt*, <https://vneconomy.vn/dong-luc-thuc-day-phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-trong-cac-doanh-nghiep-viet.htm>, [truy cập ngày 13/8/2025].
30. Ngọc Dương (2025), *Mô hình V.A.C: Hướng đi bền vững cho nông nghiệp Việt Nam*, <https://nongnghiephuuc.vn/mo-hinh-vac-huong-di-ben-vung-cho-nong-nghiep-viet-nam>, [truy cập ngày 8/10/2025].
31. Bảo Duy (2025), *Bến Tre: Thành Thới A xây dựng thành công mô hình nuôi trùn quế*, <https://nhachannuoi.vn/ben-tre-thanh-thoi-a-xay-dung-thanh-cong-mo-hinh-nuoi-trun-que/>, [truy cập ngày 5/9/2025].
32. Đặng Đức Đạm (2020), *Vai trò của nhà nước trong kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu giáo dục nghề nghiệp Ives.

33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển, 2011)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận- thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
40. Nguyễn Đình Đáp (2021), *Kinh tế tuần hoàn: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, tại trang <https://tapchinganhang.gov.vn/kinh-te-tuan-hoan-nhung-van-de-ly-luan-va-thuc-tien.htm>, [truy cập ngày 15/6/2025].
41. Phan Huy Đường (2015), *Quản lý nhà nước về kinh tế*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
42. Lê Hải Đường, Đỗ Tiến Dũng (2022), “Kinh nghiệm xây dựng, hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn ở một số nước trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (11/459).
43. Lê Thị Thanh Hà (2011), “Vai trò của nhà nước Việt Nam trong việc bảo vệ môi trường”, *Tạp chí Triết học*, (8).
44. Lê Thị Thanh Hà và Hoàng Thu Trang (2012), “Vai trò điều tiết kinh tế của nhà nước đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, (9).
45. Lê Thị Thanh Hà (2012), “Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở nước ta

- hiện nay”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (01).
46. Lê Thị Thanh Hà (2013), *Nhà nước Việt Nam với vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn*, Nxb Chính trị Hành chính, Hà Nội.
 47. Nguyễn Thị Thu Hằng (2025), *Chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, <https://kinhhtevadubao.vn/chinh-sach-phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-32051.html>, [truy cập ngày 16/8/2025].
 48. Ngọc Hân (2025), *Doanh nghiệp sản xuất nỗ lực chuyển dịch sang mô hình kinh tế tuần hoàn*, <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/ghi-nhan-n.html>, [truy cập ngày 21/11/2025].
 49. Hiệp Định Thương Mại (CPTPP, EVFTA, RCEP), *Tác Động Đến Doanh Nghiệp FDI*, <https://tpm.com.vn/vi/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-cptpp-evfta-rcep-den-doanh-nghiep-fdi/>, [truy cập ngày 13/9/2025].
 50. Nguyễn Thị Ngọc Hoa (2025), *Giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn hướng đến chuyển đổi xanh*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/03/04/giai-phap-phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-huong-den-chuyen-doi-xanh/>, [truy cập ngày 15/2/2025].
 51. Kiều Thị Phương Hoa, Trần Thị An Tuệ (2023), “Hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn của Đức và một số gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, (799).
 52. Lê Minh Hoan (2025), *Kinh tế tuần hoàn - kinh nghiệm thế giới và hành động của Việt Nam*, <https://tuoitrethudo.vn/kinh-te-tuan-hoan-kinh-nghiem-the-gioi-va-hanh-dong-viet-nam-284000.html>.
 53. Bùi Thị Mai Hoài (2024), *Kinh tế tuần hoàn và vai trò dẫn đường của Nhà nước*, tại trang https://diendandoanhnghiep.vn/kinh-te-tuan-hoan-va-vai-tro-dan-duong-cua-nha-nuoc-10147382.html?utm_source=chatgpt.com, [truy cập ngày 15/5/2025].
 54. Trần Văn Hiếu (2022), “Kinh tế tuần hoàn - Chiến lược và giải pháp phát triển

- bền vững đồng bằng song Cửu Long”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, tập 58.
55. Trần Thanh Hùng (2022), “Thực hiện kinh tế tuần hoàn: Kinh nghiệm của Hàn Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, (3).
 56. Mạnh Hùng (2020), *Rác thải nhựa ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, tại trang <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/bao-ve-moi-truong/-/2018/826009/rac-thai-nhua-o-viet-nam--thuc-trang-va-giai-phap.aspx>, [truy cập ngày 13/6/2025].
 57. Trần Linh Huân, Lê Thị Châu Giang (2024), *Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam: Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện*, tại trang https://tapchinganhang.gov.vn/phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-o-viet-nam-thuc-trang-va-mot-so-kien-nghi-hoan-thien-10563.html?utm_source=chatgpt.com, [truy cập ngày 15/3/2025].
 58. Nguyễn Thị Phong Lan (2023), *Kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển bền vững ở Việt Nam*, tại trang <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/825071/kinh-te-tuan-hoan-huong-toi-phat-trien-ben-vung-o-viet-nam.aspx>, [truy cập ngày 15/2/2025].
 59. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
 60. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, Tập 43, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
 61. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, Tập 45, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
 62. Phan Thị Hà Linh (2022), “Kinh tế tuần hoàn và cơ chế pháp lý thúc đẩy kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, (4).
 63. Phạm Tiến Mạnh, Ngô Thị Hằng (2021), “Kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế tuần hoàn và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, (758).
 64. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 65. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 66. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà

Nội.

67. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 22, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
68. C.Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 37, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. C.Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 47, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Lại Văn Mạnh, Nguyễn Trọng Hạnh, Nguyễn Thị Thanh Huyền (2021), *Kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật để phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam: Nhìn nhận từ những biểu hiện rào cản trên thực tiễn*, tại trang <https://vietnamcirculareconomy.vn/learning/kien-nghi-hoan-thien-chinh-sach-phap-luat-de-phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-o-viet-nam-nhin-nhan-tu-nhung-bieu-hien-rao-can-tren-thuc-tien/>, [truy cập ngày 13/2/2025].
72. Nguyễn Thị Thanh Mai (2023), “Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khi chuyển dịch sang mô hình kinh tế tuần hoàn tại vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (8).
73. Nguyễn Thị Miên (2021), “Phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam: Một số vấn đề đặt ra và khuyến nghị”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (3).
74. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Bình Minh (2025), *Phát triển bền vững phải bắt đầu từ thay đổi tư duy*, <https://tuoitre.vn/phat-trien-ben-vung-bat-dau-tu-thay-doi-tu-duy-202511231252146.htm>, [truy cập ngày 13/10/2025].
77. Nguyễn Hoàng Nam (2022), “Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030”, *Tạp chí Kinh tế và Quản lý*, (41).
78. Kiều Thanh Nga (2023), “Chuyển đổi năng lượng ở Châu Phi: tiếp cận từ kinh

- tế tuần hoàn”, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, (1/536).
79. Quang Ngọc (2022), *Thiếu nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế tuần hoàn*, tại trang <https://scp.gov.vn/tin-tuc/t13101/thieu-nguon-luc-tai-chinh-de-phat-trien-kinh-te-tuan-hoan>, [truy cập ngày 11/3/2025].
 80. Nguyễn Nhân (2021), “Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, (7).
 81. Lê Phan (2025), *Khởi công nhà máy đốt rác phát điện VietStar, TP.HCM đề nghị làm thật nhanh*, <https://tuoitre.vn/khoi-cong-nha-may-dot-rac-phat-dien-vietstar-tp-hcm-de-ngghi-lam-that-nhanh-2025030510461321.htm>, [truy cập ngày 13/11/2025].
 82. Đỗ Phong (2024), *Thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn: Cần nhiều sự nỗ lực hơn nữa*, tại trang <https://vneconomy.vn/thuc-day-phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-can-nhieu-su-no-luc-hon-nua.htm>, [truy cập ngày 20/3/2025].
 83. Nguyễn Văn Phương (2022), “Pháp luật về quản lý chất thải hướng tới xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, (10).
 84. Võ Hữu Phước (2023), “Phát triển kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển bền vững”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, (1+2).
 85. Phạm Ngọc Quang (2009), *Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, tại trang <https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/ngghien-cu/-/2018/2205/vai-tro-cua-nha-nuoc-trong-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-ngghia-o-viet-nam-hien-nay.aspx>, [truy cập ngày 5/5/2025].
 86. Phạm Ngọc Quang (2009): *Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*,
 87. Nguyễn Hồng Quân (2022), “Kinh tế tuần hoàn thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững, hài hòa với bảo vệ môi trường”, *Tạp chí Cộng sản*, (985).
 88. Quốc hội (2018), *Luật Khoáng sản 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2018)*, Hà Nội.
 89. Quốc hội (2020), *Luật Bảo vệ môi trường năm 2020*, Hà Nội.
 90. Quốc hội (2024), *Luật Tài nguyên nước 2024*, Hà Nội.

91. Quốc hội (2024), *Luật Điện lực (sửa đổi) năm 2024*, Hà Nội.
92. Quốc hội (2025), *Luật Đầu tư sửa đổi năm 2025*, Hà Nội.
93. Quốc hội (2025), *Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025*, Hà Nội.
94. Nguyễn Thị Quý (2023), “Vai trò kinh tế của nhà nước trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Tài chính doanh nghiệp*, (3), tr.28 - 31.
95. Đặng Ngọc Như Quỳnh (2022), “Một số giải pháp nâng cao vai trò quản lý của nhà nước về kinh tế - xã hội ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, (38).
96. Như Quỳnh (2025), *Dabaco và mô hình chăn nuôi tuần hoàn: hướng đi bền vững cho ngành nông nghiệp chăn nuôi tuần hoàn*, <https://hiephoithucanchannuoi.vn/chi-tiet-bai-viet/dabaco-va-mo-hinh-chan-nuoi-tuan-hoan-huong-di-ben-vung-cho-nganh-nong-nghiep-hien-dai>, [truy cập ngày 11/9/2025].
97. Reike và cộng sự (2018), *Thống kê và trích dẫn nhiều cách tiếp cận kinh tế tuần hoàn theo các chữ R khác nhau, trong đó các mô hình có từ 3 đến 10 chữ R*.
98. Nguyễn Hồng Sơn (2020), *Chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay*, tại trang <https://www.nxbctqg.org.vn/chuc-nang-quan-ly-kinh-te-cua-nha-nuoc-ta-trong-giai-doan-hien-nay.html>, [truy cập ngày 15/2/2025].
99. Nguyễn Phước Tài (2022), *Vai trò của Nhà nước trong hình thành và điều tiết kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, tại trang <https://lyluanchinhtri.vn/vai-tro-cua-nha-nuoc-trong-hinh-thanh-va-dieu-tiet-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-o-viet-nam-1167.html>, [truy cập ngày 10/6/2025].
100. Bùi Kim Thanh (2025), “Mô hình phát triển kinh tế tuần hoàn và khuyến nghị chính sách”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (565).
101. Nguyễn Công Thành (2025), *Phân tích dòng vật chất và đề xuất chính sách thực hiện kinh tế tuần hoàn với ngành giấy bao bì Việt Nam*, <https://khoamoitruongdothi.neu.edu.vn/vi/cong-trinh-nckh/phan-tich-dong-vat>

chat-va-de-xuat-chinh-sach-thuc-hien-kinh-te-tuan-hoan-voi-nganh-giay-bao-bi-viet-nam, [truy cập ngày 15/10/2025].

102. Bích Thu (2025), '*Mở khoá tự nhiên*': Vinamilk biến rào cản thành vòng tuần hoàn xanh tại trang trại sinh thái, <https://vietnambiz.vn/mo-khoa-tu-nhien-vinamilk-bien-rao-can-thanh-vong-tuan-hoan-xanh-tai-trang-trai-sinh-thai-2025725105811406.htm>, [truy cập ngày 9/8/2025].
103. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25-11-2015, phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam tới năm 2030, tầm nhìn tới năm 2050*, Hà Nội.
104. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07-5-2018 về Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
105. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20-8-2020 về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa*, Hà Nội.
106. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 ban hành Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Hà Nội.
107. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 phê duyệt Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050*, Hà Nội.
108. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 Phê duyệt đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam*, Hà Nội.
109. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 về Đề án tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội giai đoạn 2022-2027*, Hà Nội.
110. Thủ tướng Chính phủ (2025), *Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/1/2025 Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035*, Hà Nội.
111. Phạm Thị Thùy (2022), “Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế gắn với

- thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (11).
112. Hoàng Thị Thu Thủy (2021), “Vai trò của nhà nước đối với phát triển bền vững ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, (174).
113. Nguyễn Thị Thu Thủy và Vũ Ngọc Thanh (2025), *Phát triển kinh tế tuần hoàn của một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/11/17/phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-cua-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi-va-kinh-nghiem-cho-viet-nam/>, [truy cập ngày 20/6/2025].
114. Gia Tiến, Việt Anh, Công Thành (biên soạn) (2005), *Từ điển Tiếng việt*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
115. Bùi Đức Tịnh (chủ biên) (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
116. Nguyễn Ngọc Toàn (2023), *Kinh tế tuần hoàn trong phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
117. Như Trang (2020, *Khu công nghiệp sinh thái: Phân khúc hấp dẫn mới với các nhà đầu tư*, tại trang <https://thoibaonganhang.vn/khu-cong-nghiep-sinh-thai-phan-khuc-hap-dan-moi-voi-cac-nha-dau-tu-109097.html>, [truy cập ngày 15/6/2025].
118. Đức Trung (2025), *Cách người Nhật phân loại rác*, <https://www.tapchinuocduc.com/cuoc-song/kham-pha/cach-nguoi-nhat-phan-loai-rac.html>, [truy cập ngày 10/5/2025].
119. Đinh Văn Trung (2018), *Vai trò của Nhà nước trong tái cơ cấu nền kinh tế ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
120. Nguyễn Anh Tuấn (chủ biên) (2023), *Kinh tế tuần hoàn và những mô hình tiên phong*, Nxb Công thương, Hà Nội.
121. Vũ Thị Uyên, Nguyễn Phương Mai (2022), *Mô hình phát triển kinh tế tuần hoàn trên thế giới và bài học cho phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam*, tại trang <https://isponre.gov.vn/vi/news/doi-thoi/mo-hinh-phat-trien-kinh-te>

luan-hoan-tren-the-gioi-va-bai-hoc-cho-phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-o-viet-nam-2273.html, [truy cập ngày 10/3/2025].

122. Viện Chiến lược Chính sách Nguyên và Môi trường (2022), *Thúc đẩy đổi mới sáng tạo hướng đến hiện thực hóa kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
123. Hùng Võ (2020), “Chảy máu” - lãng phí tài nguyên khoáng sản: Gánh nặng đè lên “vai” xã hội, tại trang <https://mega.vietnamplus.vn/chay-mau-lang-phi-tai-nguyen-khoang-san-ganh-nang-de-len-vai-xa-hoi-6645.html>, [truy cập ngày 9/5/2025].
124. World bank (2020), *Vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế ở Việt Nam*, Chương trình nghị sự đề xuất nhằm xây dựng một nhà nước kiến tạo để thúc đẩy một nền kinh tế cạnh tranh và hiệu quả hơn, Hà Nội.
125. Minh Xuân (2024), *Chuyển đổi xanh - hành trình bền vững của Nhựa Bình Minh*, tại trang <https://www.sggp.org.vn/chuyen-doi-xanh-hanh-trinh-ben-vung-cua-nhua-binh-minh-post746063.html>, [truy cập ngày 13/8/2025].
126. Nguyễn Thị Yến (2022), “Giải pháp góp phần hoàn thiện bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý và Công nghệ*, (21).
127. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

Tiếng Anh

128. Alan Murray, Keith Skene, Kathryn Haynes (2015): *The Circular Economy: An Interdisciplinary Exploration of the Concept and Application in a Global Context*, Springer Science + Business Media Dordrecht 2015, Published online 22 May 2015
129. Codrina Rada and Rudiger von Arnim (2011), *"Structural Transformation in China and India: The Role of Macroeconomic Policies"*, University of Utah Department of Economics, (05
130. David W.Pearce và R.Kerry Turner (1990): *Economics of Natural Resources and the Environment*, Hemel Hempstead: Harveste Wheatsheaf, pg.39

131. Dinda S. (2020), *A circular economy approach for sustainable economic development*, Int.J.Green Economics, Vol.14, No.2.
132. EEA (2017): *Circular by design: Products in the circular economy*, European Environment Agency, Copenhagen, 2017
133. Hart, Jim, Pomponi, Francesco (2021), *A Circular Economy: Where Will It Take Us?*, Circular Economy and Sustainability, 9//3/2021.
134. Ha-Joon Chang (2003), *Globalization, economic development and the role of the state*, published by Zed Books Ltd., (Toàn cầu hóa, phát triển kinh tế và vai trò của nhà nước)
135. IISD (2019): *Circle Economy Report Highlights Role of Local Governments in Enabling Circular Economy*; <https://sdg.iisd.org/news/circle-economy-report-highlights-role-of-local-governments-in-enabling-circular-economy/>
136. Julian Kirchherr, Laura Piscicelli, Ruben Bour (2018): *Barriers to the Circular Economy: Evidence From the European Union (EU)*, Ecological Economics 150 (2018)
137. Loraine Kennedy: *The Politics of Economic Restructuring in India: Economic Governance and state spatial rescaling* (Quan điểm tái cơ cấu kinh tế ở Ấn Độ: Hoạt động của nền kinh tế và phạm vi tác động của nhà nước)
138. Mark R. Stone (2002), *Corporate Sector Restructuring: The Role of Government in Times of Crisis*, International Monetary Fund, USA
139. Martin Geissdoerfer, Paulo Savaget, Nancy Bocken, Erik Jan Hultink (2017): *The Circular Economy - A new sustainability paradigm?*, Journal of Cleaner Production, 143
140. OECD (2019), *Business models for the circular economy: Opportunities and challenges for Policy*.
141. OECD (2021), *Applying Evaluation Criteria Thoughtfully*, OECD Publishing, Paris.
142. Preston, F. (2012). A global redesign? Shaping the circular economy. Briefing Paper, London: Chatham House.

143. Vasileios Rizos, Katja Tuokko, Arno Behrens (2017): *The Circular Economy: A review of definitions, processes and impacts*; Research Report, 2017/8
144. Victoria IORDACHI, Rodica PERCIUN, Olga TIMOFEI (2020): *Role Of Governments In Promoting The Transition To Circular Economy*; <https://ideas.repec.org/a/brc/brccej/v5y2020i1p55-66.html>.

DANH MỤC CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC

1. Nguyễn Thị Thuỳ Linh (2024), “*Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay: Từ quan điểm của Đảng đến giải pháp đến giải pháp thực tiễn*”, Tạp chí *Chủ nghĩa xã hội – Lý luận và thực tiễn*, (Số 34 tháng 12/ 2024), tr.33.
2. Nguyễn Thị Thuỳ Linh (7/2025), “*Chủ trương của Đảng và thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn hiện nay*”, Tạp chí *Lý luận chính trị*
Link bài báo: <https://lyluanchinhtri.vn/chu-truong-cua-dang-va-thuc-trang-phat-trienkinh-te-tuan-hoan-hien-nay-6807.html>
3. Nguyễn Thị Thuỳ Linh (9/2025), “*Vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay*”*Tạp chí Quản lý nhà nước*, Số 356, Mã: ISSN2354 – 0761.
<https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/09/04/vai-tro-cua-nha-nuoc-doi-voi-phat-trienkinh-te-tuan-hoan-o-viet-nam-hien-nay/>